

diễn đàn

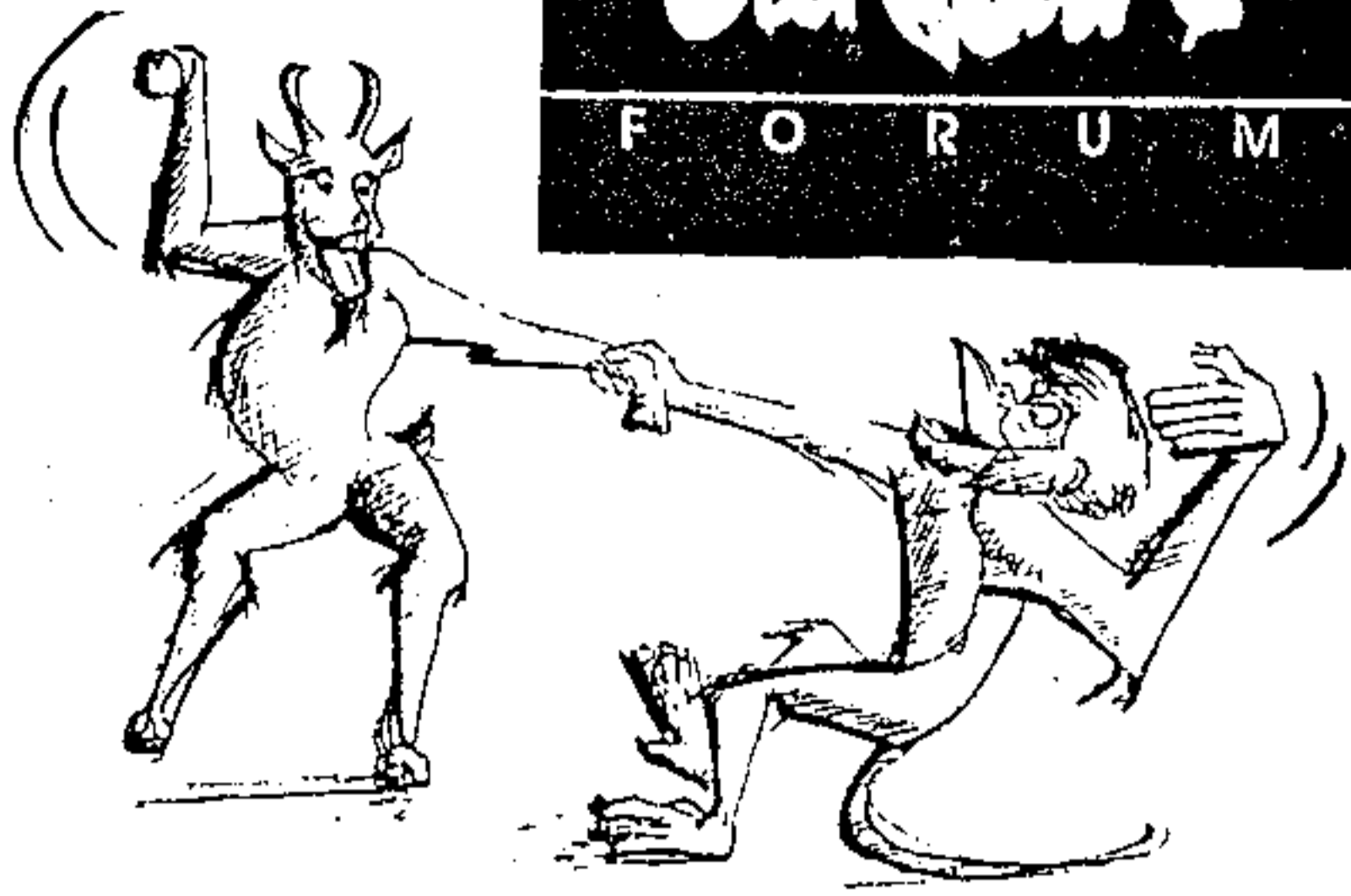
Số 5 1.2.1992

XUÂN NHÂM THÂN

F O R U M



Bạn đọc và



Trong thời gian vừa qua, Diễn Đàn tiếp tục nhận được giấy mua báo dài hạn của bạn đọc ở nhiều nước. Cho tới cuối tháng 12.1991, hơn 700 bạn đã đóng tiền mua dài hạn và ủng hộ Diễn Đàn. Nhiều bạn ở các nước Đông Âu không có điều kiện tài chính để mua báo, chúng tôi đã ghi trong danh sách gửi báo miễn. Đầu tháng 4.1992, trong Diễn Đàn số 7, chúng tôi sẽ đăng một báo cáo của ban quản lý tóm tắt tình hình tài chính của Diễn Đàn sau nửa năm hoạt động.

Một số bạn đã kèm theo (hoặc gửi riêng) thư từ và bài vở cho báo:

Trần V.K. (Paris), Lý T. (Warszawa, Ba Lan), Đào T.N. (Lille), V.Đ. (Matxcova, Nga), Trần Mười (Ruesselheim, Đức), H.L.M. (Harzburg, Đức), Hồ V.X. (Roma), Nguyễn V.B.

DIỄN ĐÀN FORUM

B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France)

Fax : (33 1) 45 88 54 58

Chủ nhiệm

Hà Dương Tường

Tổng biên tập

Trần Hải Hạc

Chủ biên

Trần Hải Hạc

Nguyễn Ngọc Giao

Bùi Mộng Hùng

Hà Dương Tường

Biên Tập, Kỹ thuật, Quản lý

Vũ An, Mỹ An, Bác sĩ Aspirin

Lê Văn Cường, Hà Duy

Trần Đạo, Nguyễn Hải

Đơn Hành, Nguyễn Lộc

Hoàng Lê, Tuấn Linh

Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc

Thoai Phong, Nguyễn Quang

Phong Quang, Bảo Tâm

Nguyễn Thanh, Thanh Thanh

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng

Hàn Thủy, Đỗ Thống

Đặng Tiến, Nam Trần

Hoài Văn, Kiến Văn

Hải Vân, Hòa Vân

(Niederbronn Les Bains), M.G. Tâm (Vancouver, Canada), Bùi V.K. (Hoa Kỳ), Phan T.K. (Paris).

Xin chân thành cảm ơn các bạn. Bài không thấy đăng trên hai số Diễn Đàn liền, xin các tác giả tự tiện sử dụng như ý muốn.

Trong số trước, chúng tôi đã nhắc lại một số thể lệ về bài vở gửi cho Diễn Đàn (cũng là thể lệ thông thường của báo chí). Chỉ xin nhắc thêm ở đây một điểm nhỏ : yêu cầu các tác giả viết tên và địa chỉ bằng chữ in. Nhất là, trong trường hợp các bạn ở một nước không sử dụng mẫu tự latin (Ban biên tập Diễn Đàn rất tiếc không có người đọc được những dòng chữ thảo – tuy rất đẹp ! – viết bằng mẫu tự Nga của bạn V.Đ...).

Dưới đây là một số tâm sự, lời phê phán hoặc góp ý với Diễn Đàn cùng vài câu trả lời của ban biên tập khi cần thiết.

Nạn nhân

Thế hệ trẻ chúng tôi, những con người được sinh ra và lớn lên dưới chế độ cộng sản, được đào tạo dưới “ mái trường xã hội chủ nghĩa ” và bản thân tôi đã trải qua khói lửa của chiến tranh, đã từng chứng kiến bao cảnh thịt nát xương rơi của đồng đội. Thế hệ chúng tôi được Đảng và Bác “ soi đường chỉ lối ”, được biến thành những con tốt đen, những người lính xung trận cho một cường quốc chính trị điên rồ, bản thủ. Khi được tiếp xúc với báo chí tự do của cộng đồng người Việt tại Hải ngoại, nhiều khi tôi không khỏi bàng hoàng, sửng sốt. Đất nước ta rồi sẽ đi về đâu khi tính ích kỷ và sự thù hận vẫn còn ăn sâu vào tiềm thức. Chúng ta đấu tranh để có được tự do, dân chủ cho đất nước hay chỉ mang nặng về một hình thức phô trương. Nếu chúng tôi là nạn nhân suốt bao năm của đường lối tuyên truyền chính trị bản thủ thì ở Hải ngoại này nhiều tổ chức tự xưng là đấu tranh cho tự do, dân chủ mà hành động thì ngược lại, cũng chụp mũ lung tung, câu chữ, lời văn. Thật công bằng khi xếp họ vào những đối tượng mù quáng, cực đoan và thiếu văn hoá.

(...) Được các bạn tôi giới thiệu Diễn Đàn - Forum là một tờ báo mới đã hoạt động trong hoàn cảnh “ ly khai ”, tôi muốn làm bạn đọc lâu dài của quý báo và nếu có thể được tôi sẽ gửi đến quý báo những bài viết trong khả năng của mình...

(H.L.M.)

Diễn Đàn rất cảm thông nỗi buồn sâu sắc của anh, và sẵn sàng đón nhận những bài anh viết.

Râu ông Phan cảm cảm ông Phạm

Diễn Đàn số 4, trang 25, cột hai, dòng thứ 15, đã in “ Phan Phú Thứ lúc đó làm trong cơ mật viện...”. Theo mình thì là Phạm chứ không phải Phan, vậy xin tin cho quý báo biết. Chẳng biết có quan trọng không, nhưng nếu dân Điện Bàn biết được chắc họ sẽ không bằng lòng vì từ xưa đến nay họ vẫn rất hãnh diện về dòng họ Phạm của họ. (Phan T.K.)

Đây quả thật là sơ sót của tác giả (và cũng do người đánh máy dốt sử — mea culpa), xin thành thực cáo lỗi cùng chị Phan T.K. và bạn đọc (người dân Điện Bàn hay nơi khác !)

Nghèo tin

1/ Phần Tin tức Việt kiều đó đây, chỉ nên đăng những tin thật quan trọng : giải thưởng Nobel... Những chuyện như làm cảnh sát trưởng hay đoạt giải Karaté là những chuyện hết sức bình thường, nhất là những người đã thành công dân ở mấy xứ này, ăn nói và cư xử đã là như người bên này...

(xem tiếp trang 40)

ngôn từ và thực chất

Hải Vân

Cùng bạn đọc

Số báo này sẽ được gửi đi trong những ngày cuối tháng chạp năm Tân Mùi. Trước thềm năm mới, Diễn Đàn xin chân thành gửi đến bạn đọc và gia quyến những lời chúc một năm Nhâm Thân tốt lành nhất, dồi dào sức khoẻ, với nhiều hạnh phúc và thành công.

Như chúng tôi đã thông báo trong số trước, nhờ sự hỗ trợ tinh thần và vật chất của rất đông đảo bạn đọc, Diễn Đàn đã xác định mình "đúng" được, và đã quyết định xuất bản một **phụ bản tiếng Pháp** từ ngày 15.1.1992, với nhịp độ 2 tháng 1 lần (chính xác hơn, 1 năm 5 số, với giá mua dài hạn 75 FF). Chúng tôi cũng muốn làm một cuộc sơ kết cho 6 tháng hoạt động của tờ báo, và mong nhận được những ý kiến của bạn đọc về cả nội dung và hình thức Diễn Đàn: Xin các bạn gửi bài vở, thư từ về toà soạn trước ngày 10.3.1992.

Nhân dịp này, cũng xin lưu ý tất cả là Diễn Đàn đã đổi địa chỉ, và có một số Fax (xem trang 40) để các bạn ở xa có thể gửi nhanh cho chúng tôi mọi thư từ, bài vở. Ngoài ra, chúng tôi cũng vui mừng thông báo với các bạn ở Đức và các nước Đông Âu một địa chỉ liên lạc ở Đức, với ngân khoản ngân hàng riêng (xem trang 39).



Không mấy ai chờ đợi bản dự thảo sửa đổi hiến pháp - công bố ngày 31.12.1991 để "lấy ý kiến của dân" trước khi trình Quốc hội biểu quyết tháng 3 tới - sẽ đặt lại vấn đề độc quyền chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Song, sau sự sụp đổ của tất cả các chế độ cộng sản châu Âu, người ta trông đợi, muốn biết Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút những bài học gì về việc cải tổ hệ thống chính trị. Tu sửa hiến pháp chính là một cơ hội để đảng cầm quyền bày tỏ ý định - nếu có - về dân chủ hoá đời sống quốc gia, trả quyền lại cho các cơ quan dân cử, tiến tới tách Nhà nước ra khỏi đảng. Các cuộc thảo luận chung quanh những dự thảo văn kiện đầu tiên, đặc biệt tại khoá họp tháng 7 của Quốc hội, cho thấy không phải không có những xu hướng muốn cải cách thật sự, những phương án đề nghị trao thực quyền cho Quốc hội và Chính phủ (xem Diễn Đàn số 1, tháng 10.91). Mọi chuyện đã ngã ngũ tại hội nghị trung ương đảng cuối tháng 11 vừa qua, với bản báo cáo của Bộ chính trị do ông Đỗ Mười trình bày. Quan điểm đề ra để "đổi mới hệ thống chính trị" là "phát huy hiệu lực của Nhà nước phải đi đôi với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước".

Kết quả là một bản văn kiện trong đó phần sau hủy phần trước !

Một mặt, để cải cách bộ máy nhà nước, bản báo cáo nêu lên một số nguyên tắc tổ chức của một nhà nước pháp quyền, có phân công giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy không triệt để, sự phân công này đưa đến nhiều điều cải tổ: chuyển Quốc hội sang hoạt động thường xuyên; trao cho thủ tướng quyền chọn lựa bộ trưởng, thứ trưởng, quyền bổ nhiệm chủ tịch ủy ban hành chính các tỉnh, thành; đảm bảo thể độc lập của thẩm phán...

Mặt khác, đòi tăng cường sự lãnh đạo của mình, đảng lại vô hình chung vô hiệu hoá những nguyên tắc vừa đưa ra ở trên. Phải hiểu thế nào nguyên tắc đảng không can thiệp vào công tác xét xử của toà án khi đồng thời đảng tự cho mình quyền tham gia ý kiến về quan điểm xét xử trong các vụ án có ảnh hưởng chính trị hoặc liên quan đến đảng viên? Phải hiểu thế nào nguyên tắc đảng không làm thay công tác về nhân sự của nhà nước, khi đảng lại cho mình quyền lựa chọn, xem xét và có ý kiến đối với các chức danh cán bộ chủ chốt trước khi nhà nước quyết định bổ nhiệm? Cũng như, phải hiểu thế nào nguyên tắc đảng "không lạm dụng uy tín" để áp đặt ý kiến mình lên Quốc hội, khi hầu hết đại biểu là đảng viên và không có quyền nói ngược lại nghị quyết của đảng?

Như vậy, bài học mà ban lãnh đạo đảng rút ra từ sự tan rã của chế độ cộng sản ở châu Âu đã rõ: Vì xu hướng chung của những cải tổ đã tiến hành ở châu Âu là chuyển dần quyền lực từ bộ máy đảng sang các cơ quan dân cử, thì ngược lại, lãnh đạo chặt chẽ chính phủ, quốc hội và các cơ quan dân cử khác là điều kiện để quyền lực không tuột khỏi tay đảng! Trong điều kiện đó, nói đến quyền hạn của quốc hội, của chính phủ hay toà án phải chăng chỉ là nói đến những điều hình thức.

Thật ra, việc đảng cộng sản Việt Nam tự xưng trong bản dự thảo sửa đổi hiến pháp là "lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội", xét cho cùng, cũng chỉ là một điều hình thức. Bởi vì, vấn đề thật sự là đảng cộng sản Việt Nam hiện nay có năng lực lãnh đạo nhà nước và xã hội hay không? Ngay bản báo cáo của tổng bí thư Đỗ Mười cũng chỉ đưa ra một câu trả lời có điều kiện: "vấn đề quyết định là bản thân đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn". Và trong bản cáo cuối năm đọc trước quốc hội, thủ tướng Võ Văn Kiệt không che dấu được điều "lo ngại nhất" khi bước vào năm 1992: "tình trạng mất trật tự, kỷ cương, vi phạm pháp luật, tề tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp nhân dân". Trong hoàn cảnh đó, những nỗ lực đổi mới, "chẳng những khó thực hiện mà còn có thể bị biến dạng, đưa tới kết quả rất xấu."

Tất cả vấn đề là ở đó: yếu kém về năng lực, bị nhiễm nặng bệnh tham nhũng, thoái hóa về mặt lý tưởng, bộ máy đảng và chính quyền còn có khả năng "tự" chỉnh đốn, "tự" cải tổ để thiết lập một kỷ cương, một trật tự mới hay không? ♦

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Buôn lậu : 240 triệu đô la.

Đó là con số (tính theo tiền Việt Nam, khoảng 3000 tỉ đồng) ước tính giá trị hàng hóa buôn lậu trong năm 1991, do ông Trần Duy San, Giám đốc Công an kinh tế đưa ra trong một bài trả lời phỏng vấn của báo Quân đội Nhân dân (ngày 8.12.1991, AFP cùng ngày).

Hàng nhập lậu chính gồm xe gắn máy (150000 chiếc, trị giá 600 tỉ đồng) và thuốc lá (100 triệu bao, khoảng 500 tỉ đồng), được đưa vào Việt Nam chủ yếu từ Thái Lan, qua đường biên giới Campuchia. Theo báo Tuổi Trẻ ngày 3.12.1991, thuốc lá nhập lậu chỉ giảm mạnh trong ba tháng cuối năm 1990, sau khi có chỉ thị cấm nhập và hút thuốc lá ngoại, sau đó lại tăng lên, và từ tháng 6.91 trở đi tăng mạnh như trước khi có chỉ thị!

Trong chiều ngược lại, hàng xuất lậu, một phần đáng kể qua đường biên giới phía bắc, gồm có đá quý, cao su, kim loại màu, đồ cổ...

Trong bài phỏng vấn nói trên, ông Trần Duy San xác nhận hoạt động buôn lậu được tiến hành với sự đồng lõa của cán bộ chính quyền và quân đội và có chiều hướng gia tăng ở cả hai vùng biên giới với Campuchia và Trung Quốc. Nỗ lực chống buôn lậu của chính phủ từ hơn một năm nay không mang đến những kết quả mong đợi. Trong hai cuộc hội nghị về vấn đề này tại Hà Nội và thành phố HCM đầu tháng 12, các viên chức chính phủ cho biết những chiến dịch chống buôn lậu chỉ làm giảm bớt không tới 10% hoạt động phi pháp này.

Tham nhũng.

Theo tạp chí Kinh tế Viễn đông (FEER, ngày 9.1.1992), trong kỳ họp Quốc hội tháng 12 vừa qua, nhiều nhóm người đã tụ tập trước hội trường Ba Đình đòi Nhà nước phải đem ra xử những cán bộ cao cấp dính líu tới các vụ tham nhũng và của quyền. Một trường hợp điển hình là vụ nguyên thứ trưởng bộ lâm nghiệp Thân Trung Hiếu, sau khi bị báo chí tố cáo tham nhũng đã bị cách chức (tháng 10.1990), nhưng vừa được Viện kiểm sát nhân dân tối cao " đình chỉ điều tra " ! (Theo Tuổi Trẻ, 3.12.1991).

Trước đó, cũng theo tạp chí này (bài của Murray Hiebert, phóng viên thường trú của FEER tại Hà Nội, trong số đề ngày 19.12.1991), thông cáo của kỳ họp trung ương Đảng đã lên án gay gắt những thiếu sót trong cuộc đấu tranh chống buôn lậu và tham nhũng. Đồng thời, kỳ họp trung ương cũng phê bình báo chí viết quá nhiều về nạn tham nhũng !

70 000 người nghiện ma túy.

Theo tạp chí Tuần Tin Tức số ra ngày 18.1.92, trích thống kê của công an, số người nghiện ma túy ở Việt Nam hiện nay lên đến 70 000 người. Đồng thời với số người nghiện tăng lên, khối lượng thuốc phiện và ma túy buôn bán trong nước cũng tăng theo. Trong hai năm qua, chính quyền đã tịch biên 794

kilo thuốc phiện, 2 kí heroin và 0,5 kí mocphin. Tờ báo cũng cho biết, ước lượng có tới 3000 chủ lò hút thuốc phiện trên cả nước. Thành phố HCM và tỉnh Lai Châu là những nơi có số người nghiện ma túy nhiều nhất, mỗi nơi này có tới 20 000 người nghiện, trong khi ở Hà Nội số người nghiện ước tính từ 5 tới 7 nghìn người. Khoảng 20 000 người nghiện khác sống trong các tỉnh miền núi phía bắc : Sơn La, Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên, Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Ninh. 35% người nghiện là thanh niên từ 18 đến 30 tuổi, và số người hút thuốc phiện thuộc các thành phần cán bộ, viên chức Nhà nước, quân đội tăng nhiều. Từ một năm nay, chính quyền đã đóng cửa một công ty quốc doanh có nhiệm vụ thu mua thuốc phiện dùng trong công nghiệp dược phẩm và rút giấy phép cho một số nơi được quyền trồng thuốc phiện.

(AFP 18.1.1992)

Thiếu ăn.

Theo một bản tin của Thông tấn xã Việt Nam, do hãng AP đưa lại ngày 17.1.1992, 50% trên tổng số 21 triệu trẻ em ở nông thôn Việt Nam bị thiếu ăn, và 30% trẻ em dưới 5 tuổi bị nhiễm các chứng bệnh về bộ máy hô hấp. Các em cũng thường bị ỉa chảy, ho hen, sởi (rougeole), viêm tủy xám (polio), uốn ván (tétanos).

Bản tin cũng đưa ra những con số 1,2 triệu trẻ em từ 6 tới 10 tuổi và 1 triệu em từ 11 đến 14 tuổi không được đi học.

Dân số Việt Nam năm nay ước tính là 69,3 triệu người, với mức độ tăng dân 2,2% mỗi năm.

Nhật - Việt : từng bước.

Một phái đoàn chính thức gồm 9 quan chức ngoại giao, tài chính và kỹ thuật Nhật, do ông Takao Kawakami, Vụ trưởng vụ hợp tác kinh tế, bộ ngoại giao dẫn đầu đã tới thăm Việt Nam từ 12 đến 18.1 vừa qua để thảo luận với chính phủ Việt Nam về việc Nhật viện trợ trở lại cho Việt Nam sau 13 năm gián đoạn. Theo ông Kawakami, cuộc đàm phán chưa kết thúc, " nhưng (hai bên) đã đi được một bước dài tới một giải pháp ". Theo AFP, phía Nhật nêu lên vấn đề giải quyết món nợ 20 tỉ yên (157 triệu đô la) mà chính phủ Nhật đã cho chính quyền Sài Gòn vay trước năm 1975. Thông tấn xã Việt Nam thì nêu một nguồn tin Nhật nói rằng chính phủ Nhật đã quyết định viện trợ cho Việt Nam 4 tỉ yên trong năm thuế khóa mới của Nhật, bắt đầu tháng 4 tới.

(AFP 11 và 18.1.92)

Thủ tướng Thái thăm Việt Nam.

Trong hai ngày 15 và 16.1, ông Anand Panyarachun, Thủ tướng Thái Lan đã đến thăm chính thức Việt Nam. Đây là chuyến thăm chính thức Việt Nam đầu tiên của một người cầm đầu chính phủ Thái. Tại Hà Nội, ông Anand

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Panyarachun và ông Võ Văn Kiệt đã ký một biên bản cập nhật hóa hiệp ước thương mại giữa hai nước đã được ký kết năm 1978, trước khi quân đội Việt Nam tiến sang Campuchia. Hai bên đã thoả thuận tăng cường các mối liên hệ kinh tế song phương, và Thái Lan đã hứa cho Việt Nam vay với lãi suất thấp 150 triệu bath (6 triệu đô la) để mua hàng Thái. Một số thoả thuận khác đã đạt được trong những lĩnh vực ngân hàng và lãnh sự. Ông Anand Panyarachun cũng đã ghé thăm thành phố HCM một ngày trước khi trở về Băng Cốc.

Trong thông cáo chung của hai bên Việt - Thái về cuộc đi thăm, Việt Nam đã nhắc lại mong muốn gia nhập tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và “ (sẽ) rất hoan nghênh sự hỗ trợ của Thái Lan và những nước khác trong ASEAN ” về sự gia nhập này. Theo ông Anand, sự kiện đó là “ tất sẽ xảy ra ”, song Việt Nam còn phải thoả mãn một số điều kiện trước đã. Điều quan trọng nhất là Việt Nam phải đi tới kinh tế thị trường và hoà nhập vào hệ thống kinh tế thế giới.

(AFP, 16 và 17.1.1991)

Ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam

Theo tin Reuter ngày 16.1.92, Ngân hàng trung ương Việt Nam đã quyết định về nguyên tắc cho phép 7 ngân hàng nước ngoài chính thức hoạt động ở Việt Nam. Ông Lê Văn Châu, phó Thống đốc Ngân hàng đã gặp và thông báo quyết định này cho các ngân hàng nói trên, gồm có 4 ngân hàng Pháp (Crédit Lyonnais, Indosuez, BNP, và Ngân hàng ngoại thương Pháp BFCE), Ngân hàng Băng Cốc (Thái Lan), Ngân hàng Úc và Tân Tây Lan, Cathay Bank (Đài Loan). Diễn Đàn số 3 cũng đã đưa tin Ngân hàng Malaisia Public Bank đã hoạt động ở Việt Nam dưới dạng một ngân hàng liên doanh với Ngân hàng đầu tư và phát triển của Việt Nam.

Vatican - Việt Nam

Tổng giám mục Claudio Celli, người phụ trách theo dõi các vấn đề Việt Nam ở Toà thánh Vatican từ năm 1980, đã đến thăm Việt Nam từ thứ ba 14 đến chủ nhật 19.1.1992. Theo ông, “ mặc dù Nhà Thờ Công giáo ở Việt Nam không được tự do như ở những nước khác ”, “ có nhiều dấu hiệu báo trước là mùa xuân đang đến ” và hai bên “ đi tới những thoả hiệp tích cực cho tương lai ”. Trong những dấu hiệu này, vị giáo sĩ sứ giả của Vatican đã kể ra việc mở một chủng viện thứ năm (ở Nha Trang) trong năm qua, và việc các chủng viện được mở cho 50 giáo sinh mỗi khóa 3 năm, thay vì chỉ được nhận 50 giáo sinh mỗi 6 năm như trước kia. Vatican mong được mở 6 chủng viện ở Việt Nam. Ngoài ra, việc cử các giáo sĩ đứng đầu các địa phận Hà Nội, Huế, Thanh Hoá cũng đang trên đà được giải quyết. Tổng giám mục Celli đã chuyển tới chính phủ Việt Nam lời mời viếng thăm chính

thức Vatican, và theo ông, lời mời này đã được tiếp đón một cách tích cực.

(Reuter 16.1 và AFP 17.1.91)

Tin ngắn kinh tế

** Ngày 4.12.1991, Ủy ban nhân dân thành phố HCM đã quyết định giải thể công ty Cosevina (Dịch vụ Việt kiều và xuất khẩu tại chỗ), và thành lập một ban thanh lý để kiểm kê thanh lý vốn, tài sản, công nợ... của công ty. Theo báo Tuổi Trẻ (26, 28, 30.11 và 7.12.1991), công ty được thành lập từ ngày 1.4.1987, quản lý của hàng Intershop (phục vụ khách nước ngoài, các lãnh sự quán, Việt kiều... mua hàng tiêu dùng bằng ngoại tệ), nhưng đã chạy theo nhiều dịch vụ kinh doanh tùy tiện, không hiệu quả, làm lỗ gần 16 tỉ đồng và nợ nước ngoài gần 4 triệu đô la không có tiền trả.

** Theo báo Tuổi Trẻ ngày 30.11.1991, Ngân hàng công thương thành phố HCM không thanh toán được 150 tỉ đồng theo yêu cầu của khách hàng.

** Tiếp theo Công ty tài chính Saigon Finance Co (xem Diễn Đàn số 4), ngày 21.12.91, Ngân hàng Sài Gòn thương tín, ngân hàng cổ phần đầu tiên ở thành phố đã khai trương hoạt động, với số vốn gần 26 tỉ đồng.

** Một Hội đồng trung ương lâm thời các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã được thành lập theo quyết định của Hội đồng bộ trưởng ngày 18.12.1991, làm “ đầu mối về đối nội và đối ngoại của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ”, và “ đại diện quyền lợi cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia với cơ quan Nhà nước soạn thảo các chính sách, pháp luật có liên quan... ”, và “ chuẩn bị cho việc tổ chức đại hội đại biểu toàn quốc các doanh nghiệp ngoài quốc doanh... ”. Hội đồng do ông Hoàng Minh Thắng, bộ trưởng thương mại làm chủ tịch. (Tuổi Trẻ 21.12.1991)

** Theo UPI 26.12.91, Ngân hàng Mỹ City Bank đã bắt đầu mở dịch vụ chuyển tiền trực tiếp từ những người Mỹ gốc Việt về cho thân nhân tại Việt Nam. Theo giấy phép của bộ Ngân khố Mỹ, mỗi gia đình chỉ được nhận tối đa 300 đôla mỗi ba tháng.

** Việt Nam và Singapour đã ký thoả thuận cho các công ty hàng không của hai bên mở các đường bay liên lạc giữa hai nước. Đường bay Singapour - Thành phố HCM sẽ được khai trương ngày 28.2, và đường Singapour - Hà Nội ngày 6.5.1992. (Reuter, 13.1.1992)

** Asia Pacific Breweries (APB), một công ty liên doanh giữa Heineken và công ty Fraser & Neave của Singapour sẽ đầu tư 25,5 triệu đô la trong một liên doanh với Công ty thực phẩm số 2, thành phố HCM, để mở một xưởng sản xuất bia tại đây. APB chiếm 60 % vốn trong liên doanh này, và bia sản xuất sẽ mang nhãn hiệu Tiger của hãng này.

việt nam...đã qua..

Công suất ban đầu được dự trù là 30 triệu lít một năm.
(FEER 19.12.1991).

Vấn đề đưa người lao động Việt Nam ở Đức hồi hương.

Thủ trưởng ngoại giao Đức, bà Ursula Seiler - Albring, đã tới Hà Nội ngày 14.1.1992 để thảo luận với chính quyền Việt Nam về việc đưa những người Việt đang ở Đức trở về nước. Sau một thoả thuận giữa hai nước năm 1989, gần 20000 người lao động Việt Nam ở Cộng hoà dân chủ Đức cũ đã trở về nước trong 18 tháng qua. Tuy nhiên, số người ở lại, vì chưa hết hạn hợp đồng hoặc chạy sang các tỉnh phía Tây còn nhiều hơn. Khoảng 10 000 người trong số này đã nộp đơn xin tị nạn chính trị. Thêm vào đó, có khoảng 8300 người từ các nước Đông Âu khác chạy sang Đức. Một đợt hành hung người Việt Nam do những nhóm cực hữu Đức đã diễn ra trong mùa thu năm 1991 (xem Diễn Đàn số 2), và lần này chính phủ Đức muốn ký một thoả thuận mới với Việt Nam để đưa thêm khoảng 20 000 người về nước. Phía Đức đề nghị một ngân khoản 10 triệu Đức mã để giúp những người trở về được học nghề và có công ăn việc làm. Tuy nhiên, trong một cuộc họp báo ngày 16.1.1992 ở Hà Nội, kết thúc hai ngày đàm phán, bà Seiler-Albring cho biết, thoả thuận đã chưa đạt được. Bà cũng khẳng định lập trường của chính phủ Đức là *những người Việt Nam ở Đức không được nhận qui chế tị nạn chính trị sẽ phải trở về nước*. Các nguồn tin ngoại giao Đức cho biết, điều đã cản trở việc ký kết thoả thuận là chính phủ Việt Nam không chịu cam kết sẽ không ngược đãi (persécuter) những người trở về.

(Reuter 14.1, AFP 14 và 16.1.1992)

Việt Nam và SEA Games 91

7 huy chương vàng, 12 bạc, 10 đồng. Đó là kết quả của đoàn Việt Nam trong Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 16 ở Manila (Philippin), cuối tháng 11, đầu tháng 12 vừa qua. Năm 1989, trở lại với SEA Games lần thứ 15 sau nhiều năm vắng mặt, đoàn Việt Nam đã đoạt được 19 huy chương, gồm 3 vàng, 11 bạc và 5 đồng.

Những tiến bộ của thể thao Việt Nam lần này không chỉ thể hiện ở các con số huy chương. Nếu năm 89, 3 huy chương vàng và một số huy chương khác của đoàn Việt Nam là thuộc bộ môn bắn súng, thì lần này, ngoài bắn súng vẫn là một môn mạnh, nhiều bộ môn khác đã có những thành tích đáng khích lệ. Về điền kinh, đó là huy chương bạc của Vũ Mỹ Hạnh trong môn nhảy cao nữ, với kỷ lục quốc gia 1,80m và huy chương đồng của Nguyễn Thu Hằng trong môn 100 mét rào nữ. Đội bóng bàn nữ, với những cây vợt Trần Thu Hà và Nhan Vĩ Quân cũng đã mang về huy chương vàng giải đồng đội và một huy chương bạc giải cá nhân (Nhan Vĩ Quân). Ngoài ra, còn phải kể những huy chương vàng các môn võ Taekwondo (Trần Quang Hạ, hạng cân 54 kg, nam), Judo (Cao Thị Phương Trinh (nữ, hạng cân 48kg). Về môn bắn súng, đáng kể nhất là thành tích của Đặng Thị Đông, với đạt 593 điểm, phá kỷ lục châu Á của một vận động viên Trung Quốc giữ đã 9 năm nay.

Một Quốc Hội Đổi Mới : Một Mong Ước Của Cử Tri

Huy Đức

Cùng với việc công bố dự thảo sửa đổi Hiến pháp để lấy ý kiến của dân, Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra chỉ thị “*lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng trong quá trình lấy ý kiến*”. Chính quyền phải chăng ngại những góp ý “*trật đường rầy*” trên mặt báo ?

Trường hợp đã xảy ra vừa qua ở Thành phố Hồ Chí Minh khi báo *Tuổi Trẻ* cho đăng một bài của phóng viên Huy Đức tổng hợp một số ý kiến về Quốc Hội. Bị xem là “*bôi nhọ chế độ*”, bài báo này đã được đưa vào hồ sơ “*tội trạng*” của báo *Tuổi Trẻ* mà chính quyền đang tiến hành xét xử.

Để rộng đường dư luận, *Diễn Đàn* đăng lại dưới đây bài báo này của Huy Đức nói về thực trạng của Quốc hội Việt Nam. Từ hai năm trở lại đây, dư luận đã ghi nhận một vài bước tiến trong hoạt động của Quốc hội ở mỗi kỳ họp : trong thảo luận bắt đầu có ý kiến khác nhau, trong biểu quyết đã có trường hợp kết quả khác với dự kiến và quan trọng hơn hết là hoạt động của Quốc hội được công khai hoá một phần trên báo chí. Song khoảng cách còn rất dài để đi đến một Quốc hội là “*cơ quan quyền lực cao nhất*” như Hiến pháp quy định. Bài báo của Huy Đức cho thấy khoảng cách đó đồng thời nói lên điều mong ước của cử tri.

Quốc Hội “*Nghệp Dư*”

Báo cáo của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh đánh giá : nguồn gốc của hầu hết các nhược điểm của Quốc hội nằm trong quan niệm cho rằng Quốc hội chỉ là *một công cụ để hợp thức hóa những quyết định của Đảng*. Quan niệm này đã làm cho các hoạt động của Quốc hội không còn thực chất mà chỉ là *hình thức*. Từ đó hình thành một Quốc hội có tính “*nghệp dư*”.

Giống như trong các khóa trước, hầu hết các đại biểu Quốc hội khóa 8 đều kiêm nhiệm, không có ai chuyên trách. Việc chọn người để đưa ra ứng cử vào Quốc hội chủ yếu căn cứ trên *cơ cấu thành phần* chứ không phải trên *năng lực*. Hạn chế này bắt đầu từ điều 2 của Luật bầu cử Quốc hội năm 1980 qui định công dân trên 21 tuổi *không phân biệt trình độ văn hóa* có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội.

Cơ cấu thành phần được hiểu một cách đơn giản : để đại diện cho giai cấp công nhân, Quốc hội đã cơ cấu nhiều đại biểu là thợ tiện, thợ rèn, đại diện cho giai cấp nông dân là những trưởng ban kiểm soát, những chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, đội trưởng đội sản xuất, v.v... Trong tổng số 496 đại biểu Quốc hội khóa 8, có 91 đại biểu là công nhân, 105 đại biểu là nông dân tập thể, 19 đại biểu ngành tiểu thủ công nghiệp, 49 đại biểu là quân nhân, 100 đại biểu là cán bộ chính trị, 123 đại biểu là trí thức và 9 đại biểu là nhân sĩ và đại biểu các tôn giáo. Không ít đại biểu trong cơ cấu này thạo việc cấy hái hơn là làm luật và quyết định những vấn đề quốc kế dân

sinh. Ngay cả việc phản ánh những nguyện vọng của giai cấp mà họ đại diện cũng không phải là đã được đầy đủ. Trong khi yêu cầu của một đại biểu Quốc hội là phải có một trình độ văn hoá cao, một khả năng xét đoán dựa trên những tri thức vững vàng và một điều cần thiết là có kinh nghiệm hoạt động nghị trường thì mới có thể *đại biểu* cho cử tri một cách hiệu quả nhất.

Tính *nghiệp dư* được thể hiện rõ nhất là ở chỗ các đại biểu Quốc hội đều kiêm nhiệm. Tại Quốc hội, người *chất vấn* lại cũng có thể là người *bị chất vấn*, một đại biểu vừa đại diện cho cơ quan lập pháp (đại biểu Quốc hội), vừa đại diện cho cơ quan hành pháp (thành viên Hội đồng bộ trưởng) và có khi còn đại diện cho cả cơ quan tư pháp. Các ủy ban của Quốc hội bao gồm phần lớn các thành viên cấp thấp của Hội đồng bộ trưởng làm sao lại có thể giám sát, kiểm tra và phủ quyết những vấn đề do *thủ trưởng trực tiếp* của mình là Hội đồng bộ trưởng đưa ra? Phát biểu trong một buổi họp tổ, đại biểu Huỳnh Ngọc Điền cho biết rằng có lần ông phản ánh trước Quốc hội về một nguyện vọng của cử tri nhưng vì vấn đề đó chưa được nhất trí trong nội bộ Đảng, ý kiến của ông liền được báo về cho cấp bộ Đảng nơi ông sinh hoạt và ông đã bị phê bình.

Thực tế thì không phải ai cũng *manh dạn* nói trong khi Quốc hội có tới trên 90% là đảng viên.

5 Năm Nhìn Lại

Quốc hội khóa 8 đã thông qua 14 luật và sửa đổi bổ sung 10 luật cũ. So với khóa 7 (chỉ thông qua 10 luật) và khóa 6 (không thông qua luật nào ngoài bản hiến pháp năm 1980) thì công tác lập pháp có tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên trong 14 luật mới này chỉ có một số ít phát huy tác dụng tốt. Một số khác hầu như không có tác dụng. Trong khi đó, tình hình kinh tế xã hội đòi hỏi cấp bách rất nhiều luật quan trọng như: *luật dân sự, luật lao động, luật hành chính...* thì Quốc hội không đáp ứng được những yêu cầu đó.

Điều này một mặt là do trình độ năng lực bị hạn chế của các đại biểu (số đại biểu Quốc hội là luật gia chưa đủ đếm trên đầu ngón tay), mặt khác là do Quốc hội *nghiệp dư* nên thời gian dành cho nghị trường quá ít. Quốc hội khóa 8 đã tăng thời gian họp lên gấp rưỡi, nhưng mỗi kỳ họp cũng không quá 15 ngày. Ở các nước như Pháp, Phần Lan, thời gian kỳ họp đầu năm được ấn định là 80 ngày, cuối năm 90 ngày chưa kể các phiên bất thường. Nhưng lý do chủ yếu vẫn là do Hội đồng bộ trưởng còn chiếm độc quyền về sáng kiến luật, mặc dù hiến pháp giao quyền này cho cả các ủy ban thường trực của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Trong nhiệm kỳ 8, đại biểu Phan Khắc Từ đã trình một sáng kiến về *luật tôn giáo*, đại biểu Huỳnh Ngọc Điền và nhóm các đại biểu phía Nam đã trình sáng kiến *luật thuế sử dụng đất và hoa lợi trên đất*, và Ủy ban văn hóa-giáo dục Quốc hội đưa ra sáng kiến về *luật xuất bản* cũng không được chấp nhận. Tất cả các dự án luật đưa ra trình Quốc hội đều do Hội đồng bộ trưởng chuẩn bị.

Khi đưa ra Quốc hội thảo luận về các vấn đề lớn như kế hoạch, ngân sách, thường nghe các đại biểu mở đầu phát biểu của mình bằng câu: "*Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với báo cáo của Hội đồng bộ trưởng*" và sau khi đưa ra một vài ý kiến nhỏ, họ thường biểu quyết thông qua và thực chất người quyết định vẫn là Hội đồng bộ trưởng chứ không phải Quốc hội. Nguyên nhân chính là do những vấn đề quốc gia đại sự này khi đưa ra Quốc hội, Hội đồng bộ trưởng thường chỉ báo cáo chung chung, tóm gọn trong hai, ba trang. Các đại biểu Quốc hội

không thể hỏi gì thêm, không có tài liệu, thông tin để thẩm định và thời gian thì không thể vượt quá chương trình nên cách tốt nhất vẫn là *cơ bản nhất trí*.

Quốc Hội Đã Làm Việc Bằng Cái Gì

Đại biểu Nguyễn Răng phát biểu rằng ở thành phố Hồ Chí Minh, "bao thơ" cho một ngày họp ít cũng đã tới 15.000, trong khi "lương" của một đại biểu Quốc hội cũng chỉ 15.000 một tháng. Khi thấy đại biểu Quốc hội đến tiếp xúc với cử tri bằng xe hơi thì biết ngay đó là một vị bộ trưởng, chủ tịch, hay một vị giám đốc; đại biểu Quốc hội đi xe đạp thì thường là đại biểu Quốc hội hưu trí, đại biểu Quốc hội là công nhân, là giáo viên... Quốc hội không bảo đảm được cho đại biểu những phương tiện cần thiết để hoạt động. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước nhưng không có ngân sách, không có thư viện, không có phòng tư liệu, không có báo chí trong và ngoài nước... Trụ sở của Văn phòng quốc hội và Hội đồng nhà nước không bằng trụ sở của một ủy ban nhân dân huyện, không có chỗ làm việc cho những vị lãnh đạo Quốc hội. Các hội đồng, ủy ban gọi là *thường trực* Quốc hội nhưng không có ai trực.

Nhưng thiếu thốn nhất đối với các đại biểu là thiếu thông tin. Các đại biểu không được cấp một tờ báo nào ngoài tờ nguyệt san *Người đại biểu nhân dân* của Quốc hội. Ngay cả *Công báo* thì sáu tháng một lần ra Hà nội họp mới được Văn phòng cấp cho một bó. Tất cả mọi thông tin đều phải tự tìm kiếm lấy thông qua báo chí (tự mua). Đại biểu Nguyễn Thanh Lâm nói rằng không có thông tin thì khi biểu quyết về một vấn đề chỉ là theo cảm tính, không thể coi là chính xác, khoa học và không thể có dân chủ được. Theo tư liệu của Văn phòng Quốc hội thì hầu hết các nước trên thế giới, mỗi đại biểu Quốc hội đều được cấp (hoặc cấp tiền) để thuê một phòng làm việc, một ô tô, một đến hai thư ký và một đến hai cộng tác viên.

Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 8, đa số ý kiến đều nhận thấy giải pháp đúng đắn nhất là thành lập một *Quốc hội chuyên nghiệp*, với những đại biểu có những điều kiện cần thiết để làm tròn nhiệm vụ của mình. Trong một Nhà nước tiến bộ thì vấn đề quyền lực của Quốc hội không chỉ được định ra chung chung trên văn bản mà phải có một cơ chế để quyền lực đó được thực hiện. Cơ quan đại biểu cao nhất của dân mà không có thực quyền thì chưa thể nói tới chuyện thực thi dân chủ.

Để các đại biểu Quốc hội làm tròn trọng trách người đại biểu cho dân, đại biểu cho ý chí và quyền lực cao nhất của người dân như Hiến pháp quy định, thì đại biểu Quốc hội phải là những người có phẩm chất, có năng lực và được dãi ngộ xứng đáng để xem nhiệm vụ đại biểu Quốc hội của mình là nhiệm vụ chính. Và chỉ có thể có được những người như vậy thông qua sự tuyển chọn và bầu cử một cách dân chủ.

(*Tuổi Trẻ*, 5.12.92)

Pour nos lecteurs francophones

DIEN ĐÀN FORUM
Supplément en français N° 1
est arrivé

8 pages, 5 numéros par an, abonnement
annuel : 75 francs.

CẤU TRÚC CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG

trong

DỰ ÁN SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Cao Huy Thuần *

Hiến pháp năm 1980 sẽ được sửa đổi. Sửa đổi chứ không phải thay đổi. Bởi vì ý thức hệ và cấu trúc chính trị căn bản vẫn giữ nguyên, nhất là điều 4 nói về đảng lãnh đạo.

Dự án sửa đổi Hiến pháp mà báo *Diễn Đàn* yêu cầu tôi giới thiệu và bình luận là dự án thứ ba. Trước đó, hai phương án đã được đề nghị. Phương án thứ nhất chủ trương có chủ tịch Quốc hội, chủ tịch nước, bỏ Hội đồng Nhà nước, không có Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ý chính là thế này: Quốc hội phải hoạt động thường xuyên, phải chuyên môn hoá, phải làm luật, không nên uỷ quyền cho Hội đồng Nhà nước ra pháp lệnh để thế luật trong thời gian Quốc hội không họp, nghĩa là hầu như quanh năm; và như vậy quyền của Hội đồng Nhà nước một phần sẽ chuyển trở lại Quốc hội, một phần chuyển sang Chủ tịch nước, lập pháp và hành pháp phân biệt rõ ràng. Phương án thứ hai đề nghị có Đoàn chủ tịch Quốc hội, có quyền ra pháp lệnh, và Chủ tịch của Đoàn chủ tịch đó đồng thời là nguyên thủ quốc gia. Ý chính? Tập thể thì bàn bạc tốt hơn; còn Quốc hội thì “cần có một thời gian một đến hai nhiệm kỳ thì mới có thể chuyển sang hoạt động thường xuyên”¹. Một nhiệm kỳ là 5 năm, hai nhiệm kỳ là 10 năm, nhân loại bước qua thế kỷ 21.

Dự án thứ ba lấy của bên này một ít, lấy của bên kia nhiều, có nỗi lòng của người chinh phụ hôm đi tiễn chồng: *bước đi một bước lâu lâu lại dừng*.

Trong bài diễn văn đọc ngày 29.11.1991², tổng bí thư Đỗ Mười có nêu ra những ý mới. Trên cơ sở thống nhất quyền lực, ông nhấn mạnh sự cần thiết của việc “phân công” rõ ràng giữa ba “quyền”: lập pháp, hành pháp và tư pháp, việc “khắc phục tình trạng lẫn lộn, chông chéo giữa ba quyền”, “khắc phục sự yếu kém về pháp luật hiện hành”, “khắc phục chủ nghĩa hình thức”, bảo đảm “thực quyền” của Quốc hội, “quyền độc lập xét xử của toà án”, “tránh sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp của Quốc hội với quyền lập quy của Chính phủ”, kiểm soát tính cách hợp hiến và hợp pháp của các văn bản thuộc quyền hành pháp, đổi mới sự lãnh đạo của đảng. Những ý mới đáng quý đó có được thể hiện trong dự án 3 không?

1 Trước hết, và xin giới hạn vấn đề ở cấu trúc chính trị trung ương, dự án này giữ lại cơ quan thường trực của Quốc hội: đó là Hội đồng Nhà nước. Quốc hội đã có một cơ quan thường trực, tất nhiên không cần phải có mặt nhiều ngày, không cần

chuyên môn hoá. Và bởi vì Quốc hội không thường trực, cho nên Hội đồng Nhà nước có quyền ra pháp lệnh.

Tuy nhiên có hai nhượng bộ cho khuynh hướng của phương án 1. Một là công nhận “chế độ chuyên trách” cho các đại biểu làm việc trong các uỷ ban của Quốc hội. Hai là giới hạn pháp lệnh vào “những vấn đề được Quốc hội giao cho theo chương trình xây dựng pháp luật do Quốc hội quyết định” (điều 100 § 4). Thế nào là “xây dựng pháp luật”? Nói cho gọn thì là làm luật mà thôi! Và thế nào là “chương trình... do Quốc hội quyết định”? Quốc hội họp mỗi kỳ vài ngày như từ trước đến nay (tuy kỳ họp có tăng lên ba thay vì hai), thông qua một chương trình tổng quát, rồi Hội đồng Nhà nước theo đó mà làm ra pháp lệnh? Nên để ý rằng Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Đảng Cộng sản... đều có quyền trình dự án luật ra trước Quốc hội (điều 86), và trên thực tế đó là những “sáng quyền lập pháp hết sức nặng ký”, nó “đề lên, làm cho gần như vô hiệu” sáng quyền lập pháp của Quốc hội³. Hội đồng Nhà nước vừa có quyền ra pháp lệnh, lại vừa có sáng quyền lập pháp “nặng ký”, thế thì có khó khăn gì tự đề nghị “chương trình xây dựng pháp luật” để Quốc hội biểu quyết, rồi tự thực hiện chương trình đó bằng pháp lệnh? Cho nên giới hạn mà điều 100 § 4 đặt ra không phải là một giới hạn.

Cũng xin nói thêm rằng dự án 3 này có ý dành cho Quốc hội quyền “bãi bỏ các văn bản của Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước... trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội” (điều 83 § 9). Trên hình thức, thế là Quốc hội cao hơn Hội đồng Nhà nước, cao nhất. Nhưng trên thực tế, như tôi sẽ nói lát nữa, điều này cũng vô dụng mà thôi.

Hội đồng Nhà nước là đặc điểm cơ bản trong hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa cũ. Đó vừa là Quốc trưởng, vừa là Quốc hội, vừa đứng đầu hành pháp, vừa đứng đầu lập pháp trên thực tế vì tính cách thường xuyên, lại vừa đứng đầu cả tư pháp trên thực tế, kiêm nhiệm và lẫn lộn ba quyền. Trong dự án 3, Hội đồng Nhà nước “giám sát hoạt động của Toà án nhân dân tối cao” (điều 100 § 6); Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước trong thời gian Quốc hội không họp (điều 136). Trên thực tế, đó là thể hiện cụ thể tính “thống nhất của quyền lực”.

2 Theo đề nghị của phương án 2, dự án 3 phân biệt Chủ tịch Hội đồng Nhà nước với Hội đồng Nhà nước. Vị chủ tịch này có nhiều quyền lắm, ngoài những quyền dành cho quốc trưởng. Một là quyền hành pháp: đề nghị Quốc hội bầu hoặc miễn nhiệm thủ tướng (điều 103 § 3). Như vậy thủ tướng là do vị này chọn, và nếu vị này hết tin nhiệm thì thủ tướng hết chức. Hai là quyền lập pháp: vì là đại biểu Quốc hội, nên vị này có tất cả quyền của đại biểu Quốc hội, nhất là quyền lập pháp (đề nghị dự án luật); vì là thành viên của Hội đồng Nhà nước, vị này tham dự vào quyền ra pháp lệnh; ngoài ra, vị này lại còn có sáng quyền lập pháp riêng được công nhận trong điều 86, sáng quyền lập pháp “nặng ký” như đã nói ở trên. Ba là quyền tư pháp, vì vị này quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó chánh án, thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Bốn là giữ chức vụ Chủ

* Giáo sư đại học, Học viện chính trị (IEP) Lille.

¹ Tờ trình Quốc hội về dự thảo 2 sửa đổi Hiến pháp năm 1980, do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công, Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp trình bày, *Quân đội Nhân dân*, 30.7.1991.

² *Cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*, bài nói của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương Khoá VII ngày 29.11.1991, *Nhân Dân*, 9.12.1991.

³ Hồ Ngọc Nhuận, *Mấy điều kiến nghị với Quốc hội*, ý kiến phát biểu tại buổi tiếp xúc của đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh với cử tri toàn thành tại Nhà hữu nghị Thành phố sáng 30.11.91, *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* số 48, 8.12.1991.

Chế độ kinh tế và xã hội trong Dự án sửa đổi Hiến pháp

Những điểm quan trọng nhất trong dự án sửa đổi Hiến pháp liên quan đến chế độ kinh tế và xã hội.

Về chế độ kinh tế, điều 15 công nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường, tuy nhấn mạnh rằng đó là “*thị trường có sự quản lý của nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Quyền sở hữu tư nhân cũng được công nhận, nhưng đất đai vẫn thuộc quyền sở hữu toàn dân; tuy vậy các tổ chức và cá nhân được quyền sử dụng ổn định lâu dài về đất đai, và quyền sử dụng đó có thể trao lại cho thừa kế hoặc chuyển cho người khác. Kinh tế cá thể, kinh tế tư sản tư nhân được quyền hoạt động — nhưng hoạt động trong các ngành nghề do pháp luật quy định. Riêng về doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có quyền thành lập không bị hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động, tài sản được Nhà nước bảo vệ, liên doanh với nước ngoài được cho phép. Đầu tư của người nước ngoài được khuyến khích, vốn không bị quốc hữu hoá, quyền sở hữu được bảo đảm.

Về lãnh vực văn hoá, giáo dục và sức khoẻ, Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các trường dân lập và hệ trường không chính quy, có chính sách miễn hoặc giảm học phí,

miễn hoặc giảm viện phí. Nói một cách khác, nguyên tắc là đi học phải trả tiền, vào bệnh viện phải trả tiền, miễn hoặc giảm là ngoại lệ. So với điều 60 và 61 của Hiến pháp hiện tại (nói về nguyên tắc giáo dục miễn phí, khám sức khoẻ miễn phí) chắc hẳn đây không phải là một bước tiến trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về quyền của công dân, ghi nhận hai điểm đáng để ý. Điểm thứ nhất là quyền đề đạt kiến nghị nói trong điều 51. Điều này ghi rõ: “*Công dân có quyền... đề đạt kiến nghị với cơ quan Nhà nước*”. Không thấy một giới hạn nào trong việc sử dụng quyền này, hoặc một ràng buộc gì. Nói một cách khác, không có gì ngăn cấm công dân cùng ký chung một kiến nghị. Điểm thứ hai là việc công nhận một nguyên tắc luật pháp căn bản: “*Không có ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật*” (điều 69). Nếu được áp dụng đúng đắn thì đây là một bước tiến trên con đường xây dựng Nhà nước pháp quyền. Hồi mới xây dựng perestroika, ông Gorbachev cũng đã yêu cầu công nhận nguyên tắc này ở Liên Xô.

tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. Ở Trung quốc, Đặng Tiểu Bình nại tuổi già, từ tất cả mọi chức trừ cái chức Chủ tịch Uỷ ban quốc phòng của Ban chấp hành trung ương đảng: cái chức đó có thực quyền lắm.

Để thi hành những nhiệm vụ và quyền hạn riêng của mình, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ban hành *lệnh*. Thế thì lại có vấn đề đặt ra: ví dụ vị đó sử dụng sáng quyền lập pháp “*nặng ký*” riêng của mình (điều 86), tất nhiên văn bản vị đó ký là một *lệnh*. Điều 112 của dự án 3 buộc các văn bản của Chính phủ phải tuân theo lệnh. Như vậy suốt trong thời gian đời Quốc hội họp để biểu quyết (nghĩa là thông qua) sáng quyền lập pháp của chủ tịch Hội đồng Nhà nước (nghĩa là dự án luật mà vị đó đề nghị), dự án này, vì là *lệnh*, cho nên phải được Chính phủ răm rắp tuân theo dù là chưa thành luật! Thế thì *lệnh* đó là lập pháp hay lập quy?

3 Có hai ý chính nữa trong dự án 3: một là nêu cao vai trò nguyên thủ của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đối với Hội đồng Nhà nước như vừa nói, và vai trò nguyên thủ của Thủ tướng đối với Chính phủ; hai là nâng cấp Quốc hội, *trên lý thuyết*, đối với Hội đồng Nhà nước.

a) Trên lý thuyết, Quốc hội là cao nhất, cao hơn Hội đồng Nhà nước. Bởi vậy, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (cũng như Hội đồng Nhà nước) do Quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội: nói một cách khác, Quốc hội có quyền miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Nhà nước. Cũng bởi vậy, Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn kiện của Hội đồng Nhà nước và của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội. Quốc hội cao đến nỗi có

quyền “*quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước*” (điều 83 § 6). Có lẽ các tác giả dự án 3 đã đi quá trớn chăng? Bởi vì việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước là công việc của chính hiến pháp: hãy xem điều 83 (nói về Quốc hội), điều 100 (nói về Hội đồng Nhà nước), điều 103 (nói về Chủ tịch Hội đồng Nhà nước) thì đủ thấy rằng chính hiến pháp đã giải quyết các vấn đề này rồi. Thế mà điều 83 § 6 lại được lặp lại ở điều 98: Hội đồng Nhà nước thực hiện những nhiệm vụ và sử dụng những quyền hạn được Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội giao cho. Như vậy ngoài những quyền quy định trong Hiến pháp (điều 100), Quốc hội có thể, chỉ bằng một nghị quyết chẳng hạn, trao cho Hội đồng Nhà nước bất cứ nhiệm vụ và quyền hạn nào khác? Giải thích Hiến pháp một cách chặt chẽ, điều 98 trái với điều 100. Điều 100 có tính cách giới hạn⁴. Điều 98 mở ra cho Hội đồng Nhà nước một trăm cánh cửa khác, nếu Quốc hội vẫn là “*Quốc hội nghiệp dư*”⁵ và “*thông qua*” như từ trước đến nay. Nên để ý thêm một điều là khi quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ, không có điều nào trong dự án 3 mở ra cho Chính phủ một trăm cánh cửa như điều 98. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ (điều 109) có tính cách giới hạn.

b) Dự án 3 muốn làm rõ hơn vai trò nguyên thủ của Thủ tướng đối với các bộ trưởng, thứ trưởng. Bởi vậy Thủ tướng có những nhiệm vụ và quyền hạn riêng khác với Chính phủ: bổ nhiệm các thành viên Chính phủ (với sự phê chuẩn của Quốc hội), bổ nhiệm và miễn nhiệm các thứ trưởng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều động chủ tịch, các phó chủ tịch và các uỷ viên Uỷ ban hành chính ở địa phương, kiểm soát tính cách hợp hiến và hợp pháp của các quyết định hành chính và cả các quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thủ tướng lãnh đạo Chính phủ. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng (và trước Quốc hội). Quyền riêng biệt đó, Thủ tướng sử dụng bằng cách ra các quyết định, chỉ thị, thông tư (khác với Chính phủ có

⁴ Điều 100: “*Hội đồng Nhà nước có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây...*”

⁵ Huy Đức, *Một Quốc hội đổi mới: một mong ước của cử tri*, Tuổi Trẻ, 5.12.1991 (Diễn Đàn đăng lại trong số này).

quyền ra nghị quyết, nghị định).

Hai ý chính là như thế, nhưng khi quy định thành bản văn hiến pháp thì dự án 3 có nhiều chỗ lúng túng, không ổn, nhiều khi không ép nổi thực tế đi theo lý thuyết. Ví dụ thứ nhất : tương quan giữa Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn bản của Hội đồng Nhà nước và của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội (điều 83 § 9). Thế nhưng Hội đồng Nhà nước lại có quyền giải thích Hiến pháp và luật (điều 100 § 3). Muốn bãi bỏ thì phải giải thích ; không giải thích sao biết là phải với trái, hợp hay không hợp với Hiến pháp hoặc luật ? Muốn Quốc hội cao nhất thì Quốc hội phải có quyền giải thích, nhưng Quốc hội, nói theo ông Hồ Ngọc Nhuận, cứ được “ miễn hợp ” hoài thì giải thích làm sao !

Cũng phải nói thêm rằng trong suốt dự án 3 không có điều nào quy định việc kiểm soát hiến tính của các đạo luật. Như vậy là luật ngang hàng với Hiến pháp, luật có thể trái với Hiến pháp ? Tôi nghĩ phải đặt lại toàn bộ vấn đề kiểm soát hiến tính trong dự án.

Ví dụ thứ hai : tương quan giữa Quốc hội — Hội đồng Nhà nước — Chính phủ, và tương quan giữa Quốc hội — Chính phủ. Điều 83 § 7 nói : Quốc hội bầu và miễn nhiệm Thủ tướng Chính phủ. Nhưng điều 103 § 3 nói thêm : Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đề nghị Quốc hội bầu hoặc miễn nhiệm Thủ tướng Chính phủ. Đây là điều mới, giống như Hiến pháp 1968 của nước Đông Đức cũ. Như vậy quyền lựa chọn và cách chức thủ tướng trên thực tế là thuộc về Chủ tịch Hội đồng Nhà nước như đã nói ở trên. Thế nhưng điều 111 đoạn cuối lại nói : “ Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm...trước Quốc hội ”. Thế nào là “ chịu trách nhiệm ” ? Trong luật hiến pháp thường tình, “ chịu trách nhiệm ” có nghĩa là nếu Thủ tướng không được tín nhiệm của Quốc hội thì phải từ chức : nói một cách khác, Quốc hội có quyền bất tín nhiệm Thủ tướng, có quyền buộc Thủ tướng từ chức. So sánh điều 103 và điều 111 người ta sẽ lúng túng : Quốc hội có cần phải được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đề nghị mới miễn nhiệm được Thủ tướng hay không ? Huống hồ điều 106 lại nói : “ Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội ”. Vậy thì nếu Quốc hội muốn miễn nhiệm Thủ tướng chỉ việc bất tín nhiệm cả toàn thể Chính phủ.

Vấn điều 83 § 7 : “ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm Phó thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ ”. Như vậy nghĩa là Thủ tướng có quyền lựa chọn và bổ nhiệm thành phần Chính phủ nhưng phải được Quốc hội phê chuẩn.

Đó là bổ nhiệm. Còn miễn nhiệm thì sao ? Điều 111 § 3 trả lời : Thủ tướng có quyền “ bổ nhiệm và miễn nhiệm các thứ trưởng ”. Chỉ miễn nhiệm các thứ trưởng mà thôi ? Thủ tướng có quyền miễn nhiệm các bộ trưởng không ? Không thấy nói. Thế nhưng điều 114 lại nói : “ Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ ”. Nghĩa là bộ trưởng cũng có thể bị Thủ tướng miễn nhiệm ? Chưa hết. Phó thủ tướng thì sao ? Không thấy nói.

Chưa hết. Điều 114 nói thêm : “ Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, trước Quốc hội ”. Lại “ chịu trách nhiệm ”. Như vậy Quốc hội có quyền buộc bộ trưởng, thứ trưởng từ chức ? Xin sắp xếp lại tất cả những điều này. Chẳng lẽ việc bổ nhiệm một thứ trưởng cũng cần Quốc hội phê chuẩn (điều 111 § 2) ? Muốn tăng cường quyền cho Quốc hội, tưởng chẳng cần phải chỉ lý về tiểu tiết như vậy.

4 Trong bài nói của tổng bí thư Đỗ Mười cũng như trong dự án 3, việc kiểm soát tính cách hợp hiến và hợp pháp rất

được đề cao và đây là điều tốt. Nhưng ai có quyền kiểm soát ? Ai cũng có quyền đó hết, từ trên xuống dưới, từ trung ương đến địa phương, trên kiểm soát dưới, dưới kiểm soát dưới nữa, theo chiều dọc. Quốc hội kiểm soát Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ; Hội đồng Nhà nước kiểm soát Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ; Thủ tướng kiểm soát Bộ trưởng, Thứ trưởng, Ủy ban hành chính, Hội đồng nhân dân tỉnh, và cứ thế xuống tận đáy địa phương. Hết kiểm soát theo chiều dọc lại đến kiểm soát theo chiều ngang : Ủy ban hành chính kiểm soát Hội đồng nhân dân cùng cấp, Hội đồng nhân dân kiểm soát Ủy ban hành chính cùng cấp. Nhưng đâu có phải vì thế mà Nhà nước pháp quyền được thực hiện đâu ! Như đã nói ở trên, kiểm soát là giải thích, mà giải thích Hiến pháp và luật thì phải do từ một nguồn, nếu không thì ông giải thích gà bà giải thích vịt, biết đó là con vịt hay con gà, con dơi hay con chuột ? Bởi vậy kiểm soát hiến tính chỉ có thể là nhiệm vụ của một cơ quan nhất định, hoặc là một cơ quan chính trị do Hiến pháp đặt ra, hoặc là toà án, không thể có giải pháp nào khác. Còn kiểm soát tính cách hợp pháp, giải thích luật, xem luật được áp dụng đúng hay sai, không có cơ quan nào khác hơn là toà án. Không nên nhầm lẫn sự kiểm soát tính cách hợp hiến hoặc hợp pháp với sự kiểm soát tính cách phải lẽ (*contrôle de l'opportunité*) của các quyết định hành chính : một bên là biện pháp pháp lý, một bên là biện pháp hành chính. Ví thử như nhà cầm quyền dùng đất vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền thì thôi, cứ tiếp tục quan niệm luật pháp như từ trước đến nay, khỏi cần thay đổi. Còn đã nêu cao lý tưởng Nhà nước pháp quyền thì nên suy nghĩ lại mối tương quan giữa quan niệm “ quyền lực là thống nhất ” và sự cần thiết hiển nhiên của việc phân biệt rành rọt ba quyền. Chuyện này đâu có khó gì, muốn là được.

5 Xin nêu thêm một nhận xét mà ai để ý một chút thì thấy ngay : điều 83 đoạn chót của Hiến pháp 1980, một điều rất quan trọng, bị xoá bỏ trong dự án 3. Điều này quy định : “ Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết ”. Đây là cánh cửa mở ra cho Quốc hội những chân trời mới, cho phép Quốc hội quyết định cho mình những nhiệm vụ mới, quyền hạn mới, khuynh hướng mới. Thế là dự án 3 một mặt thì nâng Quốc hội lên (trên lý thuyết), một mặt thì khoá Quốc hội lại.

6 Và cuối cùng, dự án 3 tăng cường lãnh đạo của đảng. Mặt trận Tổ quốc không còn là cơ sở riêng biệt. Điều 9 ghi rõ : “ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam... ”. Đó là “ cơ sở chính trị, chỗ dựa vững chắc của Nhà nước ”. Đó còn là cơ sở chính trị “ giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước và cán bộ, viên chức Nhà nước ”, từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Điều 108 nói thêm : “ Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc... được mời tham dự các phiên họp của Chính phủ khi bàn các vấn đề trực tiếp có liên quan ”. Có vấn đề gì mà không liên quan đến Mặt trận Tổ quốc khi Mặt trận là cơ sở chính trị “ giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước ” ? Ở cấp địa phương, “ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban hành chính thực hiện chế độ thông báo tình hình mọi mặt của địa phương cho Ủy ban Mặt trận, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của Mặt trận về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương ” (điều 126).

*

Công việc của tôi trong bài này là chỉ bàn về những vấn đề kỹ thuật, chi tiết, hình thức, không động đến các vấn đề căn bản, cốt lõi, vì vậy xin chấm dứt ở đây.

Cao Huy Thuần



Phụ bản : Vân đại (nhân vật chèo cổ), sơn mài của Lý Sơn.

Một số ý về bài “ Khủng Hoảng Giáo Dục ”

Lê Văn Cường

Bùi Mộng Hùng trong bài “ Khủng Hoảng Giáo Dục...” đăng trên Diễn Đàn số 4, có so sánh ngân sách giáo dục của Việt nam (12% ngân sách, từ hai năm nay) với ngân sách giáo dục của Thái lan (từ 20 đến 30% ngân sách nhà nước). Nhìn như vậy đầu tư của Việt Nam vào giáo dục xem ra có vẻ yếu. Nhưng nếu dựa vào TSP (Tổng sản phẩm quốc gia - PNB, produit national brut), như thế, năm 1989 Việt nam đầu tư vào giáo dục quăng 4% của TSP vì năm ấy ngân sách nhà nước Việt Nam chiếm 35% của TSP (1). Theo số liệu của OCDE (2), năm 1987, Pháp đầu tư 5% của PNB, Hoa Kỳ 4,8%, Nhật 5,1%, Thổ Nhĩ Kỳ 2%. Như vậy tỷ lệ đầu tư của Việt Nam vào giáo dục nằm trong “ norme ” (nếu “ ngân sách ” là ngân sách được thực hiện - budget exécuté).

Bùi Mộng Hùng cũng so sánh tỷ lệ số sinh viên trên dân số : Nam Triều Tiên cứ 10.000 người có 367 sinh viên, Thái Lan được 127, Việt Nam 22. Theo ý tôi phải lấy tiêu chuẩn Tổng sản phẩm trên đầu người (PNB par tête).

Năm 1989, TSP/đầu người của Việt Nam là 250 đôla (3). Năm 1987, TSP/đầu người của một số nước khác là như sau (3) : Nam Triều Tiên : 2810 đôla ; Thái lan : 879 đôla ; Mã Lai : 1757 đôla ; Nam Dương : 422 đôla ; Thổ Nhĩ Kỳ : 1300 đôla.

Nếu ta biết thêm, cứ 10.000 Mã lai có 42 sinh viên (4), Nam Dương có 37 sinh viên (4), Thổ Nhĩ Kỳ 100 (2), thì tỷ lệ (sinh viên/dân số)/(TSP/đầu người) của Việt nam thua Nam Triều Tiên, Thái Lan, ngang với Nam Dương, Thổ Nhĩ Kỳ, hơn Mã lai. Nam Triều Tiên có tỷ lệ cao, có lẽ vì 2/3 chi phí giáo dục do tư nhân đài thọ (3). Nhưng nghĩ rằng chi tiêu cho giáo dục chủ yếu ở trong nội địa mỗi nước thì nên dùng TSP tính theo sức mua (pouvoir d'achat) ; số liệu khó kiếm hơn. Năm 1989, TSP/đầu người tính theo sức mua ở Việt Nam quăng 1100 đôla (5). Năm 1987 TSP/đầu người của Pháp là 13600 đôla (2), của Thổ Nhĩ Kỳ là 4350 đôla (2). Tỷ lệ (sinh viên/dân số)/(TSP/đầu người tính theo sức mua) của Việt Nam không kém gì hai nước nói trên (Pháp : 230 sinh viên/10.000 người).

Những so sánh trên đây cũng là báo động : Việt Nam không thể “ an tâm ” vì một số tỷ lệ về giáo dục tương đối vừa phải theo những tiêu chuẩn nói trên, vì khoảng cách tuyệt đối về trí tuệ giữa Việt Nam và một số nước, nếu không có thay đổi về tỷ lệ, sẽ tăng dần và Việt Nam sẽ lún sâu vào khối các nước chậm tiến. Cũng không thể nào tăng vùn vụt đầu tư vào giáo dục vì trong ngân sách còn bao nhiêu mục khác. Như vậy phải tăng sản xuất, như mọi người đều biết.

(1) Báo cáo về kinh tế Việt Nam, chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc, tháng 12. 1990

(2) OCDE en chiffres, Statistiques sur les pays membres, Supplément à l'Observateur de l'OCDE, numéro 164, Juin-Juillet 1990

(3) ATLAS ECO 1991/1992

(4) Laurent Schwarz, interview, Đoàn Kết, 5. 1991

(5) Nguyễn Văn Quý và Lê Việt Đức : “ Estimate Gross Domestic Products Per Capita On Purchasing Power Parity For Việt Nam Economy ”, Trung Tâm Phân Tích Hệ Thống, Viện Quản Lý Trung Ương, Hà Nội, 1991

Suy nghĩ gần xa

Quyền được yên nghỉ (II) ¹

Theo một nguồn tin ², thì hài ông Lê-Nin có thể được đưa đi triển lãm ở một số nơi như Berlin, London, New York, Tokyo, Paris. Vì có lợi, (Ý hẳn là vì người đi xem phải mua vé vào cửa...). Người ta cũng bàn cả đến khả năng đem bán đấu giá.

Do một sự tình cờ trùng hợp, cách đây mười ngày, một anh bạn vốn có óc kinh doanh, nhân dịp bàn về tình hình kinh tế khó khăn ở Nga, có nêu câu hỏi : sao họ không bán vé vào xem lăng Lê-Nin ? Vì hai điều lợi : vừa tăng ngân quỹ, vừa bảo đảm được là người vào xem bỏ tiền mua vé trong khi đang túng, ắt hẳn là thực lòng ngưỡng mộ. Có điều là óc kinh doanh của anh ta còn ở hạng thấp : thu tiền bản xứ, sao bằng thu ngoại tệ mạnh ?

Chao ôi ! Thế mới biết khi người ta đã chỉ chạy theo tiền, thì chả còn giá trị nào ngoài giá trị “ đầu tiên ” ³. Giá khi trước, họ biết tôn trọng “ quyền được yên nghỉ ” của thể xác người đã chết — dù sao một thời đã làm nên lịch sử — thì đâu có cái chuyện phơi xác ngày nay ?

Ng. V.

¹ Quyền được yên nghỉ (I), Đoàn Kết (bộ cũ), số 420, tháng 1.1990.

² Claude Sarraute, Lénine en tournée, Le Monde 23.1.92.

³ En verlan, SVP (nói lái : tiền đầu, chú thích của Diễn Đàn)

Bàn Thêm Với Những Chỉ Số

Bùi Mộng Hùng

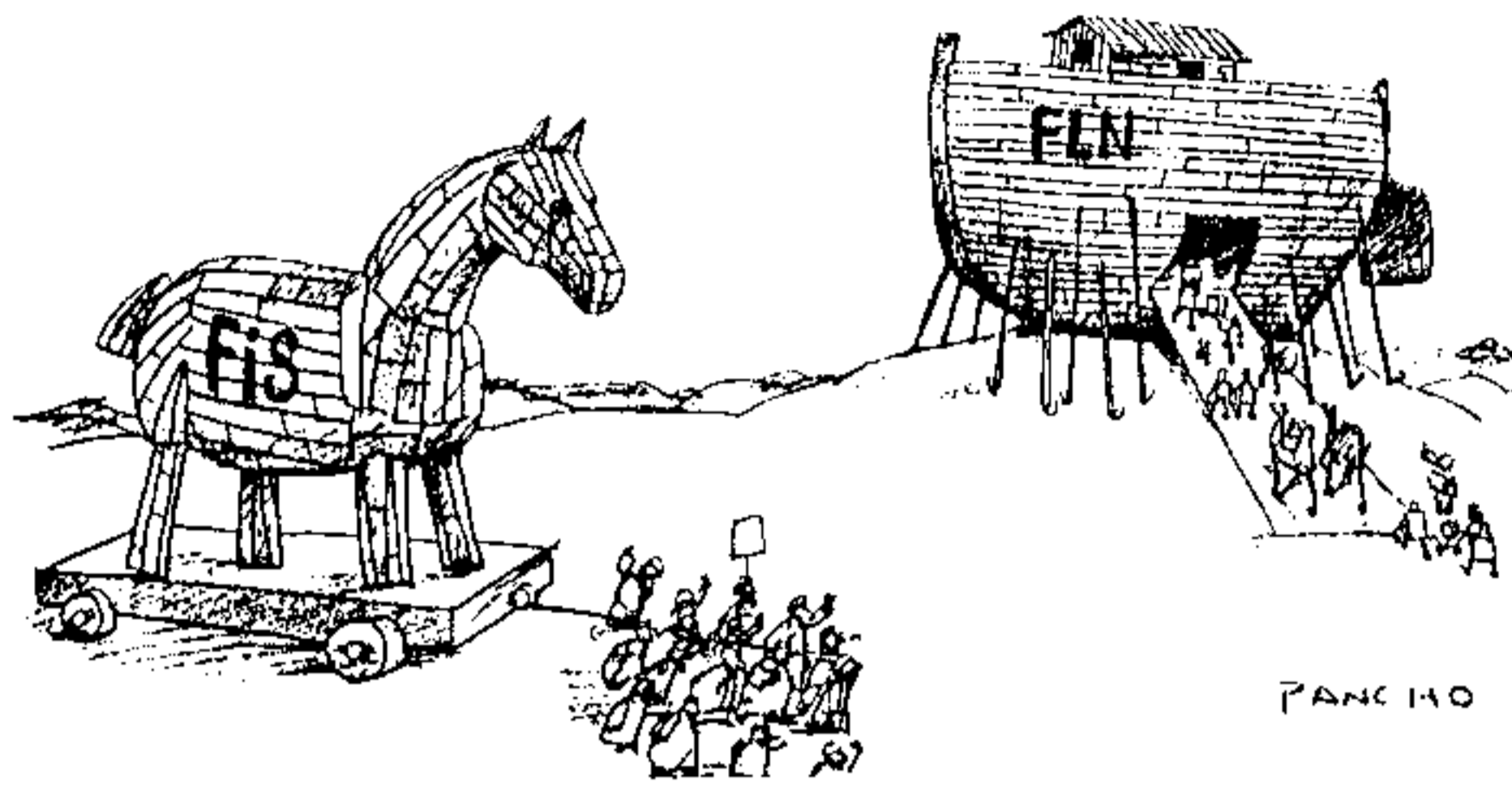
Nhà kinh tế học đã mau mắn nhắc nhở phải tiết chế số liệu tuyệt đối bằng cái nhìn tương đối và tính cho những chỉ số đáng quý, gói ghém được một số dữ kiện quan trọng.

Tuy nhiên, tính cách gãy gọn của những con số không nói lên được cái khác biệt giữa nước tư bản và nước xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, nhà nước độc quyền nắm lấy giáo dục, ngân sách gồm toàn bộ sức của đầu tư. Còn trong nước tư bản ngân sách giáo dục của nhà nước chủ yếu chỉ dành cho trường công. Bên cạnh còn có trường tư mà tỷ lệ có thể rất cao. Tại nước Mỹ trường tư chiếm 23% ở cấp tiểu học và trung học, 30% ở cấp đại học. Trường đại học tư có được nhà nước giúp đỡ, nhưng phần sinh viên đóng tiền học và tư nhân tài trợ vẫn là tỷ số quan trọng, năm 1986 chiếm 72% tổng số thu nhập của các trường đại học tư (1).

Ta cũng không nên quên rằng khác biệt 0,8 hay 1% Tổng sản phẩm quốc gia (TSP) là những số tiền to tát. Nước Pháp, 56 triệu dân, sai biệt 1% TSP là 10 tỷ đôla (để so sánh, toàn bộ ngân sách nước Việt Nam năm 1987 là 4,3 tỷ đôla). Và ta cũng nên nhớ lại rằng ngân sách giáo dục 5% TSP của Pháp năm 1987 là một trong chuỗi khoảng hai chục năm liền nhà nước Pháp không lưu tâm đúng mức đến giáo dục, đưa đến những cuộc xuống đường sôi động của học sinh vào những tháng cuối năm 1990. Trong những lý do làm cho học sinh tức nước vỡ bờ có vấn đề trường ốc hư hỏng và vấn đề thiếu thầy, lương bổng người dạy học không tăng từ lâu, chẳng còn ai muốn vào ngành giáo dục nữa. Bộ giáo dục phải đề nghị một kế hoạch khẩn cấp dành 4 tỷ francs ưu tiên sửa chữa ngay các trường trung học cho đạt tiêu chuẩn vệ sinh và

(xem tiếp trang 37)

Limites de la Démocratie



Avec le recul, la décennie qui vient de s'écouler apparaît incontestablement comme la décennie de la démocratie. Selon les observations de "Freedom House", un groupe américain des Droits de l'Homme, sur les 3 dernières années, un tiers des 171 pays du monde ont adopté le système démocratique, et pour la première fois dans l'Histoire, les démocraties sont majoritaires à la surface du globe. Cette victoire – et la défaite du totalitarisme – n'était pas évidente, ni dans les idées, ni dans les faits. Faut-il rappeler qu'au plus fort de la 2^e Guerre Mondiale, les démocraties étaient tout au plus une douzaine, et qu'au plus fort de la Guerre froide, des intellectuels de renom (1) doutaient de la survie du système démocratique ?

Coup d'arrêt

Il peut paraître exagéré de nourrir encore des doutes aujourd'hui, mais la Roche Tarpéienne est proche du Capitole, et il nous semble, à certains symptômes, que l'année 91, qui marque l'apogée des idées démocratiques, pourrait aussi marquer l'amorce de leur reflux. Dans les vieilles démocraties, où le débat politique ronronne dans une sorte de consensus mou : on pense aux Etats-Unis, où plus de 50% des électeurs s'abstiennent aux élections présidentielles ; à la Grande Bretagne, qui livre contre l'Europe des combats d'arrière-garde ; à la France bien sûr, où la classe politique vit les yeux fixés sur l'indice des prix, la courbe des sondages et les gesticulations de Le Pen. Dans les démocraties encore jeunes et dynamiques, mais à qui pourrait s'appliquer, en en modifiant à peine les termes, la formule célèbre du "socialisme dans un seul pays" : on pense bien sûr à l'Israël, le seul Etat démocratique du Proche et Moyen-Orient, mais qui mène à l'encontre de ses voisins (et quelles que soient ses raisons) une politique qu'il faut bien qualifier de "militariste, expansionniste et raciste". Dans les nouvelles-venues enfin, où, passé la fièvre de la "révolution démocratique", l'on se retrouve confronté à la ruine de l'économie, la désintégration de la société et la résurgence

des vieux démons : nationalisme, xénophobie, anti-sémitisme...

En ce début d'année 92, le putsch camouflé d'Alger (2) pourrait même avoir donné le coup d'arrêt à l'expansion démocratique. On pourra discuter à perte de vue sur l'opportunité ou non d'accepter l'entrée dans le jeu démocratique d'un parti comme le FIS, totalitaire dans son essence et dans ses intentions. Mais une fois le processus engagé, il fallait le laisser aller à son terme, sous peine – on le vérifiera dans un très proche avenir – de faire apparaître la démocratie comme une tricherie ("élections, piège à cons", disaient les gauchistes) et l'évolution démocratique vers la modernité comme une impossibilité dans un pays sous développé. N'en doutons pas : il n'y aura plus, et pour longtemps, de "révolution démocratique" dans cette région du monde.

Hors-sujet

Mais tous ces symptômes de régression que nous venons de relever, faut-il les rapporter à une quelconque maladie de la démocratie ? Après tout, n'importe quel système a ses limites, qui apparaissent d'autant plus clairement qu'on essaie de l'appliquer à des problèmes qui, par nature, lui échappent. Ainsi de la démocratie : son principe, c'est l'égalité des citoyens ; de là découle son gouvernement, qui doit être celui de la majorité, mais dans le respect de la minorité ; de là également ses institutions (pouvoirs, contre-pouvoirs), qui sont conçues pour garantir le fonctionnement harmonieux et balancé du gouvernement majoritaire. Et c'est à peu près tout. Toute extrapolation qui ne partirait pas de là est hors-sujet. En particulier :

– *La démocratie n'est pas un système économique* : l'organisation - capitaliste, socialiste, de gauche, de droite - de l'économie n'est pas du ressort de la démocratie. (La confusion vient de ce que l'organisation du travail, elle, relève des lois sociales, donc du système politique). Il n'y a pas de remède miracle "démocratique" pour résorber le chômage, augmenter la production, relancer la croissance... Les ex-pays de l'Est s'en sont aperçus assez vite ; les pays en voie de développement feraient bien de s'en apercevoir. Tout au plus peut-on reconnaître qu'une condition nécessaire du développement est la *responsabilisation* du citoyen-producteur (la preuve *a contrario* est fournie par l'inefficacité des "économies assistées" des anciennes colonies, ou des "économies administratives" des anciens pays dits socialistes), que permet – mais ne garantit pas – le système démocratique, mais que permettent également, d'une autre manière, certains systèmes autoritaires (Taiwan, Chili...).

– *La démocratie n'est pas un système idéologique* : la seule idéologie – si l'on peut dire – de la démocratie réside dans son principe d'égalité, qui contient l'idée de liberté et implique l'idée de justice. D'où vient que l'objet essentiel des lois démocratiques, c'est d'ouvrir au citoyen le maximum d'espaces de liberté, mais pas de les aménager : ce sont des espaces vides, laissés à l'initiative de chacun. Il ne

revient à aucune " autorité démocratique " de dire le Bien ou le Mal (3), c'est pourquoi, comparés aux idéologies de type messianique (marxisme-léninisme, christianisme, islam – car l'on est en droit de considérer la religion comme une " maladie infantile " de l'idéologie), les principes démocratiques peuvent paraître essentiellement négatifs. De là proviennent la difficulté de mobilisation des régimes démocratiques et le mépris, pour ainsi dire instinctif, des régimes autoritaires à leur égard (la fameuse " lâcheté des démocraties "). L'Histoire nous apprend cependant que face à des choix essentiels, les régimes démocratiques ont toujours tenu tête aux régimes autoritaires, et les ont *toujours* vaincus (4).

– *La pratique démocratique ne découle pas automatiquement des principes démocratiques* : Ces principes, en effet, garantissent la liberté d'opinion et de pensée et ne permettent de légiférer, si l'on peut dire, qu'à l'extérieur des têtes et non à l'intérieur. Aucune loi contre l'incitation à la haine raciale, par exemple, ne sera d'une efficacité totale tant qu'un discours lepéniste trouvera un écho à l'intérieur d'une tête raciste ; or une tête raciste, ça se fabrique par l'ignorance, le chômage, la peur... toutes choses contre lesquelles la démocratie ne peut rien, sauf à créer les conditions – l'éducation, la durée – de leur disparition progressive.

– *enfin, la pérennité du système démocratique n'est pas garantie ni par ses principes, ni par ses institutions* : L'Histoire l'a montré, une démocratie peut être détruite de l'intérieur, par la démission des autorités et le renoncement des citoyens : on se souvient que le parti Nazi avait pris le pouvoir le plus légalement du monde en Allemagne ; aujourd'hui la question se repose, en Algérie bien sûr, avec la légalisation du FIS, mais aussi dans tous les pays d'Europe, avec la banalisation des partis d'extrême-droite. " Pas de liberté pour les ennemis de la liberté ? " Il est inutile de poser ce genre de question à la démocratie, car elle est *organiquement* incapable d'y répondre. La réponse réside dans la vigilance de chaque citoyen.

Après ce catalogue des limites et insuffisances de la démocratie, on est en droit de se demander pourquoi, en cette fin de siècle, après l'effondrement de tant d'idéologies, l'amertume de tant d'expériences, tant de peuples y voient encore leur dernier recours. La raison, bien sûr, est connue : c'est le moins mauvais des systèmes.

N. Q.

(1) Par exemple, Raymond Aron, ou J.F. Revel, auteur de " Comment les démocraties finissent ".

(2) A la date où nous écrivons (15.01.92), l'on s'achemine vers la formation d'une junte militaire avec camouflage civil, la suspension du processus démocratique, l'annulation des élections, et peut-être l'interdiction du FIS.

(3) Corollaire : un régime démocratique ne peut être que laïc.

(4) Il n'est pas inutile de remarquer qu'au cours de l'Histoire, jamais deux démocraties ne se sont fait la guerre.

Humeur

Congo-Vendée

Depuis la libéralisation économique, l'agitation commerçante (à ne pas confondre avec l'activité commerciale) au Viet Nam est impressionnante, comme peut l'attester n'importe quel visiteur de l'été. Immobilier et import – export sont les deux mamelles d'une spéculation qu'on ne peut qualifier que d'un seul mot : frénétique. Certains y voient la fièvre du réveil, d'autres celle de l'agonie. Pour les uns, c'est le décollage économique, seulement entravé par l'embargo américain. Pour les autres, ce n'est qu'une économie de " compradores " qui s'effondrera dans les six mois, dans les faillites en chaîne et la banqueroute de l'Etat. Bien malin qui pourrait dire quel scénario l'emportera, la rédemption ou l'apocalypse. Une chose est sûre : sous la direction éclairée (et intéressée) du Parti, le Viet Nam est en train de refaire sous nos yeux l'itinéraire du 19^e siècle. Et à toute vapeur, comme pour prouver que le plus court chemin du capitalisme au capitalisme, c'est encore le " socialisme réel ".

C'est dans ces eaux du capitalisme sauvage que j'ai croisé mon Singapourien, cet été. Il se disait homme d'affaires et ce n'était qu'un petit requin, mais il était porteur du passeport magique : le billet vert. Il se lamentait à haute voix de sa récente déconvenue : une affaire de plusieurs millions – disait-il – était tombée à l'eau parce qu'au bout d'une longue chaîne pourtant copieusement arrosée, le dernier maillon avait fait défaut. « *Figurez-vous que ce type* (il parlait du dernier fonctionnaire, celui qui l'avait trahi) *non seulement a empoché son " bakchich ", non seulement n'a rien fait pour, mais en plus il m'a posé un lapin ! Il m'a laissé organiser mon rendez-vous avec mes commanditaires, et puis... il ne s'est tout simplement pas pointé !* ». Et d'ajouter, avec l'insolence des nouveaux riches : « *Vous, les Vietnamiens, on ne peut tout bonnement pas vous faire confiance... A tous les échelons, à tous les étages, c'est " Congo-Vendée ! ", " Congo-Vendée ! " et puis, quand vous avez palpé, pfft ! plus rien !* ».

" *Congo-Vendée* ", qu'est-ce qu'il entendait par là ? D'abord je n'ai pas compris. Puis j'ai compris, et ça m'a fait mal. " *Không có vấn đề* "... " *Pas de problème* "... Le mot de passe de tous les fonctionnaires et assimilés, petits et grands, dans toutes les républiques bananières et cocotières du monde, dans toutes les ex-colonies qui vivent aux crochets des ex-métropoles. J'ai des amis dans ces pays où je suis allé, c'est pourquoi je ne les nommerai pas, mais combien de fois et à propos de tout – transport, nourriture, papiers – y ai-je entendu cette antienne : " *Pas de problème* " (si " *bakchich* "). Et puis, s'il y a des problèmes, c'est " *pas de problème* " quand même. Et les indigènes sourient, et les riches étrangers rigolent, avec un rien de mépris. La Révolution, et quelques millions de morts... pas de problème, vraiment.

Z.T.

CỘNG ĐỒNG ĐỒ DÂY... DÂY ĐỒ...

Cộng đồng người Việt ở Nga

Vai trò của Đôm Năm

V.Đ.

Ở Matxcova có một toà nhà bình thường, trên một phố bình thường : nhà số 5 phố Dmitri Ulianốp. Nhưng nó lại rất nổi tiếng, không chỉ ở Matxcova mà trong toàn Liên Xô. Mọi người đã quen gọi thân mật Đôm Năm — cái tên vừa Nga vừa Việt. Đôm Năm còn nổi tiếng cả ở các nước Đông Âu và dĩ nhiên ở cả Việt Nam. Từ Ba Lan, Tiệp Khắc, người ta vẫn nói với nhau : « Mai mình sang Đôm Năm đấy ! », « Mình mới ở Đôm Năm về, đến chơi, có “ quà ” đấy ! ».

Vậy Đôm Năm nổi tiếng vì lẽ gì ? Có phải vì nó là toà nhà ở dành cho các nhà khoa học tương lai : những nghiên cứu sinh ; thực tập sinh Viện hàn lâm khoa học Liên Xô ; nơi đang thai nghén những công trình khoa học có giá trị lớn lao phục vụ công cuộc cải tổ ? Không ! Đôm Năm lừng danh vì nó là một trung tâm buôn bán hàng hoá năng động nhất, chi phối thương trường Liên Xô và những nước bạn hàng. Hoạt động buôn bán ở đây chủ yếu được thực hiện bởi các nhà khoa học thực thụ và các cán bộ khoa học tương lai của Việt Nam. Hoạt động này có từ lâu, ít ra từ 10 năm nay, nhưng sau khi cuộc cải tổ khởi đầu thì nó rầm rộ hẳn lên.

Đôm Năm mạnh nhờ mạng lưới công nhân Việt Nam đang lao động trên khắp các địa bàn quan trọng của Liên Xô và các nước Đông Âu. Và từ hơn một năm nay, khi Liên Xô bắt đầu chuyển sang kinh tế thị trường, mạng lưới này lại được mở rộng ra các hợp tác xã kinh doanh.

Khởi đầu, Đôm Năm phải trải qua khá nhiều gian lao, vất vả : vượt qua mặc cảm về nghề buôn trong chế độ xã hội chủ nghĩa, vượt qua hàng rào kiểm soát của cảnh sát, tính toán đường đi nước bước để phá vỡ vòng vây kiểm tra hành chính, cũng như các hoạt động nhiễu nhương của bọn lừa đảo, trấn lột. Ngày nay, nó phải tăng tốc và tăng cường để chạy đua với sự mở rộng thị trường ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Thời gian đầu, hoạt động của Đôm Năm nằm trong vòng bí mật : việc buôn

bán được tiến hành trong các căn phòng kín đáo, người Nga ở cạnh cũng không biết. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, người Nga được giáo dục lòng khinh thị với những người gọi là “ nhà buôn ”. Nhưng mấy năm gần đây, việc buôn bán ở Đôm Năm đã trở thành công khai ở giữa một cơ quan mang danh nghĩa khoa học. Việc buôn bán lan ra hành lang, đôi khi ở ngay trước cửa toà nhà. Ở lối vào, người ta chen nhau như ở cổng chợ Đồng Xuân. Các phòng ở biến thành những gian hàng, có những cô gái được thuê vào bán hàng. Sáng sủa, các cô ăn mặc diện, phấn son duyên dáng để mời chào khách. Có phòng trưng cả danh sách và giá cả các mặt hàng. Đủ cả : từ đồ trang sức đến hàng điện tử, máy vi tính, têlêfax, máy in ; từ quần áo, dây lưng đến ba-lô, giầy dép ; từ thuốc lá, được phẩm đến sâm nhung, rượu bổ... Luận văn tốt nghiệp cũng phải thuê người viết để tập trung thời giờ vào việc buôn bán. Các bạn Nga cũng có một số tham gia “ giải toả ” hàng cho các đồng nghiệp Việt Nam. Một số khác “ nhượng ” phòng cho những người Việt Nam tốt nghiệp ở Liên Xô về nước không có việc làm giờ lại sang đây thuê phòng làm nơi buôn bán. Còn một số bạn Nga có vận may rơi vào những cơ sở kinh doanh thì đã nối lại mối quan hệ với Đôm Năm. Và có người trở thành bạn hàng lớn, tiêu thụ cho bạn bè ở Đôm Năm hàng trăm máy vi tính và những đồ dùng điện tử khác, những lô hàng quần áo...

Ở Đôm Năm chủ yếu là bán buôn. Mạng lưới bán lẻ không do Đôm Năm trực tiếp tiến hành, nhưng cũng có sự chỉ đạo về phương hướng và sách lược. Buổi đầu, hàng được tiêu thụ trong các cửa hàng ký gửi của Liên Xô. Sau đó, khi các chợ trời mở ra khắp nơi, thì công nhân Việt Nam ra chợ đứng bán. Gần đây, người Nga đến các “ ộp ” của công nhân và sinh viên Việt Nam mua hàng rồi cũng ra bán ở chợ trời.

Người dân Liên Xô hiền lành và quen chịu đựng. Hàng mấy chục năm chỉ biết làm theo lệnh, theo kế hoạch, cả ngày xếp hàng để mua đồ ăn, đồ dùng theo giá quy định. Họ bắt đầu làm quen với mặt hàng mới lạ, cách bán mua khác nhau, giá cả cũng linh động. Các nhân viên của hàng cũng năng động hơn, họ bắt đầu suy nghĩ đến việc tăng thu nhập bản thân bằng cách bán hàng do người Việt ký gửi. Thế rồi các quầy ký gửi tăng lên, tiến tới việc hình thành các quầy hàng kinh doanh. Ở các cửa hàng đó, sắc thái phục vụ có đổi mới, tư duy kinh tế thị trường dần dần xâm nhập vào đầu óc tri tri của họ.

Báo chí Liên Xô đã từng đăng những bài rất xấu về việc buôn bán của người Việt Nam. Song gần đây, bắt đầu có những bài phóng sự có thiện cảm, với cái nhìn thực tế, mới mẻ hơn. Có tác giả không giấu giếm sự khâm phục của mình : “ Chúng ta có mọi phương tiện trong tay, nhưng chúng ta đã không làm được. Còn những người Việt Nam đến đây, họ chỉ hai bàn tay trắng và đôi chân nhỏ bé. Nhưng hãy nhìn xem họ làm việc thế nào. Và kia, những thùng hàng, những container đầy hàng đang đợi các phương tiện giao thông của chúng ta chở về đất nước của họ ”.

Tuy nhiên, phải nói thực : không riêng gì tác giả bài này, mà nói chung nhiều cán bộ khoa học Việt Nam ở chính Đôm Năm cũng rất xót xa vì tình cảnh của mình, vì triển vọng nền khoa học Việt Nam. Đối với người làm khoa học, có gì đau hơn là phải rời bỏ chuyên môn để lăn lộn kiếm sống ? Họ biết hơn ai hết : Viện khoa học Việt Nam không có việc làm, và nếu có, thì cũng không có đủ phương tiện và điều kiện làm việc. Hơn nữa, bản thân nền khoa học xôviết cũng chẳng hấp dẫn gì. Đó cũng là một nét của sự khủng hoảng chung của chủ nghĩa xã hội hiện thực, trong đó cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật vẫn được rao giảng là then chốt.

Để kết thúc bài này, tác giả trích phần cuối lời ca bài hát *Quê em* của Nguyễn Đức Toàn đã được cộng đồng người Việt ở Nga cải biên thành *Đôm em* :

Đôm em là Đôm Năm
Là Đôm atspiran¹
Viện hàn lâm Xô viết
Công việc nghiên cứu
Xin dành cho mai sau
Là khi nước mạnh giàu
Vì cuộc sống anh ơi
Em sang đây kiếm tiền
Đóng mấy thùng nuôi con
Anh ! Thôi đừng có sĩ²
Theo em bán hàng
ra tay đóng hàng !
Đây thùng năm, kia thùng bốn
Và đã Ô Kê với bọn hải quan.
Nhưng còn thua
Thương vụ, Sĩ³
Họ đóng những thùng
Mười tám khối to.

MOCKBA, tháng 12.1991

¹ Aspirant : sinh viên chuẩn bị luận án phó tiến sĩ

² Sĩ diện

³ Vai trò của Thương vụ và Đại sứ quán Việt Nam ở Mạc tư khoa trong vụ buôn lậu đã bị phanh phui trên vô tuyến truyền hình Liên Xô cuối năm 1990. Tại cuộc họp Quốc hội tháng 7.1991, khi được đề cử làm bộ trưởng ngoại giao thay thế ông Nguyễn Cơ Thạch, ông Nguyễn Mạnh Cầm lúc đầu đã từ chối, với lý do là trong thời gian làm đại sứ ở Liên Xô, ông đã để xảy ra vụ xì-căng-đan này.

Triển lãm

Réfugiés dans l'art

ở Espace Cardin

Đây là một sự kiện hiếm có, một cuộc triển lãm đặc biệt, vì lần đầu tiên ở Paris người ta được thấy tận mắt những tác phẩm nghệ thuật của những thuyền nhân trong các trại tị nạn ở Hồng Kông. Chỉ tiếc là ít bà con được biết để đi coi, vì cuộc triển lãm đã chỉ diễn ra trong có mười ngày (từ 8 đến 17.1.1992). Người ta càng không khỏi ngạc nhiên khi biết đến lai lịch của nó, lẽ ra nó phải được tổ chức chặt chẽ hơn, với qui mô lớn hơn. Nguyên là cách đây hơn một năm, tháng 10.1990, ở ngay tại Trung tâm Nghệ thuật Hồng Kông đã có một cuộc triển lãm tranh của những người tị nạn, mang tên " Still Lives ", gây được nhiều tiếng vang. Sau đó, tháng 5.1991, toàn bộ cuộc triển lãm đã được đưa sang trưng ở Toà Thị chính thành phố San Francisco (Mỹ), rồi tháng 6.91 ở Nghị viện Hoa Kỳ, tháng 9 ở Minneapolis và tháng 10 ở Nouvelle Orléans. Ngay sau cuộc triển lãm " Still Lives " ở Hồng Kông, một số người ở Pháp đã đứng ra lập hội lấy tên là " Réfugiés dans l'Art " (tên tiếng Anh là " Still Lives France "), với mục đích thông tin về vấn đề các trại tị nạn ở Hồng Kông và vận động để tìm ra những biện pháp giải quyết vấn đề này.

Cái tên " Réfugiés dans l'Art " (" Tị nạn trong Nghệ thuật ") quả là nói lên đúng cái tâm trạng hay thảm trạng của những người làm nghệ thuật trong các trại tị nạn, bởi vì đây vừa là một cách thoát ly về mặt tinh thần, vừa là con đường đấu tranh hiệu quả nhất của họ để được " chọn " và được nhập cư vào một nước khác.

Trong 63 bức họa của 21 tác giả được giới thiệu, có những bức có giá trị vừa cả về mặt nghệ thuật vừa cả về mặt tài liệu thông tin, tất cả đều được sáng tác trong những điều kiện eo hẹp mà người ta có thể hình dung được. Đề tài tranh đi từ những cảnh sinh hoạt hàng ngày trong trại đến những mơ ước tự do.

Đáng chú ý nhất về mặt hội họa là tác phẩm của Nguyễn Đại Giang, một họa sĩ người Hà Nội, năm nay 44 tuổi, hiện đã được nhập cư vào nước Mỹ. Ông là một nhân vật khá độc đáo và được nhiều người biết đến qua vụ chạy vào sứ quán Trung Quốc ở Hà Nội xin tị nạn chính trị ngay trong lúc Việt Nam và Trung Quốc đang có xung đột biên giới. Do phía Trung Quốc không nhận, ông đã bị kết án 12 năm tù. Năm 1987, được trả tự do trước thời hạn, ông đã cùng cậu con trai 12 tuổi vượt biên sang tị nạn chính trị ở Hồng Kông và hai năm sau được chuyển sang một trạm ở Phi Luật Tân trước khi được Mỹ chấp nhận cho sang cư trú.

Tranh của Nguyễn Đại Giang có vốn liếng kỹ thuật già dặn, cách nhìn phóng khoáng, hiện đại. Trong số 5, 6 bức họa của ông, có bức đáng được xếp vào hàng những tác phẩm có giá trị của hội họa Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, một số tác phẩm của của những họa sĩ khác đã gây được sự thán phục của người xem. Người ta ghi nhận những tên tuổi như : Nguyễn Quang Phục, một họa sĩ chuyên nghiệp, đã từng vào tù nhiều lần và bị tịch thu tác phẩm trước khi vượt biên cùng vợ và hai con (ông không được công nhận là tị nạn chính trị); Trần Văn Hùng, xuất thân luật gia ; Thi Phương Hữu, một nữ họa sĩ, 34 tuổi ; Đào Vũ Bằng, 17 tuổi và

Đào Vũ Minh, 10 tuổi, con của họa sĩ Đào Vũ Mùi hiện vẫn ở Sài Gòn.

Sáng tác trong điều kiện thiếu thốn về phương tiện, nhưng ngược lại, được thôi thúc bởi một ý chí tồn tại mãnh liệt, những tác phẩm này dù cho đôi khi có vụng về, thậm chí ngây ngô, cũng vẫn có một sức truyền cảm lớn, làm cho người xem không khỏi xúc động và suy nghĩ.

Mong rằng, chúng sẽ được nhiều người biết đến hơn vào một dịp khác, với điều kiện hội " Réfugiés dans l'Art " tổ chức thêm một vài cuộc triển lãm ở Paris và các tỉnh.

Hoài Văn.

Triển lãm

Hội họa và Ký họa

của Trần Trọng Vũ, Nguyễn Sơn Lâm, Jean Charles Sarrasin, Nguyễn Đức Hòa

từ ngày 17.1.1992, tại Ecole des Arts appliqués, 63 rue Olivier de Serres, 75015 Paris.

Bốn họa sĩ trẻ cùng nhau tổ chức một cuộc triển lãm chung tại phòng triển lãm của trường Mỹ thuật ứng dụng, nơi chị Nguyễn Sơn Lâm và anh Jean Charles Sarrasin đã tốt nghiệp.

Đây là sáng kiến của một nhóm bạn hữu, nó có khía cạnh trẻ trung và tương ái của nó, nhưng triển lãm chung thường có cái lợi mà cũng có cái hại, vì nó hay làm loãng đi cái không khí riêng biệt do tác phẩm của mỗi họa sĩ tạo nên, và làm cho người xem bị mất tập trung, nhất là khi những họa sĩ này lại có những xu hướng nghệ thuật khác nhau.

Lẽ dĩ nhiên, ở đây có vấn đề hoàn cảnh thực tế, và người ta cũng thông cảm với các họa sĩ trẻ vì ở Paris thuê được một phòng triển lãm rất là khó khăn và phải trả một giá rất đắt, tiền bán tranh không thể nào bù lại được!

Mặc dù không đồng đều, nhưng nhìn chung cuộc triển lãm có chất lượng và đã hấp dẫn được người xem.

Trong bốn họa sĩ, Trần Trọng Vũ có lẽ là người đã có nhiều triển lãm ở Pháp nhất. Tranh của anh có một phong cách và một không khí thơ mộng đặc biệt, hơi ngả về siêu thực. Có một cái gì đó trong sự cách điệu hóa các nhân vật đến mức ngộ nghĩnh làm cho người ta nghĩ đến thế giới tranh của Chagall và, trong một chừng mực nào đó, đến trường phái biểu hiện (Expressionisme) ở Đức đầu thế kỷ XX. Tranh của Trần Trọng Vũ đẹp, đó là điều mà tôi cho là quan trọng nhất, còn khía cạnh nội tâm của chúng, chắc phải cần đến sự giải thích của chính tác giả.

Cùng tốt nghiệp ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, nữ họa sĩ Nguyễn Sơn Lâm, sau khi đặt chân đến Pháp đã xin vào học thêm ở trường Mỹ thuật ứng dụng và đã tốt nghiệp ở trường này. Tranh của chị cho tới gần đây có xu hướng tả chân và trang trí nhiều hơn là đi vào nội tâm. Đặc biệt là những bức sơn mài của chị có bức rất đạt về bố cục cũng như về chất liệu và màu sắc, nhưng nét vẽ thể hiện người và vật còn chưa thật sắc sảo. Tại cuộc triển lãm này, người ta được thấy nhiều bức tranh trừu tượng của chị, một loại trừu tượng hình học với những hình thể và những mảng màu sắc có ranh giới rõ nét, đan cài vào

(xem tiếp trang 29)



ĐOÁ MỘNG ĐẦU

Tặng bác Hà Xuân Tế, người đã đưa tuổi thơ của tôi, lần đầu bước vào thế giới mộng ảo của Lưu Trọng Lư

*Đời đèn luân hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.
Chờ anh dưới gốc sim già nhè
Em hái đưa anh đoá mộng đầu*
(LTL)

“ Vầng vặc muôn thu nét tuyệt vời ”, là thế giới, là tâm giới, là thi giới Lưu Trọng Lư. Nguồn ánh sáng trong trẻo ấy đã đến với con nai vàng ngơ ngác từ một buổi bình minh sơ khai của Thơ Mới, là tia nắng hạnh phúc, đồng thời cũng làm giới hạn nghệ thuật và sự nghiệp Lưu Trọng Lư.

Là hạnh phúc, những bài thơ tuyệt vời của ông, khi vừa xuất hiện trên văn đàn, đã gặp ngay tri kỷ. Các nhà phê bình và sau họ là những nhà giáo, nhà soạn nhạc đã chọn và giới thiệu đúng những bài thơ hay, bình dị và trong sáng nhất, dễ thuộc nhất. Từ 1942, Vũ Ngọc Phan đã viết : “ Có thể tóm tắt tất cả những ý trong thơ của Lưu Trọng Lư vào hai chữ **tình** và **mộng** ”¹. Tưởng chúng ta khó thêm thắt điều gì ; và từ ấy đến nay vẫn chưa thấy ai thêm được điều gì. Hoài Thanh, bạn thân và sành thơ Lưu Trọng Lư, trong dăm trang đặc sắc cũng loanh quanh với ngần ấy ý². Giới hạn là ở chỗ đó.

Việc còn lại, để tưởng niệm Lưu Trọng Lư, là thử phân tích hương tình và phần mộng bàng bạc trong thơ ông và quy định biên giới của cõi tình và cõi mộng ấy.

*

NGƯỜI EM SẦU MỘNG

Thơ Lưu Trọng Lư là niềm hoài vọng mang mang hướng về dĩ vãng, về một nền văn hoá dân tộc và đông phương đang phôi pha trước làn sóng phương tây và hiện đại. Một tàn phai, không cưỡng lại được, không hò hẹn hồi sinh.

Niềm tiếc nuối khôn nguôi, khu biệt thơ văn Lưu Trọng Lư, và đánh dấu một thời đại, từ “ mấy chùm trước đậu, hoa năm ngoái ” trong Nguyễn Khuyến, đến “ sông kia rày đã nên đồng ” ở Trần Tế Xương, và gần hơn nữa, ở một Thế Lữ gửi lòng “ theo nước tràng giang ấy, sớm tối theo chàng đến Phúc Châu ”, một Xuân Diệu “ trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi ” đến Vũ Hoàng Chương “ nghe hồn ly phụ khóc trên tơ ” hay Huy Cận, nhất là Huy Cận “ phát phơ buồn tự thời xưa thối về ”. Ấy là những người tân học đã cố vũ cho thơ mới mạnh mẽ nhất.

Văn xuôi cũng vậy ; trước **Đoạn tuyệt** kêu gào cải cách, Nhất Linh đã từng lưu luyến với **Nho phong**, **Người quay tơ**, Khái Hưng trước **Nửa chừng xuân** còn tần ngần với **Hồn bướm mơ tiên**. Một thế hệ u hoài về một thời vang bóng.

Lưu Trọng Lư khác với các nhà thơ đồng lứa ở chỗ ông không mơ mộng được cái gì khác ngoài dĩ vãng của dân tộc,

trong khi Xuân Diệu còn có lúc **Giục già**, Huy Cận còn lo lắng cho **Mai sau** ; họ còn sống trong hiện tại, sống cho tương lai. Con người thời đó, ý thức khá rõ những thay đổi chung quanh, như Hoài Thanh đã ghi từ 1941 “ một cái đình cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông (...) Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước... ”. Hoài Thanh dựa vào lời Lưu Trọng Lư, trong một buổi diễn thuyết tại Qui Nhơn, 1934 : “ Các cụ ta ưa những màu đỏ chói, ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya ; ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ... ”³. Nhưng màu xanh nhạt, tiếng gà trưa rồi cũng tàn phai theo một nền văn minh đang lữ bước sang ngang. Lưu Trọng Lư chấp nhận khó khăn những đổi thay của cuộc sống : “ Tôi vừa đau đớn vừa căm giận khi nghĩ đến cái lớp đàn bà loè loẹt kia đã dám kiêu hãnh thay thế cái lớp đàn bà cũ kỹ ấy — những người đàn bà thùy mị với những bộ răng đen nhánh. Những người đàn bà ngày nay đã để răng trắng (...) Nhưng tôi biết nói thế nào khi người ta gọi đó là sự tiến bộ. ” Ông nuối tiếc “ những đồng tiền kêu lẳng kếng một cách vui vẻ biết bao ! Chúng ta ngày nay ở vào cái thời mà đồng bạc chỉ bằng giấy (...) ” ; và tiếng lục lạc của tuổi thơ “ Nhưng trời ơi, làm sao tôi quên được những tràng lục lạc ấy... Không phải là tiếng lục lạc cột ở chân một đứa bé, mà là tiếng rung của một thời, của một thế giới đã sập đổ, đã đổi rồi ”⁴. Hàm răng trắng, đồng bạc giấy, là những thay đổi tối thiểu mà một người hoàn toàn tân học như Lưu Trọng Lư năm 1941 còn không chấp nhận, nói chi đến những biến đổi thâm trầm hơn, trong phong tục, trong tư tưởng hay tình cảm ?

Lưu Trọng Lư mơ mộng nhưng không hão huyền. Mới đây, ông có tâm sự “ trong đời, có một câu thơ nào, hình như đều do cuộc đời gợi ý cho. Tuy vậy, cũng có những bài thơ đôi khi một mình ngâm lại vẫn không biết từ đâu tới ”⁵. Hoài Thanh nhằm và ví dụ không đúng về ông : “ thường ta chỉ thấy những cảnh rất mơ hồ, không có ở thời nay, mà cũng không có ở thời nào. Hãy đọc bài **Thơ sầu rụng** ”⁶ :

Vầng trăng từ độ lên ngôi,
Năm năm bến cũ, em ngồi quay tơ.
Để tóc vướng vãn thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn, thơ cũng buồn theo.
Năm năm tiếng lụa xe đều,
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.

Hình ảnh dù được thi vị hoá, cũng đã có thực trong tuổi thơ của tác giả “ Đến nay mẹ tôi đã chết. Mà cái nghề tầm tang cũng đã chết ở trong làng tôi rồi (...) Tôi quên làm sao được những mảnh trăng rơi đầy trên những ruộng dâu. Tôi quên sao

được tiếng đều đều của giường xa.

“ Những cảnh đầy thơ, đầy êm ái, đầy tôn nghiêm của nghề tầm tang ”⁷ đã gọi lên giấc mộng tình :

Chàng cùng tôi
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ
Chàng ngâm thơ
Vườn sau oanh giục già.

Gần đây, ông có nhắc lại câu thơ Baudelaire đã từng ám ảnh tuổi thơ :

Tant l'écheveau du temps lentement se dévide
(Giường tơ dần thu ngắn sợi thời gian)

“ Làm sao mà chuyển dịch cho được cái nhịp điệu, dư ba âm hưởng ấy ”⁸. Ta thấy Lưu Trọng Lư đặc biệt lưu tâm đến nhạc điệu trong câu thơ Pháp ; về hình ảnh, Baudelaire đã mượn ở nghề canh cửi (écheveau là cuộn chỉ, cuộn tơ, dévider là tháo chỉ, tháo tơ từ cuộn để dệt). Nghề tầm tang ở nông thôn ta, có phần vất vả nhất định, “ làm ruộng ăn nằm, chăn tầm ăn đứng ”, nhưng là một sinh hoạt của phụ nữ, nhiều thi vị ; từ cái buổi một cô gái hái dâu trở thành Ý Lan phu nhân, hay xa hơn nữa, một người đẹp rữ lựa trên bến Trữ La, nghề tầm tang đã lưu lại trong văn thơ nhiều tác phẩm hay — từ Lý Thương Ẩn đến Nguyễn Bính.

Bài *Một mùa đông* nổi tiếng, là điển hình cho tầm nhìn hồi cổ của Lưu Trọng Lư. Bài thơ bắt nguồn từ một liên quan có thật giữa nhà thơ và một thiếu nữ tên Cúc — chị Diễm Phùng Thị, nhà điêu khắc hiện nay — chuyện nhiều người biết, nhưng không ai dám nhắc vì ngại chạm đến đời tư ; nay chính Lưu Trọng Lư đã kể lại vanh vách suốt năm trang trong hồi ký *Nửa đêm sự tĩnh*⁹ thì chúng ta ghi lại như một tư liệu văn học :

Đôi mắt em lặng buồn
Nhìn thôi mà chẳng nói
Tình đôi ta với với
Có nói cũng không cùng.
(...) Em là gái trong song cửa
Anh là mây bốn phương trời
Anh theo cánh gió chơi với
Em vẫn nằm trong nhung lụa
(...) Ngày hôm tiễn biệt buồn say đắm
Em vẫn đùa nô uống rượu say.
Em có biết đâu đời vắng lạnh,
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.
Môi em đượm sắc mùi nho tươi ;
Đôi má em hồng núng nụ cười ;
Đôi mắt em say màu sán lạn,
Trán em để lỏng làn tóc rơi.

Giai nhân ở đây là một cô gái tân thời, thuộc loại “ răng trắng ” đã từng làm cho nhà thơ “ vừa đau đớn vừa căm giận ”, nhưng bây giờ thì “ lệ tràn đêm xuân, tình tràn trước ngõ, mộng tràn gối chăn ”. Chuyện “ tình sử ” (!) diễn ra tại sân chùa Thầy, hôm ấy có cả nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế và chồng là họa sĩ Dương Cẩm Chương, hiện cùng ở Paris. “ Chúng tôi trải giấy nhật trình, bày bữa ăn trưa. Có ít gà quay và chai rượu vang Pháp. Thấy tôi uống, Cúc cũng bắt chước đưa cốc rượu chạm vào môi. Người em gái tuyệt vời khi trên môi nhuộm màu nho tươi và hồng đôi má, rồi để rơi trên trán vài sợi tóc cô đơn vô tình tạo thành một hình tượng nghệ thuật khó phai. Cúc nhìn

tôi với nước mắt khế rơi ”⁹.

Từ cảnh thật người thật, nhà thơ đã dệt thành một giấc mơ, trong đó, cô gái mới, “ đượm sắc mùi nho tươi ”, đã trở về ngôi “ người em sâu mộng của muôn đời ” :

Tình em như tuyết giăng đầu núi
Vàng vạc muôn thu nét tuyết vời

Nhất định Lưu Trọng Lư phải thuộc câu thơ Đỗ Phủ

Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết
(Song ngâm nghìn thu ngời tuyết núi

Tản Đà đã dịch “ nghìn năm tuyết núi song in sắc ”). Đoạn cuối *Một mùa đông* :

Thuyền yêu không ghé bến sâu
Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng

gợi ta nhớ nhiều bài thơ Đường, đặc biệt bài *Xuân giang hoa nguyệt dạ* (Sông xuân đêm trăng hoa) của Trương Nhược Hư :

Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh
(...) Thuyền gia kim dạ biên chu tử
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu¹⁰.
[Long lạnh muôn dặm sóng xao,
Sông xuân một giải, cõi nào không trăng
(...) Thuyền ai thấp thoáng canh thâu,
Dưới trăng ai nhớ, trên lầu nhớ ai...]

(không nhớ người dịch)]

Thơ Lưu Trọng Lư phản ánh một nền văn hoá đang phôi pha nhưng còn để lại những màu sắc, những âm thanh, những “ chiếc cáng xanh ” những “ những chiếc cáng điều ”, đến những câu ca dao mà ông rất sành sỏi, và thơ Đường, thơ Tống. Bài *Tiếng thu*, như nhiều người nhận xét, chịu ảnh hưởng thơ Pháp, như Baudelaire hay Verlaine, từ ý thơ đến nhạc điệu ; nhưng không khí vẫn đông phương, với những chinh phu, cô phụ, ánh trăng mờ, con nai vàng ngơ ngác. Vũ Ngọc Phan thông thái khi nhận ra âm hưởng cái tên bài *Thu thanh phú* của Âu Dương Tu ; và sau này Lưu Trọng Lư xác nhận đã nghe phụ thân ngâm “ có khi ông ngâm cả bài *Thu thanh* của Âu Dương Tu cho tôi nghe (...) Dầu sao bài thơ (?) ấy cũng gợi cho tôi một thứ nhịp điệu mơ hồ nào đó và cho tôi một cái tên để đặt cho bài thơ *Tiếng thu* của tôi sau này ”¹¹. Nhưng ảnh hưởng chỉ dừng lại ở cái tên : *Thu thanh* = *Tiếng thu* ; nội dung bài phú và bài thơ không tương quan. Về “ con nai vàng ngơ ngác ”, Lưu Trọng Lư kể lại : “ trên vách, cạnh chỗ tôi hàng ngày ngồi học, có ghi bằng chữ Hán to, bài ký của thầy tôi, và dưới bài ký là hình một con nai có hoa. Tuổi nhỏ tôi sống bên con nai đó ”¹¹. Dĩ nhiên, nai không phải là một hình ảnh đặc trưng cho cái gì, trong thơ Pháp, thơ Nhật, thơ Tàu đều có. Con nai vàng Lưu Trọng Lư, cũng như con nai cao của Huy Cận, chỉ chia sẻ nỗi sầu mộng lung với “ con nai bị chiều đánh lướt ” của Xuân Diệu : “ *Mắt ngơ ngác, và thân hình ảo mộng* ”.

*

NGỰA SAY

Cái mơ gặp cái say, bỗng chéng choáng hương tình :

Vùng trắng lên mái tóc mây,
Một hồn thu tạnh, mơ say hương nồng.

Mắt em là một giòng sông
Thuyền ta bơi lạng trong giòng mắt em
(Trăng lên)

Hình ảnh vừa cổ điển vừa tân kỳ. Vũ Ngọc Phan phê là “tuyệt bút”, vì đã bắt gặp “cái phút ái ân của đôi trai gái trong lúc giã đầu, thật là đầy tình, đầy mộng”¹². Lối giải thích máy móc quá, thành dung tục; có thể vì vậy mà bài thơ hay này đã bị loại ra khỏi *Tuyển tập Lưu Trọng Lư*. Với tôi bài thơ chỉ là một liên tưởng tạo hình. Người xưa lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn cho thẩm mỹ, thường so sánh tóc với mây: “mây thua nước tóc; tóc mây một món dao vàng...”. Lưu Trọng Lư lật ngược tương quan — Baudelaire vẫn thường hành văn như vậy — so sánh mây với tóc, một lối nhân cách hoá, toả rộng thành bầu trời, “một hồn thu tạnh”¹³. Chữ *tạnh*, có nghĩa là dứt cơn mưa, *tạnh* là một bầu trời quang đãng, dịu mát và tươi thắm, như là mới vừa gột rửa hết bụi trần. Tản Đà đã dùng chữ “sông tạnh” để dịch rất sát chữ Hán “tình xuyên” trong bài *Hoàng hạc lâu* “tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ”: “Hán Dương sông tạnh cây bầy”. Tạnh còn có nghĩa im vắng: “dặm khuya ngắt tạnh mù khơi” (Kiều). Xuân Diệu có lần dùng chữ *tạnh* trong bài *Thu* rất hay:

Gió thắm, mây lạng, dáng thu xa,
Mới tạnh mưa trưa chiều đã tà.
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Chữ *tạnh* gạn lọc nguồn sáng mát trong và vô tội trong cơn “mơ say hương nồng”. Hương thơm và hơi ấm len vào không gian trong vắt, vừa thực vừa mộng: “mắt em là một giòng sông”, trong suốt đến độ mọi sự vật đều phản chiếu vào đáy nước, đáy mắt, “mắt em” đầu câu lặp lại ở cuối câu, là một phản ánh. Dòng sông trong đôi mắt gọi về hình ảnh con thuyền, thuyền của “hồn ta”, ngược với lối ẩn dụ “một hồn thu tạnh”, hồn của bầu trời. Ta nhớ lại một câu khác, cùng trong bài *Thu* của Xuân Diệu: “hây hây thực nữ mắt như thuyền”, hay Đinh Hùng:

Em tự nghìn xưa chuyển bước về
Thuyền chao sóng mắt dẫn trăng đi.

Khi so sánh: mắt với sông, hay ngược lại, sông với mắt, ta phải đứng xa; khoảng cách đẩy lùi chân trời, làm không gian rộng lên, cao mênh mông, trong niềm yên tĩnh vô biên, “thuyền ta bơi lạng”¹⁴. Cái bao la bao giờ cũng vô tội, như thơ Lưu Trọng Lư vậy. Những câu thơ hay và đầy chất Lưu Trọng Lư thường vẫn với với. Ngược lại:

Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh
Mộng đẹp bên chân đã biến rồi

là một câu thơ hay, nhưng không lộng tình và ngắt mộng Lưu Trọng Lư.

Trăng lên là một bài thơ tuyệt vời vì những giao ảnh và giao hưởng tế nhị, tiếp nối hài hoà tạo cảm giác rạo rức, nồng nàn, ngây ngất, nhưng vẫn thanh tân và đậm thắm. Như một đêm thu nào tĩnh và sáng mãi trong lòng ta.

Mơ và say một lần nữa lại làm ta ngất ngưỡng với bài *Say* mà Lưu Trọng Lư có lần bảo là mình thích nhất:

Ước gì ta có ngựa say,
Con sông bên ấy bên này của ta.
Trời cao, bến lạng, bờ xa...
Lao đao gió sậy, la đà dặm trắng...

Một mai bên quán lại ngừng
Quấy theo với rượu, một vùng giai nhân.
Ta say ngựa cũng tần ngần,
Trời cao xuống thấp, núi gần lên xa.

Bài *Say* đăng trên báo Hà Nội Tân Văn ngày 9.4.1940 được Vũ Ngọc Phan trích lại¹⁶ và bản trích được xem như là văn bản chính, vì so với *Tuyển tập Lưu Trọng Lư* thì đầy đủ và hợp lý hơn. Trong cơn ngây ngất, người say muốn ngựa cũng say; ngựa không chỉ là phương tiện vận chuyển, hoặc là bạn đường, mà hoá thân làm tri kỷ và đồng loã, cùng làm nghiêng ngả càn khôn. Nhịp thơ linh động, so với nhịp đôi đều đều của lục bát: “bên ấy... bên này... bến lạng... bờ xa” như giọng lẩm nhẩm của người say, không còn phân biệt phương hướng, tả, hữu, trước, sau; đất liền và sông nước đều như nhau, đều “của ta”: say là chiếm hữu, là trấn ngự trần gian. Mải làm chủ trần gian nên quên cả mình, quên tự chủ. Và mơ hồ chữ nghĩa: “gió sậy” không “lao đao” mà chỉ lao xao, con người mới *lao đao*; *dặm trắng* chỉ là mờ, nếu cần thì la cà chứ không *la đà*, cảnh trúc mới *la đà*: âm thanh và hình khối nhòe nét. Nhưng *lao đao* và *la đà* vẫn có nét chung là mất thăng bằng qua âm /đ luyến láy, như trong: lão đảo, lênh đênh, long đong, lù đù, lơ đãng, lật đật, lật đật... Bước chân chập choạng, nên mới “ước gì có ngựa”. Mà ngựa phải say, niềm vui mới hài hoà, trọn vẹn, mới cùng tương đắc và tâm đắc “*Bên quán lại ngừng*”. Có quán rồi, mà muốn chắc bụng, phải “*quấy theo với rượu*”, và quên bằng là mình... đi ngựa. Trên ngựa thì làm sao mà gánh mà quấy? “*Một vùng giai nhân*” ở đây nên hiểu là vàng trắng hơn là một người đàn bà, như Vũ Ngọc Phan đã giải thích. Vui như thế, ngây ngất như kia, ai gánh đàn bà theo làm gì? *Vùng giai nhân* là một hình ảnh tài hoa và hàm súc, thu gọn phong cách “*ngàn năm thi sĩ tửu đồ*” như lời Tản Đà hay qua câu thơ Hồ Xuân Hương:

Bầu dục giang sơn say chấp rượu
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ

Ánh trăng sáng sánh trong gánh nước là một hình ảnh quen thuộc trong thơ nôm Nguyễn Trãi:

Khách đến chim rừng hoa xấy rụng,
Chè tiên nước ghín nguyệt đeo về
(Tiên nghĩa là nấu; ghín là gánh)
Chè tiên nước ghín bầu in nguyệt
Mai rụng hoa đeo, bóng cách song

Uống chè, uống rượu trong cảnh ấy, là uống cả ánh trăng, là đón vũ trụ trong sáng vào lòng:

Đêm thanh hộp nguyệt nghiêng chén
(Nguyễn Trãi)

Chúng ta lại nhớ Xuân Diệu: “*trăng vông rượu khiến đêm mờ chênh choáng*”¹⁷.

[Về ánh trăng trong nồi nước chè mộc mạc, Quang Dũng có đoạn văn hay: “*chốc chốc họ lại vục cái bát vào nồi chè tươi ông cụ đã để sẵn ngoài hiên, làm tan mảnh trăng vàng vạc ở trên lớp bã chè ở đáy nồi*”¹⁸].

“*Một vùng giai nhân*” tạo nên một vòng hào quang, phong nhã hào hoa, tình tứ mà trân trọng. Kiểu cách một tí, lả lơi một tí; liều lĩnh mà dè dặt; chừng mực nhờ cổ kính. Nhà thơ chợt biết mình say: “*ta say, ngựa cũng tần ngần*”, nghĩa là ngựa còn có phần tỉnh táo — nhà thơ mong thế, trong niềm e ngại không gian đang bớt chiều cao và thêm chiều rộng:

Trời cao xuống thấp, núi gần lên xa

“ Cao, thấp, gần, xa ”, những khoảng cách xa ngái, gập ghềnh. “ Tân gần ” là phải. Phần e đường sá, phần thương dãi dàu. Uống rượu, ngại nhất là đường về.

Về nhà, hay về thực tại, đều ngại. Về là ngại.

*

Một tâm hồn mơ mộng, đôn hậu và trong sáng như Lưu Trọng Lư, một trái tim thi sĩ như thế nhất định phải gặp nhiều khó khăn khi va chạm vào những góc cạnh cuộc sống. Cuộc sống bình thường thôi, nói chi đến lịch sử khốc liệt của chúng ta. Sống bình thường thôi, tồn tại thôi, là đã gian nan, nói chi đến việc đưa cuộc sống vào nghệ thuật — theo những quy luật thường tình thôi — nói chi đến quan điểm hẹp hòi của chủ nghĩa hiện thực xã hội, trong một giai đoạn nghiệt ngã của đất nước.

Nhiều người có thành kiến với Lưu Trọng Lư, vì những tập thơ về sau của ông, và cũng vì thái độ cứng nhắc của ông thời chống Pháp ở Khu IV, hay qua những buổi nói chuyện về thơ sau 1975 in lại trong *Mùa thu lớn*. Con người mơ mộng, khi lạc bước vào những hành lang thực tế, có khi vụng về và thô bạo. Tuy gần gũi, ông không học được cái khôn của Hoài Thanh, cái khéo của Nguyễn Tuân, ông tai tiếng dù danh lợi không là bao.

Lưu Trọng Lư là một trong những nhà thơ gian khổ nhất trong hai cuộc kháng chiến. Từ 1946 ông tham dự chiến khu Hoà Mỹ tại Thừa Thiên là chiến trường ác liệt vào hạng nhất trên toàn quốc ; đến tháng 5.1975, khi các nhà văn nhà thơ khác vào Nam để sum họp, đoàn tụ, thì Lưu Trọng Lư đi tìm xác đứa con trai, hy sinh tại Vàm Cỏ Tây, mất hôm trước ngày 30.4, trên đường tiến quân về Sài Gòn. Giữa hai cái mốc đánh dấu bằng lửa và máu đỏ, Lưu Trọng Lư không sáng tác được gì đặc sắc ; chúc nọ chúc kia nếu có cũng chỉ là phù danh.

Thơ ông sau này không hay vì không hợp với tâm viết của ông, vì đường lối bức bách, đã đành, nhưng còn vì một chọn lựa, theo nhu cầu thời đại và đòi hỏi của lương tâm. Vì thật ra, không ai bắt ai phải làm thơ ; bao nhiêu người không làm thơ. Suốt thời kỳ chống Pháp, Huy Cận không làm thơ bao nhiêu.

Vì rằng, trong một xã hội, một giai đoạn nào đó, người ta có thể viết : “ Em ngồi trong song cửa, Anh đứng dựa tường hoa ”, nhưng vào một thời điểm khác, sau khi đã sống, đã nhận thấy những hoàn cảnh khác, người ta không còn viết được như vậy nữa. Ở Pháp cũng vậy thôi : những Aragon, Eluard, từ trường phái siêu thực bước vào kháng chiến chống Đức cũng thay đổi đề tài. Năm 1940 Camus, trong *L'Étranger* (*Kẻ lạ*) tạo nên nhân vật Meursault hoàn toàn dửng dưng với xã hội ; sau những năm kháng chiến ông viết *La Peste* (*Dịch hạch*) nói đến tình tương thân tương trợ giữa con người. Nào có đường lối nào thúc ép ai đâu. Nhưng với những đề tài mới, dấn thân hơn, họ vẫn thành công vì nghệ thuật của họ đa dạng hơn. Còn Lưu Trọng Lư, dù hện đến luân hồi, cũng chỉ dâng được cho đời “ đoá mộng đầu ” của kiếp trước, vẫn dưới một gốc sim già, một buổi bình minh của Thơ Mới. Thơ Lưu Trọng Lư chỉ trình tiết một lần.

Lý thuyết văn nghệ rườm rà, phức tạp trong khi sự sáng tạo và thưởng ngoạn theo một vài quy luật đơn giản. Một nền văn nghệ phong phú, khi sáng tác đưa đến lý thuyết ; nền văn nghệ ấy sẽ cần cỗi khi ngược lại, lý thuyết đúc khuôn cho tác phẩm.

Trường hợp Lưu Trọng Lư cũng vậy thôi. Khi thơ ông là “ một chút hồn mộng, vất chỗ này một chút, chỗ kia một chút, nó thành hình gì thì nó là cái ấy ”¹⁹, thì là những đoá hoa trắng lè, mãi mãi lưu hương gửi sắc lại cho đời. Khi nó thu mình vào những khuôn mẫu, do lịch sử hay lý trí chỉ định, thì nó trở thành những vật dụng thường và xoàng, dù có ích hay không có ích.

Thập niên cuối cùng trong đời, từ khoảng 1980 trở đi, dường như tâm hồn Lưu Trọng Lư thanh thản hơn, như thoát ly ra khỏi trần lụy và thế tình. Thơ ông thanh thoát, trong trẻo hơn ba mươi năm về trước, giàu cảm xúc và nghệ thuật hơn. Tập hồi ký mới đây (1989) *Nửa đêm sự tĩnh* là một lưu bút chân thành, cảm động, xứng đáng với thế giới mà Lưu Trọng Lư, với tập *Tiếng thu*, đã sáng tạo nửa thế kỷ trước. Một thế giới “ vắng vạc muôn thu nét tuyệt vời ”.

Lưu Trọng Lư sinh ngày 19.6.1912 tại Quảng Bình
mất ngày 10.8.1991 tại Hà Nội

Đặng Tiến

Orléans, 18.12.1991

Ngày giỗ Xuân Diệu

¹ Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại III*, nhà xuất bản Vĩnh Thịnh tái bản, Hà Nội, 1951, tr. 289.

² Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Thiều Quang tái bản, Sài Gòn 1967, tr. 298. Trích lại trong *Tuyển tập Hoài Thanh I*, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1982, tr. 46.

³ Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*, sdd, tr. 10, 11 và 12.

⁴ *Chiếc cẳng xanh*, nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1941, trích lại trong *Tuyển tập Lưu Trọng Lư*, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1987, tr. 210, 211, 220.

⁵ *Nửa đêm sự tĩnh*, nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế, 1989, tr. 23.

⁶ *Thi nhân Việt Nam*, sdd, tr. 298.

⁷ *Tuyển tập Lưu Trọng Lư*, sdd, tr. 216, *Mùa thu lớn*, nxb Tác phẩm mới, Hà Nội 1978, tr. 14.

⁸ *Nửa đêm sự tĩnh*, sdd, tr. 147.

⁹ *Nửa đêm sự tĩnh*, sdd, tr. 18-23.

¹⁰ Trương Nhược Hu, *Xuân giang hoa nguyệt dạ*, Ngô Tất Tố dịch hay. Cheng Chi Hsien (François Cheng) có trình luận án về bài thơ này, phân tích hay : *Analyse formelle de l'œuvre poétique d'un auteur des Tang*, Zhang Ruo Xu, Mouton, Paris La Haye, 1970.

¹¹ *Mùa thu lớn*, sdd, tr. 27 và 28.

¹² Vũ Ngọc Phan, sdd, tr. 294.

¹³ Có nơi ghi “ một hồn thu lạnh ” ; chúng tôi theo bản Vũ Ngọc Phan.

¹⁴ Có nơi ghi “ bơi lội, bơi lặn ”

¹⁵ *Nửa đêm sự tĩnh*, sdd, tr. 130.

¹⁶ Vũ Ngọc Phan, sdd, tr. 296.

¹⁷ Trên ý này, nhà thơ Vũ Hân mới mất có bài *Mai nguyệt hành* hay :

Đêm qua chú lại tự thiên thai
Quấy một bờ trăng chiếu dặm dài
Trăng Tống, trăng Đường, trăng Chiến Quốc
Trăng Chu, trăng Hán, trăng Liêu Trai
(...) Tiếc thay chú lái vì non vốn
Không tậu Hằng Nga ở nguyệt đài...
(...) Nặng quấy về đâu ? đường cát bụi
Mua trăng mấy kẻ dạ gương soi ?
Bán quách cho ta cho nhẹ gánh
Để ta hoà rượu được dầm chai.
Rồi ta mở tiệc mời người đến,
Chén chú chén anh khước nhịp hài (...)

(Diễm Trang, Huế, 1956)

¹⁸ Quang Dũng, *Nhà đời*, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1983, tr. 116.

¹⁹ *Nửa đêm sự tĩnh*, sdd, tr. 23.

VỮ ĐIỀU CỦA CÁI BÒ

truyện ngắn
NGUYỄN QUANG THÂN

Thế là không hy vọng gì nữa rồi. Nhà máy đóng giầy phá sản. Cả năm nay Hảo sẽ không có việc làm. Đề tài, số tiền trợ cấp ban đầu và bản quyền bán cho nhà máy tan thành mây khói. Khách hàng đã tẩy chay thú giầy bong mũi của nhà máy trước khi loại keo dán tuyệt vời của Hảo qua được bát quái trận thủ tục.

Vậy mà cũng phải ăn, phải gửi tiền cho con gái lên Hà Nội học thêm, phải nuôi cái xe đạp tàng, hể mó đến là ăn vài tiền nghìn. Rồi chén cà-phê đen mỗi sáng, quên nó một bữa là Hảo thấy mình đang mọc đuôi ra.

Thế nào cũng phải làm một cái gì ! Nhưng ngoài cái chuyên môn được ghi trong mảnh bằng phó tiến sĩ, Hảo không biết làm gì khác. Cũng không thể như Tú, hoạ sĩ ở tầng dưới. Tú thường không biết ngày mai mình ăn gì, ăn ở đâu. Tú nói : “ Đói là con hổ, đừng nhìn nó, nhìn là nó vồ ngay ”.

Nhưng Tú đã bước vào phòng đúng lúc Hảo đang nghĩ đến anh, nhem nhuốc như cái xơ mướp nhúng vào thùng bột màu.

– Này cậu, có việc này hợp với cậu

lắm. Nhưng pha cà-phê uống cái đã.

Hảo lóng ngóng múc cà-phê vào phin. Hay là Tú rủ mình làm bạc giả ? Trông mặt y như đang thu vén quần áo để vào Hoả Lò.

– Việc gì thế ?

– Giữ trẻ ! Tháng một trăm tỉ, có ăn trưa. Được chưa ?

– Tốt quá. — Hảo nghi ngờ, chòm rể quạt toé từ mắt xuống đôi gò má — Món thơm thế đâu đến phần mình. Với lại còn cơ quan...

– Thì đã bảo người ta cần mà. Chần một thằng bé ba tuổi rưỡi, nói tập toé. Vừa chần vừa dạy tiếng Anh để lớn lên biết đọc tên các công ty trong phố và phân biệt được nhà vệ sinh nam nữ ở sân bay. Việc cơ quan thì để tớ gà cho. Đăng ký một đề tài thật kêu, đại khái thế này : “ Ném một cái nhìn vào quy trình chế tạo keo dán mũi giầy ở địa phương ta ”, nhớ là phải có chữ ta, không cần xin trợ cấp, xin hai năm ngồi nhà nghiên cứu, được chưa ?

Không bị Tú rủ đi làm bạc giả là phúc rồi. Hảo đăng ký đề tài, anh có chữa lại vài chữ của Tú. Ném một cái

nhìn, không được. Cuối cùng : *Tiếp cận hyperbole tính duy vật biện chứng...* song ngữ : *Faire une hyperbole...* (tiếng Pháp) và *To take a hyperbola...* cộng thêm hai trang đề cương (cũng song ngữ). Được rồi, rất có e ! Hảo qua mặt được chủ nhiệm Ủy ban khoa học kỹ thuật tỉnh vốn trước là giáo viên cấp III. Trong bản dịch đề cương tiếng Anh có mấy tiếng khó dịch, Hảo bịa ra, nhưng chắc là ông không biết. Ông thường bắt cán bộ làm thuyết minh song ngữ nhưng bản thân ông không phân biệt được tiếng Pháp với tiếng Anh, trừ tiếng Nga nhờ những chữ N ngược kỳ lạ của nó. Ông nói : “ *Cậu khá lắm, tính tư tưởng, tính địa phương, đề tài của cậu ưng cái bụng mình lắm rồi. Nhưng có xin trợ cấp không đấy ? Không hả. Tốt, nhớ khao nhé !* ”. Ông ký một cái rẹt, chữ ký như con bọ cạp đang bò.

Thế là Hảo có hai năm rỗi rãi. Sẽ khao, sẽ khao. Ông chủ nhiệm và cả Tú nữa, những nhà Mạnh Thường Quân của khoa học.

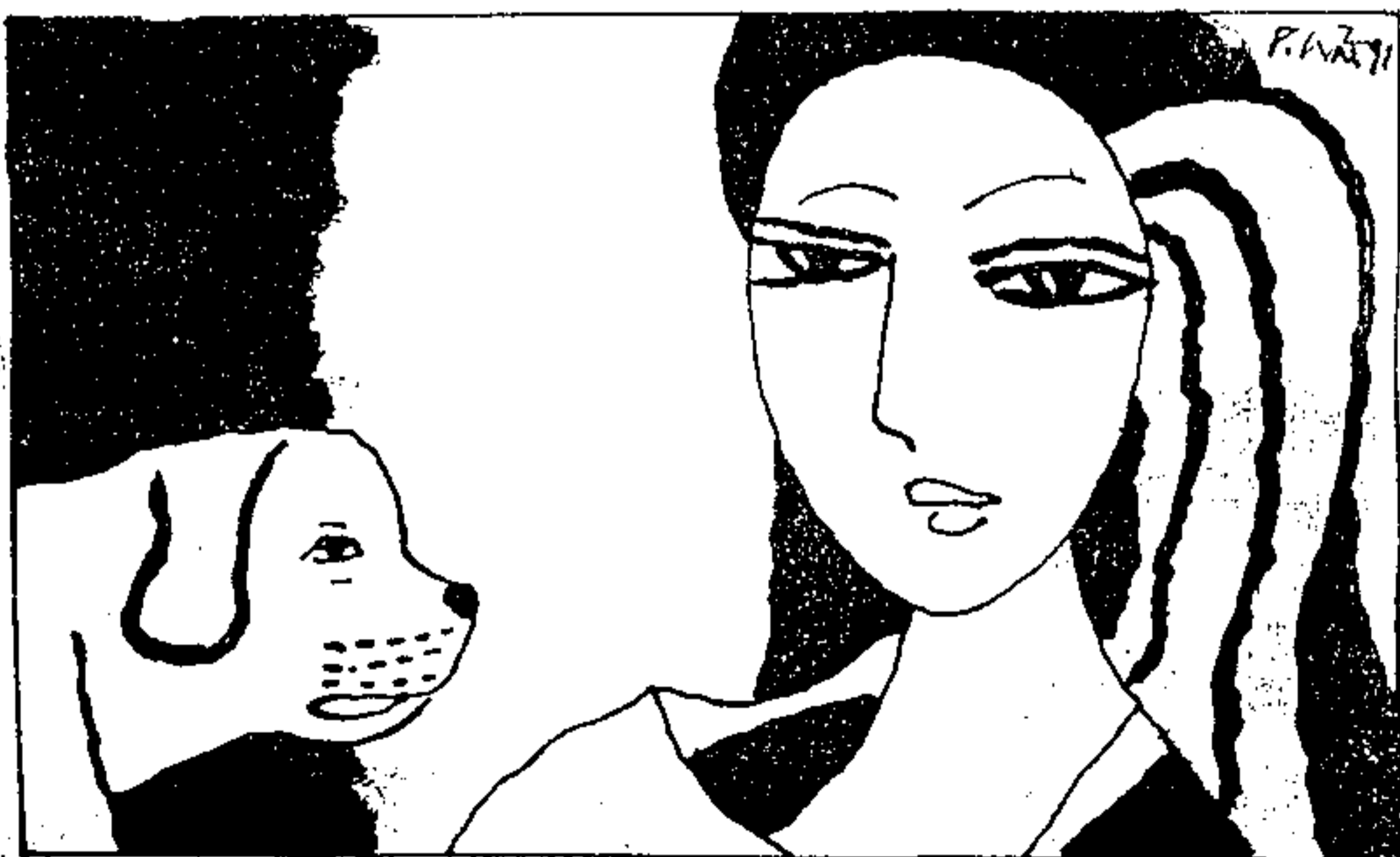
Một chú chó Nhật sủa lách nhách rồi te tái lườn dưới chân hai người. “ *Ê, Mi-mô-sa, Mi-mô-sa, ngoan nào... Xin mời hai bác...* ” Chị chủ nhà nhật vội con chó lên, nghi ngại nhìn cái ống quần lem nhem của anh hoạ sĩ dất mối. Tú xằng xái :

– Tôi dẫn anh Hảo đến như đã hứa với chị. Bây giờ tôi phải đi treo cờ mừng một tháng năm. Xin hai vị cứ tự nhiên.

Hảo nhìn chị chủ nhà. Chị đẹp, sang trọng và thừa thãi. Áo quần, mỡ phần, không gian và thời gian.

– Chắc anh Tú đã nói với anh. Cháu cần một người có học trông nom, bố cháu nói ở Nhật người giữ trẻ đều phải qua đại học. Tôi giao cháu cho anh ban ngày, anh ở lại ăn trưa, ngủ với nó hai giờ mỗi ngày, nhất thiết phải cho nó ngủ hai giờ như ở nhà trẻ. Và dạy tiếng Anh cho cháu. Tôi muốn muốn một cô giữ trẻ. Nhưng chồng tôi lại muốn có một người đàn ông, anh ấy nói cháu phải có nam tính mạnh mẽ để đua tranh với đời.

Mọi việc đã xong xuôi. Chị nói : “ *Ban đầu hẳn biết thế. Còn sau này...* ” Rồi chị nhìn xoáy vào mắt anh (anh khẽ rùng mình), khuôn mặt lặng lẽ, buồn chán và sung mãn của chị bỗng bùng sáng. Có lẽ chị cũng có học,



không phải loại muốn vua về múa như anh nghĩ. Anh hỏi : “ Cháu đâu ? ”. Rõ ràng là chị đã quên mất thằng bé. Chị ừ hừ : “ Tôi cho cháu về bên ngoại. Anh cứ gọi nó là thằng Cu. Chúng tôi vẫn gọi cháu thế cho dễ nuôi. Mai xin mời anh đến ”.

Sáng hôm sau chị chủ nhà và thằng Cu đón anh ở cửa. Con Mi-mô-sa đứng cạnh. Nó có vẻ ngạc nhiên khi thấy anh dẫm dẫm một chiếc xe đạp như thế vào cái sân rải sỏi. Chị thì nuốt nà trong bộ mút-xơ-lin màu thiên lý, thoa sò sài một lớp phấn mỏng lên mặt. Chị đẩy thằng Cu lại cho anh : “ Nào, Cu chào bác đi, chào thầy đi ! ” Cố gắng như một cái máy không chạy, nó nói : “ Cháu chào cô ạ ! ” Chị chửi : “ Chả là tôi đã cho cháu vào nhà mẫu giáo mấy ngày, con nói lại đi, chào chú ạ ! ” Chị dẫn anh và nó sang một phòng nhỏ cạnh phòng khách. Một cái bàn học cho trẻ. Chiếc đi-văng gỗ mà anh sẽ ngả lưng buổi trưa. Cốc và những chai nước lọc. Chị nói : “ Nghe anh Tứ bảo anh nói tiếng Anh như người Anh phải không ? Hôm nào về mà hai bố con bị bắt được với nhau là anh ấy mừng lắm. Anh ấy nói tiếng Anh như gió ”. Hảo định cải chính : “ Tôi nói tiếng Anh như người Việt ” nhưng thằng Cu đòi ị. Nó nhăn mặt, duỗi tay ra và lấy tay bưng dít. Chị chủ nhà nói : “ Bác để tôi — chị nhân mũi — Quên đưa vào đây một cái bô, bà Múi ơi ! ” Người nấu bếp chừa vào chị đã bế thằng Cu ra ngoài. Lát sau chị vào, tay thằng bé, tay cái bô. “ Đọc hành lang một đoạn là toa-lét. Anh cứ đổ vào đó rồi giặt nước là được ”. Chị đặt cái bô vào góc nhà như người nhạc trưởng cất gậy lên giá. Điều vũ chấm dứt. Hảo nhìn cái biểu tượng nhà nghề trắng muốt, chỉ mong chị chủ nhà đi khuất. Năm năm trước đêm nào anh cũng mơ thấy mình xúng xính trong bộ quần áo tiến sĩ cổ truyền. Chị đưa anh hai chiếc chìa khoá : “ Đây là khoá phòng. Đây là cổng. Thỉnh thoảng bác dẫn cháu đi chơi, tùy ý bác ”. Rồi chị lên lầu, vẻ tự hào đã hoàn thành nhiệm vụ người đạo diễn.

Hảo hỏi thằng Cu : “ Oắt xi o nê mơ ? ” Nó nhìn anh trân trân một giây rồi tái mặt : “ Đ...bu mày ! ” Nó tưởng anh vừa chửi nó. Phải nói là nó chửi rất du dương. Ngày hôm nay phải dạy bằng được câu này cho nó : “ Oắt xi o nê m

mơ, tên cháu là gì chứ không phải câu chửi tục. Nhân loại chưa đổ đốn đến mức biến một câu vấn danh thành câu chửi ”. Chấm dứt buổi học tiếng Anh đầu tiên.

Mọi thứ dù phi lý đến đâu mà lập đi lập lại mãi thì vẫn chấp nhận được dễ dàng. Việc anh thành người giữ trẻ thì cũng chỉ cần một tuần để trở thành dĩ nhiên. Dĩ nhiên như một giáo sư nổi tiếng ốm đau kéo dài phải đốt sách để sưởi, như việc cái xe đạp nào cũng phải tòn teng một tấm biển số thời nào. Hai mươi tờ giấy năm ngàn đủ sức mạnh biến Hảo thành người giữ trẻ mẫn cán trong ba mươi ngày. Chị chủ nhà không chú ý đến anh hơn bà Múi, người nấu bếp lăm lăm như cái bóng. Từ ngày có anh đến làm, chị được giải phóng khỏi thằng con trai nên rỗi rãi hơn. Chị lên lầu, xuống lầu, đọc sách trong khi anh túi bụi trong phòng với thằng Cu và cái bô, đã bắt đầu nhớ cái giá sách và những ngày nhàn rỗi đọc chữ thánh hiền. Thỉnh thoảng chị pha một một cốc nước chanh mời anh với dáng vẻ của người làm việc từ thiện rồi cũng tiện mồm kể lể chuyện nhà chuyện cửa. Chồng chị trước đây là thuyền trưởng viễn dương. Nhờ anh mà chị được nhìn thấy đồng đô-la xanh rờn đầu tiên và hình những tổng thống Mỹ quá cố. Khi túi đã hơi nặng, anh tìm cách lên bờ. Anh bảo chị : “ Thời nay chỉ leo được lên mới thắng, dưới đất bao giờ cũng thua ”. Anh biết đầu tư chiều sâu và lên dần. Bây giờ anh phụ trách một văn phòng đại diện ở Hồng Kông, môi giới mua những con tàu hàng vạn tấn đến những chiếc nịt vú. Anh nói : “ Một chuyến đi Nhật cút đáí cùng mình chỉ thắng một hai cây. Bây giờ ký xạch một cái tôi có bạc triệu ! ” Hảo không biết chị kể một cách thành thực những chuyện ấy với anh để làm gì, chị có tâm đầu ý hợp với người chồng ở xa hay không. Chị kể một cách buồn chán, mệt mỏi ; là người tiêu tiền, chị không có cái say mê của những con sói săn mồi. Chị là con kèn kèn cái lưỡi biếng rĩa xác một con voi. Chồng chị thỉnh thoảng có viết thư, nhưng hai năm nay anh không hện ngày về. Hảo cảm thấy, với chị thì anh vĩnh viễn không về nữa.

Thằng Cu có người trông, sạch sẽ hơn. Nó học tiếng Anh cũng khá và mến thầy. Để giải quyết chuyện cái bô,

Hảo đã tập cho nó ra toa-lét mỗi khi có nhu cầu. Cuối tháng đầu chị trả lương cho anh, đưa luôn cả tháng sau, tăng thêm cho anh năm mươi ngàn. Thấy anh lưỡng lự, chị nói : “ Anh cầm đi. Chúng tôi giàu lắm. Anh không tưởng tượng được chúng tôi giàu như thế nào đâu. Nhưng ở cái đất hay nhòm ngó nhau thế này mình cũng phải giữ ý ”.

Một sáng anh đang ở trong phòng với thằng Cu thì ông Vị đi xe máy đến. Qua cửa sổ anh nhìn thấy ông chải chuốt hơn ngày thường tuy ít đường bệ hơn so với những lúc ông đi lại dọc hành lang nghe một cán bộ khoa học thuyết minh cái gì đó sau lưng mình. Chị ngồi tiếp ông hàng giờ trong phòng khách. Buổi chiều trước khi Hảo ra về, chị mời anh uống trà. Chị nói : “ Ngày mai tôi phải vắng nhà mấy ngày. Anh giúp tôi ngủ lại và trông hộ cháu được không ? ” Anh đáp được. Suy nghĩ một lúc, chị hỏi : “ Anh có biết cái ông hồi sáng đến thăm tôi không ? ” Anh nói : “ Không ”. Chị nhìn anh vẻ tin cậy : “ Thôi, chẳng giấu anh làm gì, sợ anh nghĩ tôi không đàng hoàng. Ông ấy là bồ tôi đó ”. Thấy Hảo cảm động vì lời thổ lộ ấy, chị duyên dáng níu nhẹ vào ống tay áo anh : “ Nhưng tôi đã quyết định dứt ông ấy ra. Ngày mai chúng tôi cùng đi Sầm Sơn. Lần cuối cùng rồi thôi. Anh giúp tôi nhé ? ” Chị kể trước đây mấy năm chồng chị khéo léo đưa chị đến với ông ấy. Đối với sự nghiệp của anh, cũng là của thằng Cu, chị không nề hà gì. Ông ấy giúp đỡ chồng chị đến nơi đến chốn nhưng không hề để mắt đến chị, món mỗ trước miệng mèo. Đã có ai ở thành phố này dám coi chị như củ khoai cơ chứ ? Lòng tự ái nổi lên, chị tìm cách khám phá con người mẫu mực kia và chị yêu ông ấy lúc nào không biết. Khi chị hiểu ra sự cao đạo của ông là một cái bẫy chính phục nguy hiểm của những người có tuổi thì cũng là lúc chị chán ông ta. “ Cuối cùng thì chồng tôi thắng, nhưng tôi chẳng được gì. Anh giúp để tôi làm chuyện chia tay với ông ấy trót lọt ”. Anh đáp : “ Vâng, tôi trông nhà hộ và kín miệng nữa ”. Chị cười buồn : “ Chẳng cần đâu. Cả thành phố biết chuyện tôi với ông ấy rồi. Họ chưa đưa lên ti-vi là may ”. Hảo nói : “ Chị đừng mang theo con chó nhỏ ”. Chị ngạc nhiên : “ Vì sao vậy ? ” Bỗng chị mím

cười : “ Tôi nhớ ra Sê-khốp rồi. Anh yên tâm. Thời nay không ai dùng chó làm môi giới cho yêu đương đâu ! ” Ngừng một chút, lần thứ hai Hảo thấy khuôn mặt chị rạng lên. Chị nói hấp hối : “ Tôi sẽ mang theo con chó. Tôi là một con mù mà lại muốn đi tìm ngọc quý. Mi-mô-sa sẽ dẫn đường cho tôi ”. Chị mang Mi-mô-sa đi thật. Chị còn tin có một người nào khác đang chờ chị ở Sầm Sơn ư ?

Ba ngày sau chị và ông Vị về nhà. Một chiếc Toyota đậu trước cổng. Nghe tiếng còi Hảo ra mở cổng như một người gác gian mẫn cán. Anh bất ngờ chạm mặt ông Vị. Nhưng cả hai không chào nhau, không nói gì. Ôi, tiền giấy và sắc đẹp, những lá bài của số phận éo le.

Nhìn nét mặt cau có, đôn nén và thân thể sung mãn của tuổi già đang chín một lần trước khi rụng của ông Vị, Hảo biết là mấy ngày ở Sầm Sơn ông chỉ được xơi thịt thỏ. Túi tiền có thể với chút ít, nhưng cái túi tục luy kia thì chắc vẫn còn nguyên. Nó làm ông cau giận. Hảo nghe tiếng cãi cọ trên lầu, ở phòng khách.

Nhưng rồi ông cũng phải ra đi. Chị gọi dây nói cho xe đến đón ông, tươi tỉnh, lịch sự đưa ông ra đường hoàng. Ông thì hầm mặt vì tiền mất tật mang, chỉ biết tự an ủi là đã giữ gìn được phẩm chất trong chuyến đi biển đầy rẫy những trò ăn chơi tư sán.

Hảo biết không mấy người vui vẻ khi bị người tình buộc về hưu.

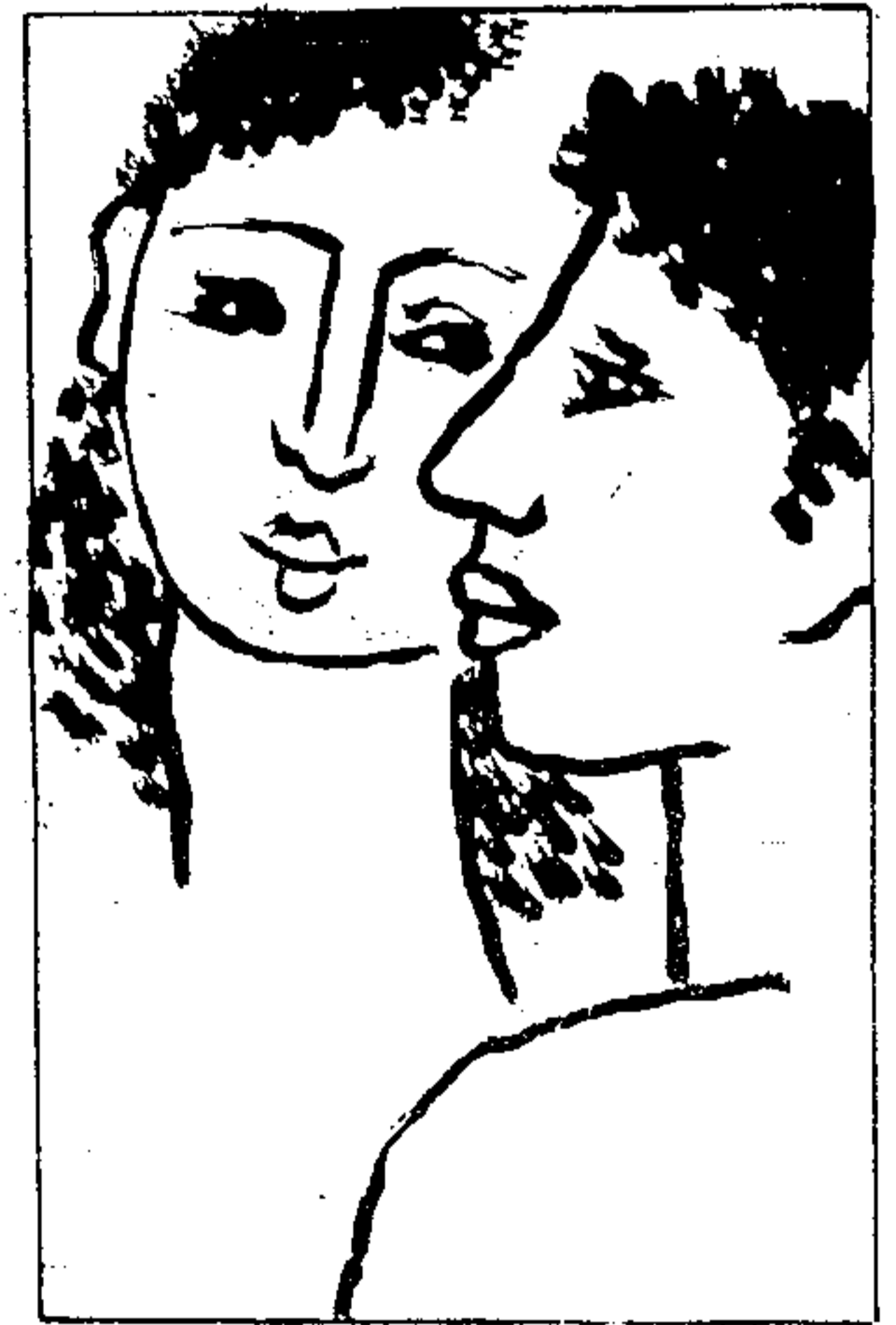
Chị chạy đến gặp Hảo sau khi ông đi khỏi, mời anh sang phòng khách uống trà. “ Thế là trút được món nợ Liễu Thăng ! ” Chị nói, ve vuốt con Mi-mô-sa, nó liếm tay chị, kêu hãnh vì đã giành lại được chị và tự hào vì ông già giàu có, oai vệ kia đã ao ước được một số phận như nó hôm nay mà không có : được chị ve vuốt, nâng niu. “ Sao có một đạo ông ấy dễ thương thế. — Chị nói. — Bây giờ thì chỉ dạy dỗ, khuyên bảo suốt ngày ! ” Chị lại ve vuốt con Mi-mô-sa, thì thầm : “ Sầm Sơn năm nay đẹp lắm, mà có nhớ Sầm Sơn không con, Mi-mô-sa ? ” Hảo thầm đoán là ở Sầm Sơn con chó nhỏ này đã đóng được một vai trò gì rồi.

Anh không nhầm. Ba hôm sau, một

chàng trai, trẻ hơn chị vài tuổi, đến nhà. Anh ta dắt chiếc CBT 125 màu nòng súng vào sân, cởi chiếc mũ mô-tô khỏi đầu rồi nhoẻn miệng cười với ngôi nhà. Hảo vì nể nhìn chiếc xe mới thấy lần thứ hai trong đời, lần đầu Tú giới thiệu nó cho anh ở bãi xe, nói rằng ở cái thành phố ăn chơi đồ Nhật này chỉ mới thấy xuất hiện vài cái. Anh gọi chị xuống, bàn giao khách cho chị rồi vào phòng với thằng Cu. Người khách nhìn anh không chút ngạc nhiên như chính anh ta đã từng muốn vài chục thằng đây tớ cỡ đó.

Họ nói chuyện với nhau trong phòng khách. Rồi chị thét bà Múi ra chợ. Bữa trưa có bún chả, ốc nhồi thịt và một chai Giôn bộ¹ giá nửa chỉ vàng khách mang tới và những gói kem vừa đông lạnh trong chiếc máy làm kem sau cốp xe. Hảo cùng ngồi ăn với họ. Hợp đồng đã ghi có ăn trưa. Chị uống vài hớp rượu quý, nói luôn mồm, cười luôn miệng, trông chị trẻ ra mấy tuổi so với ngày hôm qua. Chị giới thiệu khách với Hảo : Anh X. đây là con ông Y., gọi ông Z. bằng bác họ (Hảo nghe tiếng họ từ lâu), tốt nghiệp đại học ở Ba Lan, mười năm nay đi đi về về, không quốc tịch, không hộ khẩu, hộ chiếu ba năm đổi một lần (cái khoản này thì chính tôi cũng không hiểu vì sao mình có — anh nói — lúc cần cứ hỏi pa-pa), nay là nhà kinh doanh bự, nguồn vốn không xác định rõ nhưng lớn lắm và đảm bảo là không có chuyện Nguyễn-Văn-Mười-Hai², buôn bán từ đầu vi-đê-ô đến chổi đót xuất khẩu... Anh đây còn có một căn hộ ở Vác-xa-va, giữ thường xuyên một phòng ở Pa-lat Sin-ga-po và vừa bay từ đó về tuần trước. Chị nói : “ Ở Sầm Sơn ông Vị tâm sự với tôi rằng, không có các ông thì bọn trẻ bố lão đảo lộn cơ đồ lên mất. Nhưng khốn nỗi ông ấy không phân biệt được cá thu khô với cá thu tươi ở chợ cá Sầm Sơn, phải không Mi-mô-sa ? ” Con chó vắt ngang trên đùi chị ư hử đồng tình. Chị tiếp : “ Theo tôi, những người như anh X. đây...” Anh X. đây đưa bàn tay lên. “ Hăng khoan, hồi nãy em nói gì nhỉ. À, ông ấy đã, đang và sẽ... còn anh thì ngay cả khi dùng tiếng Anh, anh không bao giờ chia động từ theo thì quá khứ và tương lai cả. Tôi đang nói, tôi đang sống. Thì hiện tại muốn năm ! ” Anh hạ bàn tay xuống và nhón một con ốc nhồi thịt. “ Để em nói

hết đã mà ! Theo em thì chính những người như các anh sẽ đưa chúng ta ra khỏi cuộc khủng hoảng. Có phải thế không, anh Hảo ? ” Hảo nghĩ, không biết chị nói cuộc khủng hoảng nào, của đất nước hay của chị ? Anh đáp : “ Tôi không sành chính trị nhưng tôi biết chắc muốn giải quyết vấn đề thì ai cũng phải cứng rắn ”. Chị là người thông minh. Chị cười hồn nhiên : “ Anh nói đúng chóc ! Phải thế, chứ như ông Vị thì... như con sứa ấy ! ” Người khách tỏ ra kém thông minh và ghen tị nhỏ nhen khi thấy chị vừa khen anh người làm nói leo. Anh mím cái miệng đỏ hồng riết róng, nhìn đĩa trứng vịt lộn chưa ai đụng tới rồi quay sang chị : “ Vấn đề là tiền ! Em mua quả vịt lộn này bao nhiêu ? Bảy trăm à ? Tôi hứa, nếu em ra lệnh, trong ngày mai tôi sẽ (lại sẽ rồi — Hảo nghĩ) có đủ tiền hạ giá trứng vịt lộn ở thị trường thành phố này xuống một nửa. Và tôi giữ giá đó trong một tuần, em chịu không ? ” Chị lại cười ré lên,



lần này vì lòng tự ái được ve vuốt. Hảo nhìn mặt cố nghĩ xem vị anh hùng này làm cách gì và sẽ bỏ ra bao nhiêu để hạ giá trứng vịt lộn xuống còn một nửa. Nếu anh ta làm được như thế, Hảo sẽ cố tranh thủ ăn lấy vài quả, mấy lâu nay anh quên mất thú thực phẩm dành riêng cho những tay bá chùng heo nọc này rồi. Nhưng thật ớn những trò nói khoác. Suy cho cùng là do lỗi của đế quốc Anh. Chúng sản xuất ra thứ Johnny Walker ngon quá. Sau khi chấm nước

mất do trận cười, và không ngừng bị ám ảnh bởi từ “cứng rắn” anh vừa phát hành, chị hỏi Hảo: “Còn anh, anh nói nữa đi, ý anh thế nào?” Hảo đáp: “Xin lỗi, tôi không sành chính trị”. Nhà kinh doanh giơ tay lên như ông giáo trẻ dạy cho chú học trò chậm hiểu: “Đây không phải là chính trị. Đây là chuyện làm cường dương cả một thành phố. Chúng ta xẹp như dán quá lâu rồi!” Chị lại cười, làm một cử chỉ e lệ gọi là, rồi nói: “Anh yêu, thế thì anh hạ giá trứng vịt lộn đi!” Hảo muốn kìm sự hưng phấn đang quá đà do chai rượu Anh gây ra. Anh hỏi anh yêu: “Bao giờ thì anh định cư hẳn trong nước để làm ăn?” Anh yêu lấy khăn lau miệng, nói qua kẽ răng: “Khi nào chúng tôi có đại biểu trong quốc hội — Anh cười tinh quái — Nếu không thì ai bảo vệ vốn liếng của chúng tôi chứ?”

Sau bữa trưa, họ lên phòng của chị. Hảo trở về cái đi-văng. Thăng Cu đã ngủ, cạnh nó là một cái bô đầy. Anh múa tiếp điệu vũ của mình rồi nằm xuống cạnh nó. Tiếng nhạc êm dịu lọt qua bức trần xuống tai anh. Đó là những bài hát tiền chiến rất quen thuộc. Anh nhớ mẹ lạ lùng. Cái hố trống trong ngực anh to dần ra, to mãi đến hư vô. Bữa cơm quá tải làm anh khó ngủ. Anh nhớ mẹ cũng giàu, cũng sang trọng, sang trọng cả lúc không còn giàu nữa. Cả trong những ngày chiến tranh liên miên. Tất cả vàng bạc, hạt xoàn mẹ đưa anh, lúc đó mới ba tuổi, để tự tay anh thả vào khe của cái hộp gỗ sơn son trong Tuần lễ vàng. Mẹ bảo với bố: “Tôi gánh gạo đường xa cho các con”. Miếng vườn cả nhà vỡ hoang ven bờ suối dưới sự chỉ huy của mẹ, tiếng vo gạo buổi sáng, nước gạo chảy men bờ như sữa. Chim họa mi hót sau mấy cây ổi mẹ trồng, con rắn mai gầm lâu lâu lại xuất hiện, chạy qua sân rồi biến mất trong đám hương nhu, làm thành một sự kiện trọng đại. Rồi cái tang đầu tiên: bố chết vì bom bi trong một trận oanh kích. Cái tang thứ hai, người anh cả ở Trường Sơn. Đến lượt anh, đứa con yêu của mẹ cũng biến mất ở chân trời Đông Âu, mang theo hy vọng về một cuộc sống tử tế của cả nhà. Lúc anh về thì mẹ đã mất. Và cùng với mẹ là cả một vũ trụ đáng kiêu hãnh và nuối tiếc cũng mất nốt. Hảo như đui mù. Anh không được

chuẩn bị cho sự nghèo khổ và bệ rạc, không được chuẩn bị để sống với người vợ trước đây, để sống trong cảnh ngộ hiện nay. Không chuẩn bị để thành người ở, làm công cho người đàn bà thông minh nhưng tinh quái, có lương tri và dâm dăng nữa. Anh cố nghĩ một tính từ khác nhưng không được. Thú thực là anh ghét và ghê tởm khi chị dám cả gan và sai lầm khi đồng loã đánh giá nền chính trị thông qua những người đàn ông liệt dương trên giường mình, dù trong đó có cả một ông xếp không ra gì của Hảo. Và cũng thật khó chịu thấy mắt chị sáng lên khi con dê còn dầm đô-la kia đòi có ghế trong quốc hội của nền vô sản chuyên chính. Khi đó anh tưởng nếu có cuộc bầu cử thì chị sẽ bỏ cho y ta mười phiếu một lúc. Nhưng tại sao chị vẫn phát tiền công cho anh hàng tháng? Tại sao chị vẫn làm cho anh có cảm tình và nhiều lúc thèm muốn chị nữa? Tại sao chiếc CBT 125 giá ba mươi triệu ở ngoài sân kia vẫn dè cái bóng cao cả của nó lên những giấc mơ nghèo khổ của anh? Tại sao cái thế giới êm dịu và lung linh những ước mơ của mẹ, và cũng cả của anh nữa lại biến mất để dằng dặc đến thế? Phải chăng sau một sự kiện kinh hoàng năm đó, lời lão thầy bói đã ứng nghiệm? Mùa hè ấy, thời tiết bình thường, mẹ cho ấp một ổ gà, khi nhắc xuống, trong ổ lúc nhúc một bầy rắn con, còn mấy cây ổi sau nhà thì ra mười ba quả bứa chua loét. Hôm ấy một lão thầy bói ôm tay nài qua làng. Mẹ làm thịt một con gà giò, ông ta xem chân gà rồi nói: “Ông tổ nhà này ngày xưa nhiều thất đức. Bà hãy cẩn thận. Trong nhà này rồi sẽ có người đi ở!” Ông ta còn nói những chuyện nhảm nhí khác. Dân quân xóm trói ông vào một cái cọc, phơi nắng nửa ngày rồi mới cho đi. Năm đó bố chết, rồi đến anh cả. Gia đình trĩu nặng tang tóc. Bây giờ đứa con út của mẹ đi ở.

Tiếng nhạc buồn phồng trên ngừng bật. Cái đầu vi-de-ô bắt đầu rên rĩ những pha phim xéch (trước đây chị vẫn dùng cái hộp nhựa Nhật Bản ấy để khởi động nhà đạo đức luống tuổi của chị). Rồi tiếng rên điện tử cũng im nốt nhường chỗ cho nhạc đời hang động. Con Mi-mô-sa bị bỏ rơi buồn bã vào phòng, liếm bàn tay Hảo thông xuống đi-văng. Anh nhắc nó lên, kéo tai nó,

tên ma cô mất dạy, thẳng mỗi lái vô phúc, những con chó nhỏ vô tích sự thời Sê-khốp hay thời hiện đại đều thế cả. Nằm trong lòng Hảo, nó nhìn lên trần như anh, có thể nó còn thấu suốt hơn anh bằng bản năng chó của nó.

Một tuần lễ liền ngôi nhà yên tĩnh ở góc phố ròn rã tiếng CBT 125. Những bữa cơm trưa quá tải với sự đồng loã tội lỗi của những chai rượu Anh và kỹ nghệ vi mạch Nhật Bản. Nhưng chủ nhật anh ta không đến. Chị đưa tiền lương cho Hảo, tăng lên hai trăm ngàn (để bù trượt giá, chị nói) và giữ anh ở lại ăn cơm tối với chị. Chị buồn, nét mặt căng thẳng tuy vẫn kiêu sa. Hảo đã nếm mùi những cơn cơn tâm sự của chị. Họ lấy ghế vải ra ngồi ở sân sau. Chị nói: “Anh tiên tri thật! Giá không mang Mi-mô-sa đi thì tôi đâu có rước quỷ ấy về nhà!”

Chị nhìn anh với đôi mắt của người vừa thoát khỏi tai nạn. Như một nhà thám hiểm Nam cực sống sót, chị kể cho Hảo nghe chuyện mấy ngày ở Sầm Sơn. Hôm ấy, chị để Mi-mô-sa trên bờ biển để xuống tắm với ông Vị. Họ tìm một góc vắng. Vì hể hai người mặc áo tắm đi vào đám đông là y như lũ trẻ la lối: “Bố ơi, bố nhường chúng con đi bố!” Tuy khó chịu vì thú ngôn ngữ máy nước ấy, nhưng từ cái góc vắng kia chị vẫn nhìn về phía một bộ phận nhân loại trẻ trung và thô bỉ một cách chân thành ấy. Còn ông Vị thì tìm mọi cách để sử dụng đôi bàn tay vàng. Ông cầu nhàu: “Tại sao em lại không mặc bộ bi-ki-ni hai mảnh của Thái ấy?” Ông vẫn thường phàn nàn một Hà Nội dạo này quá hở hang, nhưng trong một chuyến đi Bằng Cốc về, chính ông đã mua tặng chị hai bộ bi-ki-ni ấy. Hôm đó, chị cố ý mặc bộ đồ tắm cổ điển được mậu dịch quốc doanh đứng đắn của chúng ta phát hành những năm bảy mươi sau khi mẫu đã được sở văn hoá xét duyệt. Một bộ đồ tắm có thể cấp bằng tiết hạnh khả phong. Ông Vị đành phải đầu hàng bộ đồ ông đã từng duyệt mẫu trước đây. Bực bội vì ông lão sắp bị giảm biên chế ngày ngà, chị quên mất con Mi-mô-sa. Trời lại đổ một trận mưa nữa. Thế là họ lạc mất con chó. Đến chiều tối, sau khi ăn cơm xong, khi ông Vị đang cầu nhàu lên án bộ đồ tắm khốn nạn, trút lên nó những từ người ta

thường chỉ dùng trong các cuộc tranh luận triết học và đạo đức thì anh ta đến. Anh ấy ôm con Mi-mô-sa trên tay. Trong khung cảnh biển sau cơn mưa, chàng trai thật tuyệt vời. Chiều hôm sau, trong khi ông Vị đi nói chuyện về vai trò người phụ nữ mới (bài tử của ông) cho công đoàn công ty du lịch thì chị với anh đi vào rừng thông. Chị cảm ơn anh vì đã tìm hộ con Mi-mô-sa. Anh cảm ơn vì chị đã làm cuộc đi biển cô đơn của anh có ý nghĩa. Anh gọi chị là bà làm chị kiêu hãnh, sau đó là chị làm chị ấm lòng và cuối cùng là em làm chị sung sướng. Cuộc cách mạng về xưng hô ấy chỉ diễn ra trong vòng mười lăm phút. Phút thứ mười sáu thì anh nói là anh đã thuê hai hec-ta rừng thông chiều nay để không ai được phép lai vãng qua. Phút thứ mười bảy thì lưng chị đã lấm đầy cát và sau đó chị bắt đầu cuộc hành trình vào thiên đường lần đầu tiên trong đời. Trước đây ông Vị chỉ mô tả cái thiên đường ấy cho chị bằng lý thuyết. Những pha mô tả của bọn nhà văn ba xu thường được thay bằng những dấu chấm chấm cũng không làm thoả mãn chị.

Tối đó, chị sang phòng ông Vị (họ vẫn thuê hai phòng từ lúc đến Sầm Sơn). Ông rất mừng vì chị đã tự nguyện nộp xác, vì buổi diễn thuyết thành công, “chị em nuốt từng lời” và theo cá nhân ông thì cần phải khôi phục khí thế của phong trào ba đảm đang trước đây. Chị ngắt lời ông : “ Anh yêu em đi ! ” Chị quyết định tặng ông một bữa tiệc chia ly no xôi chán chè như bữa cơm người ta vẫn thường cho tử tù ăn trước ngày ra trường bắn. Ông sững sờ vì hạnh phúc cũng như kẻ tử tù kia đang nằm mơ thấy cái cọc thì bỗng thấy trước mắt mình một con gà mái quay, nghẹn ngào nhìn nhưng không ăn được. Ông đổ tội cho tính đấng trí, bỏ quên chai rượu tắc kê ở nhà, chủ sự quản lý khách sạn xuống cấp vì cái giường cứ kêu cọt két, chủ rửa cả cái váy ngủ của chị, làm gì mà phải dùng đến hai cửa ra vào làm ông lấm lẩn lung tung, sự xa xỉ điển hình của nền dân chủ tư sản !

Cũng như mọi lần, ông chẳng bao giờ chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thất bại nào. Tuy vậy ông vẫn trấn an chị : “ Em hãy tin, tôi đã, đang và sẽ cố gắng...”

Sáng hôm sau chị giục ông ra về để

kip ngày hẹn với anh ấy, người đã mua hai hec-ta rừng thông một chiều cho chị.

Chị thở dài :

— Nhưng tôi lại chán ngấy anh ta rồi ! Thằng tư sản mới cũng chẳng hơn gì lão già đạo đức giả ! Sao cái số tôi nó nhỏ thế này hả anh !

Hảo tự chửi mình vì quả thật trong anh có loé lên một chút hả hê dễ hiểu. Anh đứng lên, xin phép chị ra về. “ *Đừng vội, anh. — Giọng chị thân mật khác lạ — Anh về bây giờ thì tôi chết buồn mất. Tại sao tôi chỉ gặp phải lũ đồ hơi ? Chúng chui ở đâu ra lắm thế hả anh ?* ”

Hảo cảm thấy sự chán chường của chị là thành thật. Nó lan toả trên da thịt anh cùng mùi nước hoa Pháp và hơi thở thơm tho của chị. Suy cho cùng thì chị cũng đáng thương. Ít nhất chị cũng có cái can đảm và hào phóng làm việc phân phối lại của cải đã trấn được của những thằng đại gái. Chị đã nuôi được một phó tiến sĩ bằng ba lần số lương chính của y, vớt y ra khỏi cảnh thất nghiệp dài dài được mã hoá bằng cụm từ *ngiên cứu có tính chiến lược* trong cái vỏ những đề tài không ai cần đến. Nhưng anh cứng rắn trở lại, kiên trì sự đổ kỵ muôn thuở của người nghèo, sự ghê tởm của hàn sĩ bị phỉ báng. Rồi anh khôn khéo đứng lên.

Số phận xô đẩy anh theo hướng khác. Mấy tuần sau chị ốm. Thóc mạch như một thằng ở thực thụ, anh đoán thăm nhà kinh doanh không quốc tịch kia đã kịp đầu tư một vật lạ vào nội địa trước khi bị trục xuất. Anh lên thăm chị, vừa là phải phép vừa bị lòng nhân ái thúc bách. Chị nằm bất động trên giường, tay duỗi ngoài chiếc chăn mỏng. Chị đập nhẹ bàn tay như cánh bướm bảo anh ngồi xuống mép giường cạnh mình. Vì mấy cái ghế xếp Nhật Bản đã bị thu lại và cũng không thể ngồi lên cái *táp-dờ-nuy*, vật duy nhất có thể ngồi lên trong phòng, anh đành chiều ý chị. Tay anh run lên khi nắm lấy cái mép giường. Chị nhìn thấy tất cả trong một cái liếc mắt rồi cầm lấy tay anh, bàn tay chị dịu dàng như cánh bướm cầu xin sự giúp đỡ. Chị nói : “ Anh có thể thu xếp đi với tôi một vài ngày không ? ”. Anh nhìn con Mi-mô-sa nằm duỗi dưới chân không đáp.

Rồi anh đi với chị sau khi hai người

đã thu xếp được người trông thành Cu và nhà cửa. Anh sẽ phải đưa chị về một bệnh viện nhỏ nào đó ở Hà Nội. Đúng như anh đoán, chị cần tổng khử nhanh chóng giọt máu được đầu tư một cách vội vã của nhà kinh doanh trẻ. Chị cần anh đóng vai một người chồng cho đỡ tủi thân và hợp lý. Từ khi mới đi lại với nhau, ông Vị đã yêu cầu chị làm việc này ở bất cứ chỗ nào cũng được trừ ở thành phố ông đang nổi tiếng và có quyền lực. Bởi vì dù đứa con trong bụng chị là của ai thì dư luận cũng sẽ nghĩ là của ông, điều ấy rất bất lợi cho ông trong những cuộc bầu cử. Vậy là quá đủ lý do để anh phải đưa chị đi.

Họ xuống tàu vào lúc xẩm tối rồi vào một khách sạn gần nhà ga. Cô tiếp tân nhìn họ một cách tình tứ, bảo họ có thể thuê một phòng cũng được. Chị thuê hai. Anh ghi nhận với chị cách làm ăn thoả đáng của ngành du lịch. Rõ ràng mọi việc đang đổi mới. Chị nói : “ *Nhà trống thì phải thoả đáng !* ” Họ ở đêm đầu tiên trong bầu không khí hoà hoãn, không xâm lấn biên giới của nhau. Hôm sau chị vẫn không vào nhà thương ngay. Chị đòi anh đưa thăm các địa điểm nổi tiếng của Hà Nội. Anh đưa chị đi Văn Miếu để tỏ lòng yêu mến văn hoá nước nhà, đến cầu Thăng Long để ngưỡng mộ tình hữu nghị Xô-Việt. Cuộc đi chơi kết thúc ở hàng chả cá nổi tiếng giữa những ông tây bà đầm trả bằng đô-la. Thế là nhờ chị mà anh đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 9 năm trước thời hạn. Anh định đúng vào năm 2000 sẽ tập trung toàn lực đi ăn một bữa chả cá đầu tiên và cuối cùng trong đời. Ăn xong, uống cà-phê xong, cái hoá đơn đặt lên bàn làm anh suýt ngất tưởng như mình vừa mua cả tháp Ép-phen. Nhưng chị rút ví ra kịp thời, trên bộ mặt hơi xanh xao không chút cảm xúc. Anh nhẹ nhõm thăm nhận ra rằng, chị là người đàn bà đầu tiên đi ăn với anh mà anh không phải mó tay vào ví lần nào. Chị đòi đi Hồ Tây. Họ lên Hồ Tây. Cô bán hàng mang đến cho họ hai cái ghế mây cạnh gốc cây tù mù và hai chai nước ngọt do Viện kiểm sát nhân dân thành phố X. sản xuất. Chị nắm tay anh : “ Anh mệt không ? ” Anh nói : “ Văn hoá chỉ khác tình dục ở chỗ nó làm cho con người ta hào hứng mà không mệt ”. Chị mỉm cười : “ Thế thật ! Ở Hà Nội có người đã chi cho tôi hai triệu một

ngày nhưng không hề dẫn tôi đến một tích văn hoá. Trí thức các anh để thương thật”. Anh nghĩ : có lẽ công thức trước đây của họ là : Quán đặc sản – giường ngủ. Còn trí thức : Văn Miếu – Nhà triển lãm Ngô Quyền. Vào cửa hai trăm đồng một vé, kem que cạnh đó cũng hai trăm mà những ba màu. Trí thức nói chung là ít phải trả tiền dù đi với mỹ nhân. Chỉ hơi tốn nước bọt mà thôi. Thời nào cũng vậy.

Chị không để anh có thì giờ suy nghĩ lan man. Chị xiết mạnh tay anh, bàn tay chị ấm nóng : “ *Vậy mà tôi chưa bao giờ lọt được vào mắt xanh một anh trí thức*”. Anh nói : “ *Vì chị quá đẹp còn họ thì quá nghèo. Thánh nhân dãi khờ khờ chứ đâu có phù hộ người hay chữ*”. Chị bình luận : “ *Thánh ghen ty dấy mà ! Chắc cũng có một nữ thánh nào đó ghen ghét tôi. Tôi cố tìm lấy một người mà không thấy...*” Chị thở dài. Cái khuynh hướng phủ nhận sạch trơn ba bốn mạng đàn ông một lúc của chị làm anh khó chịu. Nhưng anh thấy mũi lòng, bản chất hay dao động của trí thức. Anh nói : “ *Rồi chị sẽ tìm thấy*”. Chị đột ngột nhìn vào mắt anh : “ *Anh có biết tại sao chồng tôi cứ nằm lì ở Hồng Kông không về ? Anh thử đoán xem !*” Anh im lặng. Chị nói :

– Anh ấy bị SIDA ! Thật tồi tệ. Hành động yêu nước cuối cùng của anh ấy là đề nghị HU³ đăng ký mình vào danh sách bệnh nhân của Hồng Kông, chứ không phải nước ta. Gian lận thêm cho bọn tư bản một người sa đoạ cũng chẳng oan gì.

Anh cảm thấy chạm được bằng xúc giác nỗi đau khổ của chị. Giọng chị trở lại bình thường :

– Tôi đòi ly dị, nhưng ông Vĩ khuyên tôi : “ *Đừng có đánh mất lòng tin. Khoa học sẽ chữa được cái bệnh tai quái đó. Rồi ngày nào đó chồng em sẽ về*”. Như thơ Xi-mô-nốp vậy. Tôi thì biết thừa tim đen của ông. Nếu ly dị lỡ tôi đòi lấy ông, như thế thì sự nghiệp ông tan tành. Vả lại ngân sách ái tình của ông ấy được tư bản Hồng Kông trợ cấp một nửa, nửa kia moi ruột nhà nước thì tiện bao nhiêu. Tôi nói về ông ấy như vậy anh có coi thường tôi không ?

Anh đáp : “ *Tôi là nhà khoa học. Tôi thích có dữ kiện trong mọi vấn đề*”.

– Tôi căm ghét ông ấy còn vì câu

chuyện khủng khiếp này nữa. Hôm đó chúng tôi đi xem xi-nê với nhau. Lúc chen chúc vào rạp, một bà nọ dẫm guốc bẩy phân lên chân tôi. Tôi la trời. Đáng lẽ một câu xin lỗi là xong, chị ta lại chối bay biến và còn chửi tôi nữa. Chúng tôi túm tóc nhau lời qua tiếng lại. Không biết vì vô tình hay cố ý, chị ta chửi tôi là “ *con đĩ non xí xón với thằng dê già !*”. Ông Vĩ tím mặt. Người ta mời chúng tôi vào phòng bán vé. Khai tên tuổi, nơi làm việc và xin lỗi nhau. Tối hôm ấy trên giường nhà tôi, ông ấy chỉ vận hỏi tôi về người đàn bà ngoa ngoắt nọ. Ông rút sổ tay ra ghi. Ba tháng sau, tôi gặp lại chị, thân tàn ma dại ngồi bán rau. Chị buộc phải thôi việc, chồng chị nghỉ bảy mươi phần trăm, hai con nhỏ. Tôi hỏi chị vì sao nên nổi thế. Chị làm thủ kho, để thất thoát hai mươi mốt miếng xà phòng bảo hộ lao động. Tôi thì tôi biết con nhện nào đã dệt tấm lưới bắt con ruồi cái ốm đói kia. Tôi van xin ông ấy. Nhưng ông chỉ cười gằn : “ *Phải nghiêm để nâng cao dân trí*”. Thế đấy. Ông trả công tôi bằng cái quyền chính là thứ tôi và anh, cả chị thủ kho kia nữa đã cho ông ấy. Còn thằng cha đầu tư ? Nó làm tôi sung sướng nhưng nó trả tiền tôi từng ngày, có khi hàng triệu, nhưng trả từng bữa, nghĩa là trả theo sản phẩm. Nó bảo cả thế giới người ta đều làm như thế.

Chị buông tay anh, ôm mặt. Anh không thể ngồi im. Anh lặng lẽ lấy tay vuốt tóc chị, trong lòng trào lên thứ tình cảm của người anh trai. Chị ngược mắt nhìn anh vẻ biết ơn : “ *Anh khác họ nhiều lắm !*” Rồi chị vòng tay qua cổ anh, chị hôn anh.

Đêm ấy chị sang với anh. Ngon lành và thơm như một múi mít và thanh thảo nữa. Anh không dối mình đã hơn một lần anh thèm muốn chị. Nhưng giờ đây anh lạnh băng. Cũng chẳng phải anh trinh bạch như gã chăn cừu của Đô-đê nâng niu giấc ngủ của cô chủ trên vai mình. Chị cũng không phải là một vì sao lạc. Chị phô bày cái bản năng dục vọng nhưng bao giờ cũng hồn nhiên của một người đàn bà. Nhưng anh không thèm chị. Giá chị để cho anh bình tĩnh anh sẽ an ủi chị như một người anh. Nhưng chị đã quỳnh lên và câu : “ *Trí thức chỉ là thế này thôi à ? Trong sách người ta không dạy anh ư ?*” Chị hạ mình trước anh, làm cả những điều chị

chưa hề làm với người khác. Nhưng anh chỉ rúm rỏ lại trong nỗi đau của một hàn sĩ. Chị trần truồng đi ra cửa để về phòng mình, ném đại mảnh vải Thái Lan nhỏ xíu vào mặt anh rồi rít lên trong cơn giông bão đàn bà : “ *Lại một con sứa nữa ! Tôi còn căm ghét anh hơn cả ba thằng kia !*”

Một tháng sau, khi đã bình phục sau trận ốm, chị cho một anh xích-lô gửi nhờ xe. Anh ta kể : nhà, vợ con anh bị cháy thành tro, hai tháng nay anh ngủ trong xe ở sân ga, chân cầu. Bà Múi thăm thì với Hảo : “ *Cứ cách một đêm hấn lại lên phòng ngủ với cô. Thằng khốn nạn !*” Hảo bảo bà : “ *Ô-rê-ka ! Cô chủ đã tìm thấy !*” Bà ta chưa được học tiếng Hy Lạp, tưởng anh điên, chạy biến vào bếp.

Tiếng Anh cuối cùng Hảo dạy cho thằng Cu là *The Man* — người đàn ông. Hôm sau anh thôi việc. Anh lững thững đi bộ về nhà. Trời sấm tối. Một đoàn tàu hàng dừng lại sân ga. Anh nhìn thấy công nhân xếp dỡ đang chuyển xuống đất mười hai toa tàu trúng vịt lộn. Những sọt trứng toả ra một vòng hào quang, những quả trứng nhú khỏi đám cọng rơm như đầu những dương vật của một loại người hùng mạnh chưa từng có. Cũng chưa từng có công ty nào ở thành phố này buôn về một số lượng nhiều ghê gớm như thế.

Sáng hôm sau trên các phố nhan nhản biển hàng viết bằng phấn : *vịt lộn – hạ giá năm mươi phần trăm !* Người ta lo ngại xì xào rằng, một năm nữa dân số của thành phố chắc sẽ phát triển vô tội vạ.

Trại sáng tác văn xuôi Hải Phòng

Tháng 7.1991

Nguyễn Quang Thân

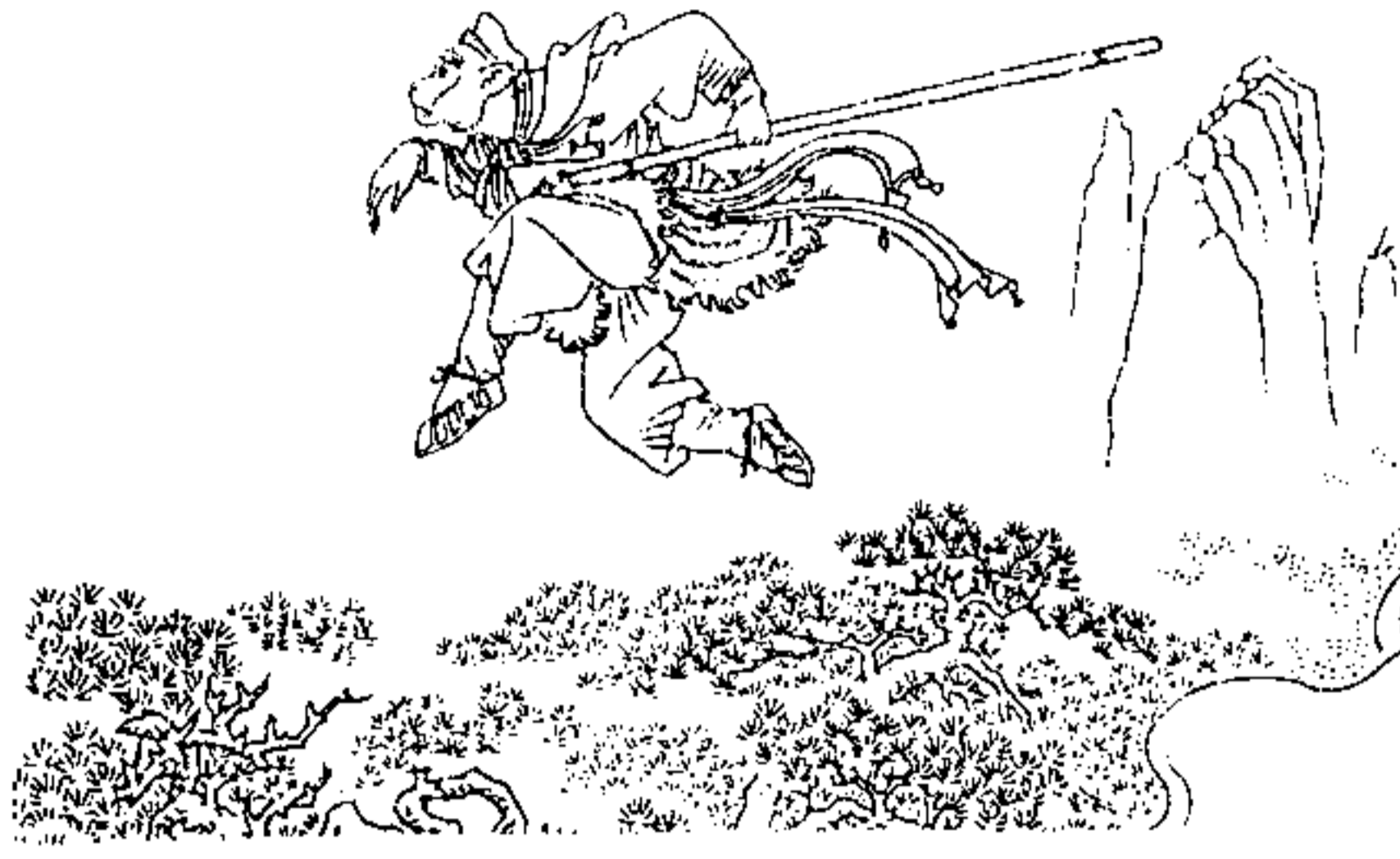
(*Văn Nghệ*, số 43 (1659), 26.10.1991)

¹ *Johnny Walker*, nhãn rượu whisky

² giám đốc công ty Thanh Hương, đã làm sạt nghiệp hàng chục ngàn người gửi tiền lấy lời. Vụ xì-căng-đan Nguyễn Văn Mười Hai đã kéo theo dây chuyền phá sản hàng chục hợp tác xã tín dụng từ Sài Gòn đến Hà Nội.

³ phiên âm từ WHO, tên tắt tiếng Anh của Tổ chức y tế thế giới, mà tên tắt tiếng Pháp là OMS.

Chuyện Khỉ, Khỉ và Ta



Xuân từ trong ấy mới ban ra... Mỗi năm, đến đầu xuân thiên tử thay trời ban lịch, ban thời tiết để thiên hạ cày cấy làm ăn sinh sống cho hợp thời đúng tiết. Chuyện tối ưu hệ trọng, tượng trưng và thực tiễn. Ta đã quen dùng lịch Trung quốc, tự ngàn xưa đã tinh vi và cũng thật phù hợp với đời sống nông nghiệp từ khi còn nội thuộc nước Tàu. Đến khi giành được quyền tự chủ là ta có lịch của ta từ đời Lý thế kỷ thứ 11, để khẳng định chủ quyền dưới trời Nam, nhưng tính toán lịch thì vẫn theo hệ thống Trung quốc. Cùng đi với lịch là cách tượng trưng cho chu kỳ mười hai năm bằng mười hai con vật, chuột năm tý, trâu năm sửu... và khỉ năm thân.

Thế là con khỉ theo lịch chui tọt vào văn hóa của ta ở vị trí trang trọng, một trong mười hai tinh con giáp, có lẽ chỗ đứng cao sang nhất mà ta khứng dành cho họ hàng nhà hầu. Cứ nhìn lại mà coi, đối với anh em dây mơ rễ má nhà đó, một khi đã là khỉ, là khọt, là khọc, là tuều, là độc, là bú dừ, là dười ươi..., dù cho có lên lão làng thành khỉ già, dù có kiệt kiệt như anh khỉ độc (khỉ đột), và dù cho là chẳng có trách nhiệm của một ai trong họ ấy đi nữa, chỉ vì rui ro khỉ gió biến âm ra khỉ gió, thì ta đã có sẵn ngay cái nhìn của ta, thật khác người.

Khác với thế giới văn hóa phương Bắc. Khỉ Trung Hoa liến láu, ranh mãnh, ngồi không yên chỗ, khôn ngoan không ai bì. Tinh anh loài hầu đúc kết lại, trời cũng phải chịu thua. Truyền thống Trung quốc từ người lớn đến trẻ con không ai là không thích thú con khỉ Tôn Ngộ Không, hứng lên tung mình nhảy vọt đến vườn đào Tây vương mẫu lên vào bể trụy đào tiên mà chư tiên đành bó tay vô phương chống đỡ, lúc nổi giận trợn mắt độc đại não thiên cung, một thân một mình thiên biến vạn hóa, binh tướng nhà trời không sao trị nổi, Ngọc hoàng thượng đế hết kế, chỉ còn cách làm lành phong chúc tước, nuốt giận làm ngo cái danh hiệu xác xược Tề thiên đại thánh ! Con khỉ Tôn Ngộ Không đi vào truyện dân gian, vào tiểu thuyết chương hồi, vào tuồng tích, trên sân khấu Tôn Ngộ Không là vai mà người đóng phải là tay nghề lão luyện và khán giả xem đời này qua đời kia không biết chán.

Ta xưa nay vẫn mê truyện tàu, nhưng dường như khỉ họ Tôn này không lậm được thật sâu thật đậm vào tưởng tượng dân gian, chỉ một hai chục năm bị vắng bóng là đã phai pha trong trí nhớ tập thể... cho đến khi Tây Du theo làn sóng băng video Hồng Kông tràn ngập thị trường bằng ảnh, cả xã hội trở mắt xem như một phát hiện mới, Tôn Ngộ Không đại não mần ảnh nhỏ nước ta suốt mấy tháng vừa qua. Có điều, khi lắng đọng rồi, Tề thiên, thánh tướng ở đâu đâu, chớ xét theo tiền lệ, căn cứ vào cách ta đã đối xử với truyền thuyết khỉ anh hùng của một nền văn hóa lớn đẹp khác, sát phương Nam và Đông nam của ta, thì khỉ rồi sẽ lại hoàn khỉ, không để gì được tiềm thức, được tưởng tượng tập thể người Việt ta thu nhận lấy làm của mình.

Suốt một giải từ Ấn độ qua Tích Lan, Miến điện, Thái Lan, Cam pu chia, Mã lai đến Nam dương... dân tộc nào cũng mê say Ramayana, chuyện ông hoàng Rama và vợ yêu, công chúa Xita. Quý vương Ravana bắt cóc nàng Xita xinh đẹp, trong trắng, bay về vương quốc Lanka của hắn... Bản anh hùng ca về cuộc đấu tranh nghiêng ngửa giữa Thiện và Ác dài 24.000 câu thơ này đã dành trọn quyển thứ V, quyển Saundarakanda để kể kỳ công anh hùng khỉ Hanuman nhảy vọt qua đại dương, biến hình dọ thám Lanka phát hiện ra nàng Xita mỗi mòn rơi lệ trong ngục, mở đường cho hầu vương Xugriva đem quân khỉ giúp Rama chiến thắng Ravana, cứu Xita. Trong câu chuyện dân gian kể với nhau, trong truyện mỗi nơi viết lại bằng thổ ngữ, trong tuồng tích, trong vũ nhạc, không bao giờ vai trò họ hàng nhà khỉ bị bỏ quên. Và vũ cảnh đoàn quân hầu tụ tập, tiếng hú, tiếng học loài hầu hô ứng với nhau tạo nên nhạc điệu man dã cấp bách và oai hùng sáng tác ở Bali vào khoảng những năm 30, ngày nay dân làng vẫn tiếp tục trình diễn, người bất cứ xứ nào xem cũng thích thú và tán thán.

Cho đến một chuyện tiền thân đức Phật trong Lục độ tập kinh tương tự với Ramayana, không có vua quân nhà khỉ giúp thì bồ tát cũng không chiến thắng nổi kẻ ác...

Nhập vào đất nước ta, hóa thân của Ramayana là truyện Thạch Sanh. Nguồn gốc câu chuyện đã được Hoa Bằng dày công khảo luận (1). Cốt truyện chắc ai cũng rõ. Chuyện đáng nói là ta mượn đủ điều, nhưng mượn gì thì mượn, chùa truyện...khỉ.

Một sự lãng quên có ý nghĩa.

Tích tịch tình tang, cây đàn thần cứu nguy cho Thạch Sanh là con vua Thủy tề tặng. Thế mới ung bụng ta ! Rõng, ta trọng vọng tôn kính, thấp xuống một bậc thì thường lường ta nề ta sợ, cá tôm còn cho là tạm được đi, chứ khỉ... thì làm nên cái thá gì, ngoài việc làm trò khỉ ?

Cứ ngó mà xem, rõ khỉ ! Bộ mặt đã nhấn nhó như khỉ ăn mắm tôm, đít mình đỏ lôm chẳng thấy lại đi chê bai kẻ khác khỉ chê khỉ đở đít, thêm cái tội lấm lông, chớ còn không chịu được, chớ chê khỉ lấm lông, khỉ chê chớ ăn đông ăn dài, lại đèo cái mùi đến anh chuột chù còn phải bịt mũi chuột chù chê khỉ rằng hôi, khỉ lại trả lời cả họ mày thơm ! Tính tình thì dù đốn bất chúc vật, voi đứ, khỉ cũng đứ, chuột chù nhảy quanh, đã thế lại nông choẹt, cầm khỉ một ngày biết khỉ múa.

Có được cái tài khỉ leo cây, thì ra rừng mà thi thố. Theo

huyền thoại của ta khi vốn là người, vì tham lam xấu bụng mà hóa thành khỉ, bị xóm làng đuổi đi.

Sự tích kể rằng xưa kia có một nhà trưởng giả đối đãi tồi tệ với người ở gái. Một hôm nhà có giỗ, người con gái ra giếng gánh nước, gặp một cụ già rách rưới xin ăn, vội về lấy phần cơm của mình đem ra cho. Ông cụ bảo rằng : " *Ta là Bụt, con muốn gì ta sẽ cho con được như ý nguyện*". Cô gái chỉ ước sao được bớt xấu xí. Bụt dạy nàng lội xuống giếng hể thấy hoa nào đẹp thì mút lấy. Cô gái vâng lời, thấy hoa trắng thì ưa, mút vào bỗng nhiên trở nên xinh đẹp như tiên. Quấy nước về đến nhà, mọi người kinh ngạc xúm lại hỏi căn do, nghe cô gái kể lại sự tình, cả họ đổ xô ngoặc ra giếng.



Ông cụ vẫn còn ngồi đó, ai nấy rối rít đem xôi thịt mời ăn, xít xoa xin cụ làm phúc giúp cho. Bụt cũng bảo họ y như lời dặn cô gái. Xuống giếng, họ thấy hoa đỏ là đẹp, mút lấy mút để, ngờ đâu mặt mũi trở thành nhăn nheo, người quắt lại, lông lá ra đầy, đuôi mọc dài. Người làng thấy vậy hoảng hồn vờ đồn gánh đánh đuổi đi.

Khỉ chạy lên rừng ; tiếc của quá, đêm đêm lại kéo nhau mò về làng, tùm tùm ngoài sân, leo lên cửa sổ, nhòm vào nhà, dẩu mỏ léo nhéo suốt đêm. Người làng sợ, bàn với nhau bôi mắm tôm vào song cửa, lại nung nóng thật nhiều lưỡi cày đặt rải rác trong sân. Khỉ kéo nhau về như thường lệ, leo lên cửa bị mắm tôm vấy đầy tay, quệt tay vào người, hôi quá, bỏ chạy ra sân ngồi bệt xuống. Vừa đặt đít phải lưỡi cày nóng bỏng chúng nhảy nhồm, kêu chí choé, ba chân bốn cẳng một mạch kéo nhau về rừng, cách không dám vào làng phá phách nữa. Và vết bỏng cháy đỏ đít khỉ từ ấy đời đời không phai.

Huyền thoại này, Nguyễn Đông Chi ghi theo lời kể của người Vĩnh Yên, Sơn Tây (2). Chính là vùng đất tổ Hùng vương ; truyện hẳn hình thành thời tổ tiên ta còn sinh sống ở đồi núi ven đồng bằng sông Hồng. Khỉ đồng loại với ta, nhưng xấu xa, ta không chấp nhận được, phải tống khứ cho thật xa, ra rừng ra rú, ra ngoài ta.

Từ ấy ta đã đi dần xuống đồng bằng sông Hồng. Mỗi ngày mỗi xa núi xa rừng, mà khỉ vẫn không ngớt gọi cho ta cảm giác ngại ngại, ai lại *nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà* !

Rồi ta đi tiếp, đi mãi, hướng về Nam. Miền Nam còn hoang dã, *khỉ ho cò gáy*. Và ta thấy họ hàng nhà khỉ xuất hiện trong ca dao như một hình ảnh trước mắt, gần gũi hàng ngày, đem ra ví von trong tiếng hò câu hát :

*Vượn lia cây có ngày vượn rũ
Mẹ xa con rời mặt ủ mày châu
Má ơi đừng gả con xa*

Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu

Xin mở đầu ngoặc để nói là trong họ nhà hầu, vượn được phần nào biệt đãi, ca dao dùng vượn gợi hình ảnh hoang dại xa xôi *chim kêu vượn hú* thơ mộng hơn *khỉ ho cò gáy*. Và cũng chỉ có vượn được xuất hiện một lần trong truyện Kiều, khi Kiều gảy đàn cho Hồ Tôn Hiến :

*Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay
Ve ngâm vượn hót nào tầy
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu.*

Nhưng ở đây, không thể trừ loại ảnh hưởng văn thơ Trung Quốc mà hình ảnh vượn thường xuất hiện đặc sắc trong nhiều bài thơ bất hủ, đơn cử bài *Tảo phát Bạch Đế thành* (Sớm ra đi từ thành Bạch Đế) của Lý Bạch :

*Triều từ Bạch Đế thái vân gian
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn
Lưỡng ngàn viên thanh để bất tận,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san
(Sớm từ Bạch Đế rục ngàn mây
Muôn dặm Giang Lăng, tới một ngày
Vượn hót ven sông nghe chẳng dứt
Thuyền qua muôn núi nhẹ như bay)*

(Tương Như dịch, Trần Xuân Đề chữa lại câu 3 đổi *ỉ rá* thành *chẳng dứt*)

Trở về lại dân ca miền Nam, ta thấy xuất hiện tên gọi đích danh những giống khỉ khác nhau trong đoạn tả cảnh Tà Long của *Về xa xứ*, một *thư gửi mẹ* (thư rơi là một dạng văn bình dân miền Nam) :

*Nhìn trước mặt voi đông lỗ nhỏ
Hướng đông bắc công kêu tổ họ
Cõi tây nam gà rừng gáy ó ò ò
Ngó trên cây thấy khỉ đột mặt đen mò
Nhìn dưới đất thấy lợn nòi nhăn răng trắng xác*

Đã đến Tà Long thì ít ra cũng được khoác lác một chút cho thỏa cái thú không riêng gì của người miền Nam. Tuy nhiên ba hoa cho vui ở vùng Sông Bé thành dạng *Về thi tài nói dóc* nam nữ đối đáp với nhau, có một chàng kể thánh kể tướng rằng:

*Trái cau mới lạ trên đời
Cái vú của nó mười người ngồi bơi
Lên rừng kết bạn với đuôi uơi
Niu bàn tay nó, tui cười (nó) chết queo
(Văn học dân gian, Sông Bé 1988,
Lư Nhất Vũ và cộng tác sưu tầm)*

Khai khẩn miền Nam ta lại có dịp gần gũi với khỉ, nhận dạng từng giống lợn nòi, khỉ đột, đuôi uơi..., lời đại ngôn dùng hình ảnh họ hàng khỉ để gợi cảm xúc rừng rú, ghê sợ.

Phải về đến vùng đất mới nhất, còn hoang dã khi Cần Thơ đã phồn hoa văn vật,

*Xứ Cần Thơ nam thanh nữ tú
Xứ Rạch Giá vượn hú chim kêu*

chủ yếu khai phá vào thế kỷ thứ 19, đầu thế kỷ 20, mới thấy góc độ nhìn khỉ khác đôi chút trong bài hát đồng giao *Cho cho trả trả* :

Chơi với nơm là nơm cho cá
 Chơi với ná là ná cho chim
 Chơi với kim là kim cho chỉ
 Chơi với khỉ thì khỉ cho bàn,
 Trả trái bàn cho khỉ
 Trả chỉ cho kim
 Trả chim cho ná
 Trả cá cho nơm

Trong bài hát, khỉ là một trong chuỗi những vật thông thường, không gây phản ứng thương hay ghét, một vật vô thưởng vô phạt. Nhưng mà đây là bài hát của con trẻ chất phác vô tư đặt ra.

Ở Đồng Tháp Mười hoang sơ, truyện dân gian biển *khỉ khô*, vốn cũng như *khỉ mốc* là từ dùng để “nói không có sự chi, không nên sự chi” (3), thành ra vật quý giá. Truyện kể



rằng thằng Tâm, con Sáu Lái một hôm đi sâu vào rừng tràm theo bầy con chim tiu lú, bắt gặp xác *khỉ khô* chết cứng trên cây giá, lông trắng như tuyết, chẳng những không có mùi lại phảng phất thơm lạ lùng... Giá trị xác khỉ chết rữ này

được ông thầy thuốc người Hoa giảng giải đó là xác bạch lão hầu sống trên 500 năm ở Ngũ Đài Sơn, khỉ rữ thì tìm cho được cây có trâm, xác nó rút hết trâm vào mình, vì thế khỉ khô này quý giá vô song, là thuốc cứu bệnh nan y, thuốc trường sinh bất lão...(4)

Phải là con người đất Đồng Tháp chua phèn, cấy lúa không đủ ăn, những lúc quá ngặt đẫy xuống đi cát bâng kiếm chác đắp đống qua ngày phải chịu “muối kêu như sáo thổi, đĩa lèn như bánh canh”, ngủ “mùng gió” (ngủ mà còn chống xuống cho muối không bu theo kịp), “mùng nước” (nằm ngâm mình dưới nước cho muối khỏi cắn), ở “nhà đá” (túp lều lúc bỏ đi lấy chân đá một cái là dọn xong), không có một xu con dính túi, mùa nước nổi mình mông buộc phải nằm khoèo trong xó nhà, mới thả hồn ra ngoài muôn trùng bay đến Ngũ Đài Sơn, cho con bạch lão hầu huyền bí lạc tới tận rừng tràm của mình để mình làm giàu lớn, tậu ruộng, tạo nhà ngôi cây mít! Khỉ khô Đồng Tháp là con khỉ đẹp nhất trong không gian tưởng tượng của ta, đẹp như ước mơ không bao giờ với tới.

Nhưng mà xét cho cùng quý là cái xác ngấm trâm, chớ còn phần khỉ, dù là bạch lão hầu 500 năm hấp thụ tinh khí của trời đất, thì phải cho nó chết đi... Suốt bao thế hệ ra đi, từ đồi núi Vĩnh Yên đến mũi Cà Mau, cái nhìn căn bản của ta về khỉ có gì thay đổi? Từ cổ chí kim, từ Bắc vào Nam đã là khỉ thì ta xem chẳng ra khỉ khô khỉ mốc gì!

Khỉ với người như bầu với bí, là họ hàng gần, khỉ là tấm gương con người nhận diện ra chính mình, một tấm gương phóng đại những gì con người đắp đây, giấu giếm, dè nén trong thâm kín của mình. Tiềm thức tập thể dân tộc nào cũng

ít nhiều đồng hóa “khỉ” với cái phần man dại trong người.

Điểm đáng nói là cả hai văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ đều chấp nhận cái “khỉ” trong mình, nhìn nhận đó là thành phần lành lợi, sáng tạo, không thể thiếu trong cuộc tranh chấp liên tục nghiêng ngả giữa Thiện và Ác. Rama tài ba anh hùng, Tam Tạng là bậc chơn tu, nhưng không có trí minh mẫn có tài tháo vát của khỉ Hanuman, Tôn Hành Giả giúp vào thì chỉ có bó tay mà chịu thua yêu tinh, quỷ dữ. Hành trình đi tới Chân, Thiện, Mỹ, tới trí tuệ, giác ngộ là một cuộc đồng hành, với mọi thành phần không loại trừ một phần nào, Tam Tạng từ bị bác ái, Tôn Hành Giả con khỉ tinh khôn xảo quyệt, Trư Bát Giới con heo đăm mê..., một bị sót lại là thất bại chung cho mọi người.

Ta có khác, dứt khoát ruồng bỏ tống khứ những cái trong ta, trong xã hội bị ta mệnh danh là khỉ, là tều, là bú dù, là đuôi uoi...

Tại sao? Có nên chăng?

Paris 1. 92

Nguyễn Thắng

(1) Hoa Bằng, *Khảo Luận Về Truyện Thạch Sanh*, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội 1957.

(2) Nguyễn Đồng Chi, *Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam*, Tập I, in lần thứ 4, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1972.

(3) Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, 1895.

(4) Nguyễn Hữu Hiếu, *Con Khỉ Khô Ở Đồng Tháp* trong *Truyện Kể Dân Gian Nam Bộ*, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 1987, tr. 311-317.

Triển Lãm

(tiếp theo trang 16)

nhau trong một sự hài hoà chung. Loại tranh này ở châu Âu từ lâu đã trở thành một con đường mòn và về mặt thẩm mỹ không còn đem lại được gì mới mẻ nữa.

Jean Charles Sarrasin là một họa sĩ Pháp tốt nghiệp ở trường Mỹ thuật ứng dụng như trên đã nói. Anh có nét vẽ ký họa khá sinh động. Những bức ký họa được giới thiệu ở triển lãm mà anh đã vẽ tại chỗ trong chuyến đi tham quan Việt Nam cách đây vài năm cho thấy ở nơi người bạn Pháp có cảm tình với Việt Nam này một căn bản nghệ thuật vững vàng, một cặp mắt nhận xét tinh tế.

Nguyễn Đức Hòa cũng là một họa sĩ tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội và được gửi sang Pháp thực tập. Anh chuyên về tranh khắc gỗ, tiếp tục một truyền thống dân gian đáng quý. Anh có những bước đầu thử nghiệm để làm khác với những người đi trước và tìm ra một ngôn ngữ mới cho loại tranh này. Mong rằng anh sẽ có những dịp khác để giới thiệu thêm về nghệ thuật của anh.

Hoài Văn



Phụ bản : tranh bột màu trên giấy dó của Nguyễn Bình Minh
(triển lãm " Position ", Nhà Việt Nam tháng 1. 1992)



thử tìm hiểu xem “dân tộc” là gì ?

Trần Văn Khê

(tiếp theo Diễn Đàn số 3)

Tính dân tộc trong âm nhạc, ngoài việc có và biết dùng nhạc khí dân tộc, còn phải chú ý đến tạo tác phẩm âm nhạc, dùng ngôn ngữ âm nhạc, nắm vững quan niệm về thẩm mỹ, để tạo nên một tình cảm dân tộc, một loại nhạc đi sâu vào tâm hồn của dân Việt Nam. Khuôn khổ của bài báo này không cho phép tôi đi sâu vào chi tiết, khi đề cập đến các vấn đề ấy. Tôi chỉ nêu lên vài thí dụ cụ thể.

Trong nhạc truyền thống Việt Nam, khi đặt bản buồn, phải dựa theo hơi Ai, hoặc hơi Ai Oán. Tức là, những chữ nào ngay âm *xang* thì phải có độ cao của *xang già*, tức là cao hơn *xang* một tí, chữ nào thuộc về âm *cống* phải theo hơi *cống non* tức là thấp hơn *cống* một tí. Bài *Khóc quốc hồn* của Nguyễn Mỹ Ca nghe buồn và rất dân tộc nhờ câu “ Bao nhiêu năm sống như tôi đời ” nếu xướng âm theo nhạc Việt Nam là *liu, liu, liu, xang cống xê xang*; nếu viết theo ký âm Tây phương thì *do, do, do, fa, la, sol, fa*. *Cống non* tức là *la* thấp hơn *la* thường, mà cao hơn *la giáng* (*la bémol*), *xang già* là *fa*, cao hơn *fa* thường một chút mà chưa phải là *fa thăng* (*fa dièse*). Khi hát lại phải *rung*. Hát như vậy sẽ *đậm màu dân tộc*. Cũng như *quãng thứ 7* (7è mineure) *xê - xang* là quãng đặc thù của hơi Nam. Mỹ Ca đã viết “ *Tim bùng sôi* ” (*liu xê xang / do sol fa*) nghe rất Việt Nam, chớ nếu viết *liu cồng xang* (*do la fa*) thì nghe giống Tây. Thí dụ trên cho ta thấy rằng :

– Một nét nhạc muốn có tính dân tộc phải được tạo ra trên một *thang âm dân tộc*, với những *quãng* đặc thù, những chữ *già, non* nhất định, những cách *rung, nhấn, mổ* phù hợp với điệu thức dân tộc. Tất cả các yếu tố ấy liên quan mật thiết với nhau. Không phải chỉ dùng một quãng đặc biệt, một thang âm hai, ba, bốn hoặc năm âm để sáng tác, là nét nhạc của bài hát có tính dân tộc.

Có nhiều người nghĩ rằng thang âm 5 âm (*ngũ cung*) là đặc biệt của dân tộc Việt Nam nói riêng và châu Á nói chung. Không hẳn thế ! Ngay cả thang âm 2 âm, như trong bài *hát đúm* Phú Thọ, thang âm 3 âm dưới nhiều dạng khác nhau, trong các bài hát trẻ em, trong bài *hát thai* miền Trung, 4 âm như bài *Lý ba cô*, hay bài *hát ru* theo phong cách miền Trung, và 5 âm trong rất nhiều bài dân ca hay các bản nhạc thính phòng... không phải chỉ dùng đơn thuần những thang âm ấy mà tạo ra được tính dân tộc của nét nhạc.

Nhưng thang âm theo hơi Bắc, hò xừ *xang xê cống*, Trung Quốc cũng có những thang âm y hệt và cách lên dây như vậy, người Trung Quốc gọi là *zheng gong diao* (*chánh cung điệu*), nhưng nếu đàn theo nhạc Quảng Đông, thì phải có những cách *rung, mổ* khác với nhạc Việt Nam : hò (*rung*) xừ (*mổ*) *xang* (*rung*) *xê* (*rung*) *cống* (*mổ*). Đàn theo nhạc Việt Nam thì ngược

lại : hò (*mổ*) xừ (*rung*) *xang* (*mổ*) *xê* (*mổ*) *cống* (*rung*). Đi vào chi tiết sẽ làm rối các bạn nào không thích nghiên cứu âm nhạc. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào mấy điểm sau đây :

1.- Cao độ của các bậc trong thang âm Việt Nam không giống như cao độ các bậc trong thang âm bình quân. Vấn đề *già, non* rất quan trọng.

Khi các bạn nghe hát ru ở miền lưu vực sông Hồng, thì thang âm của hát ru đó là hò *xừ* (*non*) *xang* (*rung*), không có *xê, cống* (*non*). Quãng từ *xang* đến *cống* là *quãng ba trung bình*, giữa quãng ba thứ và quãng ba trưởng. Người phương Tây gọi là *terce neutre*. Quãng ba đó đặc biệt của vùng sông Hồng, trong lối hát ru, trong điệu *mưỡu* và hát nói trong *ca trù*. Nhưng không phải ai cũng nghe rõ được *quãng ba trung bình* đó.

Năm 1988 vào tháng 7 tại Đại học Los Angeles có một cuộc hội thảo khoa học về âm nhạc ba nước Việt, Miên, Lào. Giáo sư Mỹ Stephen Addis, người đã có dịp nghiên cứu âm nhạc Việt Nam từ lâu, lần này thuyết trình về ca trù Việt Nam. Nghiên cứu rất công phu. Những bản dịch ca trù từ tiếng Việt ra tiếng Anh rất chính xác. Những nhận xét về nhạc ngũ trong ca trù cũng rất tinh vi. Nhưng khi ký âm mấy đoạn hát nói, ông ghi *do, mi giáng* (*mi bémol*), *mi giáng, do, do* cho đoạn “ *chưa biết cái chi chi* ”. Ông mời đích danh tôi phê bình. Sau khi khen nhiều điểm, tôi có nói tới chữ *cống non*, và thay vì *mi giáng* theo lẽ ông phải ghi *mi non*, người phương Tây gọi là *mi moins*, tức là không phải *mi bémol* mà cũng không phải *mi bécarre*. Vì quãng *do - mi moins* là *quãng ba trung bình*, là cái *terce neutre* độc đáo tính dân tộc của nhạc Việt Nam vùng lưu vực sông Hồng. Sau khi nghe lại các bản đã ghi âm, ông đồng ý với tôi và cảm ơn tôi đã nêu lên điểm ấy. Một nhà nhạc học Mỹ, có lẽ tai rất thính và chính xác, mà chưa quen nghe quãng ba trung bình còn phải lầm thay.

Đọc lại bài của cố nhạc sĩ Đỗ Nhuận trong quyển sách về dân tộc tính mà tôi đã dẫn phía trên, có đoạn : “ Ông lão hành khất đế quốc ngày xưa khi giơ tay xin của bố thí, tiếng than của ông cũng thành *sol si ré*, ai dám bảo là ông lấy điệu thức của Tây, hoặc là Tây lấy cấp của ông ”. Lại vấn đề *già, non* nữa rồi. Khi ông lão hành khất kêu cơm “ .. *cho tôi xin bát cơm* ”, anh Đỗ Nhuận nghĩ là giọng ông lão có thể ghi “ *sol sol sol si sol* ” mới cho là câu kêu cơm theo hệ thống *sol si ré*. Chớ thật ra là *si non* mới đúng giọng người hành khất, cùng chung hệ thống thang âm với tiếng hát ru, với ca trù, với cách niệm A di đà Phật theo phong cách miền Bắc... chớ đâu phải *sol si ré* của nhạc Tây ?

Trong câu hò mái nhì miền Trung cũng vậy, “ *chiều chiều trước bến Văn Lâu, ai ngồi ai câu, ai sâu ai thắm* ”, “ *ai câu* ” hò theo cao độ của *cống non*, “ *ai sâu* ” theo cao độ của *xê non xang già*, như vậy mới ra hơi hò mái nhì miền Trung.

Trong bài *Vọng cổ* cũng vậy, chữ *xang* phải *dẫn* và *rung*, tức là *xang già*, chữ *cống* phải hơi *non* một chút. Nếu không đúng như vậy, thì chưa phải lạc giọng nhưng chưa thật đúng hơi của *vọng cổ*.

2.- Ngoài điểm mỗi chữ đàn phải *già, non* tùy theo hơi, theo điệu, theo loại, cách *rung, nhấn mổ* cũng quan trọng.

Chữ *xừ* và chữ *cống* trong tất cả những bản theo hơi Bắc, đầu cho miền Nam, miền Trung, trong mấy bài *Lưu thủy, Kim tiền*, hay miền Bắc trong các điệu hát sập, hát cách của hát chèo, đều phải *rung*.

Trong tất cả những bản hơi Nam, hơi Ai, như *Nam ai, Nam bằng, Tú đại cảnh* miền Trung, *Nam ai, Văn thiên tường, Vọng cổ* miền Nam, hay trong các bản có hơi buồn như *sa lệch, ba vãn*

ba than trong chèo, chữ xang phải cao hơn chữ xang thường một chút, và phải rung nhẹ. Rung lơ theo miền Trung, rung nhất theo miền Nam, nhưng đều phải rung.

Khi xem qua đa số bài bản tong các loại dân ca, cổ nhạc, chúng tôi thấy rằng tính dân tộc của cách thể hiện cái buồn, cái vui trong nét nhạc Việt Nam là :

3.- Trong những bài vui tươi, những chữ đàn *chân phương*, không *già*, không *non*, mà chữ *xự*, chữ *cống* phải rung.

Trong những bài buồn, thì chữ xang phải *già* mà rung, chữ *cống* phải *non* mà không rung, thỉnh thoảng chữ *xự* cũng phải *non*.

Một đặc điểm khác của tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam là nguyên tắc *chân, phương, hoa, lá*.

4.- Trong cách biểu diễn thì nguyên tắc *chân, phương, hoa, lá* được áp dụng trong thanh nhạc, khí nhạc, trong đàn dây và trong bộ gõ.

Không ai học bản Lưu thủy hồ là hồ *xự xang* mà khi đàn hoà với bạn bè, lại đàn y chang hồ là hồ *xự xang* *chân phương* như thế. Mà phải đàn *hoa lá* ít nhất cũng đàn *hồ*, *cống hồ* là hồ *xự xang*.

Nhịp đôi, đánh trống học theo câu : *rụp từng cắc, rụp từng cắc*. Khi biểu diễn, thì phải thêm *hoa*, thêm *lá* : *rụp từng cắc, táng rụp táng từng cắc*. *Chân, phương, hoa, lá* rất cần thiết trong cách biến khúc, biến phách.

5.- Tính cách *động* chứ không *tĩnh* là một tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam.

Từ bài Lưu thủy nhập môn, biến thành Lưu thủy Thục giang, Lưu thủy đổi ngón, Lưu thủy trường...

Trong truyền thống ca nhạc Huế, mặc dầu nhạc sĩ tôn trọng bài bản xưa, nếu so sánh, các bản Phú lục, Cổ bản, Nam ai, Nam bằng ghi âm ngày trước và ngày nay, cũng có một số thay đổi về nét nhạc hay trường độ của mỗi phách.

Trong hát chèo, nhịp tư, nhịp sáu, nhịp tám có những cách đánh *chân phương*, và *hoa lá*. Mỗi làn điệu có nhiều trở khác nhau.

Trong nhạc tài tử, thì rất rõ : từ bài Dạ cổ hoài lang nhịp đôi rồi nhịp tư, biến thành Vọng cổ nhịp 8, nhịp 16, nhịp 32, lá 64...

6.- Tính dân tộc không phải cố định mà thay đổi theo nếp sống, quan điểm thẩm mỹ, và tình cảm con người, theo luồng giao lưu văn hoá, nhưng không tách rời truyền thống cha ông để lại, để tiếp nối hoặc phát triển.

Điệu xá trong Châu văn, hơi *quảng* trong đàn tài tử, *hồ quảng* trong nghệ thuật sân khấu đều có tính chất nhạc Trung Quốc. Trong sự giao lưu văn hoá, những nét nhạc Trung quốc, cách phát triển giai điệu, nhịp phách không làm cho người Việt chối tai, khó chịu, nên sau một thời gian, những nét nhạc ấy được xem như đã mang tính dân tộc. Các bài Khốc hoàng thiên, Trưng nguyên hành lộ hiện là những bản hơi *Quảng* nhưng rất *dân tộc*.

Trong miền Nam, đàn *violon*, đàn *ghita*, dùng trong nhạc truyền thống được chấp nhận dễ dàng hơn tại miền Bắc, miền Trung do nếp sống văn hoá của người Việt miền Nam, đụng chạm với người nước ngoài thường hơn người Việt miền Bắc, miền Trung. Tuy đàn *violon*, nhưng cách dựng đàn cho đầu đàn dựa trên đầu gối, cách rung cung tay mặt cầm cung ngay chính

giữa chó không phải đầu cung, người nhạc sĩ Việt Nam vẫn còn giữ một chút gì tính dân tộc của cây đàn cò. Tuy đàn *ghita*, nhưng người đóng đàn đã phải khoét cần đàn ở khoảng giữa hai phím để có thể *nhấn nhá*, *nhấn có gân* như đàn kìm, và *ghita phím lõm* nhờ vậy mà sớm trở thành nhạc khí dân tộc.

Thuở trước, hò cấy, chỉ nói đến việc “ Cất lên một tiếng quan yêu dân chuộng, trước kính thăm ông chủ ruộng được chữ thái bình ”, sau đó là những câu trao đá đổi vàng giữa hai “ công cấy nam, nữ ”, nói chuyện lứa đôi, đời sống gia đình. Nhưng trong mấy năm kháng chiến, thì lại có những câu :

Tiệc quả hồng ngâm mà cho chuột vọc
Tiệc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy
Tiệc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành

Và còn nhiều câu khác mà đồng bào ở nông thôn gọi là *hò quốc sự*, nhưng cũng *mái dài, mái ngắn, câu trống, câu mái, câu hò đó*, tuy nội dung có mới mà hình thức vẫn như xưa, câu hò đó còn mang nặng tính dân tộc.

Từ đầu đến đây, chúng tôi chỉ cố phân tích tính dân tộc trong “ hình thức ”, về mặt kỹ thuật làm đàn, đóng đàn, chơi đàn, kỹ thuật ca hát, ngâm vịnh, từ tiếng hát ru em, đến câu hò, điệu lý, hát ví, hát quan họ, trong đồng áng, trong phòng khách hay trên sân khấu, về mặt nghệ thuật *chân, phương, hoa, lá*, cách thể hiện *già, non* trong thang âm điệu thức, mà ít đề cập đến “ nội dung ”, mặc dầu “ tính dân tộc ” thường bao gồm “ nội dung và hình thức ”.

Chúng tôi phân tích “ tính dân tộc trong âm nhạc ” chứ không phân tích “ tác phẩm âm nhạc ”, một bài ca dao, đồng dao, đối ca nam nữ bài ca thính phòng hay một vở tuồng, vở chèo, vở cải lương.

Trong phạm vi “ tính dân tộc ” trong âm nhạc thì “ nội dung ” không quan trọng bằng “ hình thức ”. Nội dung phản ánh những tâm tư, hoài bão của người Việt trong một giai đoạn lịch sử nào đó, “ nội dung ” có thể thay đổi theo một đường lối chánh trị, do sự quyết định của một *thiếu số* cầm quyền, nhưng “ hình thức ” đã ăn sâu vào nếp sống, thói quen, quan điểm thẩm mỹ của dân tộc, từ đời này qua đời khác, là rễ bám sâu vào đất, cũng có thể thay đổi — vì trên đời không có chi bất di bất dịch — nhưng thay đổi theo *đa số của dân tộc*.

Vì vậy khi bàn đến tính dân tộc, chúng tôi chỉ quan sát cách cấu tạo âm nhạc, biểu diễn âm nhạc, bài hát bài ca, mà ít nói đến “ tác dụng ” của những bản nhạc, bài ca ấy. “ Nội dung ” và “ tác dụng ” của nhạc phẩm không tùy thuộc nơi khiếu thẩm mỹ, quan điểm nghệ thuật của dân tộc, mà thường thì bị “ đường lối chánh trị ”, “ chánh sách văn hoá ” của nhà cầm quyền chi phối. Và đó là một đề tài khác “ âm nhạc và chánh trị ”, hay “ âm nhạc và dân sinh ”, chứ không hẳn là “ tính dân tộc trong âm nhạc ”.

Tóm lại tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam được thể hiện bằng cách đóng đàn, sửa đàn, dùng đàn, cách biểu diễn bài ca bản nhạc, với thang âm điệu thức *độc đáo*, có chữ *già*, chữ *non*, chữ *luyến*, chữ *láy*, chữ *nhấn* chữ *rung*, nhịp *nội*, nhịp *ngoại*, theo phong cách *tròn vành rõ chữ, chân, phương, hoa, lá*, được truyền dạy từ đời này sang đời khác, chịu thử thách của thời gian, phù hợp với tâm hồn, và cách thẩm mỹ của đồng bào người Việt, và khi nghe những bản đàn, bài hát đó, không ai lầm lẫn với những bản đàn bài hát của dân tộc nào khác hơn dân tộc Việt Nam.

Paris, 11.08.91

Trần Văn Khê

Dân Ca Sông Bé ; Dân Ca Miền Nam

Nguyễn Thắng



Cầm quyển sách ¹ dày, in đẹp lên tay mà lòng thấp thỏm. Chuỗi địa danh Bún, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, Chơn Thành, Bến Cát, Tân Uyên ... càng dài, kỷ niệm càng dồn dập tràn về bao nhiêu thì thêm bấy nhiêu thấp thỏm. Sông Bé nước mát, cảnh đẹp, mía ngọt, trái cây thơm... xin đồng ý ký cả hai tay. Nhưng còn dân ca, ra khỏi Bến Cát, khỏi Tân Uyên, cách Sài Gòn vài chục cây số đây thôi là rừng là trảng, đất rộng người thưa, người Xtiêng, người Mạ, người M'ông..., gì là của riêng Sông Bé ?

Xin ai chớ vội hồ đồ như kẻ viết những hàng này, rồi bé cái lằm, xếp sách lại mình tự trách mình thiếu lòng tin vào tài hoa người Bình Dương đất cũ. Tội càng đáng trách vì rằng khi xưa cũng đã được biết qua tài nói lớn lối khoe bấp *Bình Ninh hai người rình một người cạp !* đã đôi lần thăm lời mời mọc tế nhị mà quyến rũ như tiếng ru vọng từ khu vườn xanh mát giữa vùng đất gò cát trắng khô cằn :

*Trời Gò Dầu cây cao bóng mát
Đường Bến Cát hạt cát nhỏ để đi*

Trang rồi lại trang, hết ngạc nhiên đến thích thú, nối tiếp nhau. Dù có gác một bên, không bàn tới khía cạnh âm nhạc, nội ca dao, văn học bình dân đã óng ánh riêng màu sắc địa phương.

Hãy khoan, để dành lại sau việc so sánh với vùng khác phong cách anh con trai đất gò mà quen sông nước, những sông Bé, sông Sài Gòn, sông Mã Đà, sông Đồng Nai, thấy người, lòng dần không nổi vọt miệng hạ văn " ú " :

*Nước Tân Ba chảy qua Vàm Cú
Thấy bộ em chèo cạp vú muốn hun...*

và cô con gái chẳng chịu nhin thua đốp chát ngay câu hò

*Anh muốn hun vậy mà cũng khó
Anh trở về nhà ... bắt chớ anh hun*

Hãy bắt đầu lần mở trí nhớ tập thể ôn lại chi tiết đời sống hàng ngày cái thời chưa xa xưa chi lắm mà nay ta đã quên

*Tay em bung rổ kiếng bước lên xe
kiếng chín từng
Đường về thăm phụ mẫu trước rừng,
sau ruộng*

Xe, trong câu hát huê tình Bến Cát này không phải là xe thổ mộ mà là loại xe ngựa thời trước có bốn bánh, cửa gắn kính, dành cho khách phong lưu có tiền tục gọi là " xe kiếng ", thường người Mã Lai cầm cương nên Pháp gọi là " voiture Malabar ".

Và lóng nghe về, những bài báo truyền miệng, ghi cảnh chợ Thủ hồi bốn mươi năm về trước :

*Xuống tới đầu chợ
(Có cái) cột cao thấy sợ
Lại có gắn máy đồng hồ
Cửa day trở vô
Có bán đồ đủ món
Bán dù, bán nón
Bán áo, bán khăn
Mua bán lảng xảng
Mấy chàng khách trú
Ở trần để vú*

(Về Chợ Thủ)

tả công việc hàng ngày phu đập đá Dĩ An :

*Sớm mơ vác búa chạy ra hầm
Liệng một cái ầm
Tay cầm cây sắt
Anh em ơi !
Chạy cho xa lơ xa lác
Dòm ngoái lại mà thấy ngòi xi
Đâm đầu mà chạy bất kỳ góc gai
Con gái chỉ những con trai
Rủ nhau đập đá sớm mai tới chiều*

(Về đập đá)

tả một thủ công nghiệp cổ truyền ở chợ Thủ :

*Con gái chỉ những trai tơ
Đồng lòng móc đất lập lò xú ta
Đờn ông chỉ những đờn bà
Người thời đập đất, người thời già với
Trộn vào với giọt mồ hôi
Đồng tiền vô cửa mấy người siêng năng
Mấy chị đập đất lảng xảng*

*Mấy chị vẽ chén thì ăn miếng trầu
Nghề làm lò chén nhứt đầu
(Về làm chén)*

hay đọc lại *thơ rơi* gói ghém tâm sự người xa nhà thả trôi vào trí nhớ tập thể mong về đến cha mẹ vợ con, như *thơ phu đồn điền cao su* :

*Ngày thứ ba cam không chạy đến
Gọi phu ra nó điếm từng người
Đổ lên tất cả xe hơi
Kẻ đi Quán Lợi, người thời Xa Cam
Cũng có kẻ Mì Sơ Lanh Dầu Tiếng
(...) Vào trong sở việc làm bó buộc
Lại tức mình chẳng được tự do
Gạo thì ăn chẳng được no
Mông ba, mười bảy hai kỳ lãnh lương...*

Dân ca các dân tộc ít người cũng không lép, lần đầu trong đời, người viết những hàng này được biết dân ca Xtiêng, đồng bào thiểu số xưa kia cư trú trên một địa bàn khá rộng lan tới Bến Nghé, Mỹ Tho, nay thu về vài xóm nhỏ ở Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh. Bài báo hạn hẹp, không thể trích nhiều, xin hiến bạn đọc *Cuộc tình chia tay* :

*Nghe cu gáy ngoài đồng
Tôi đếm, nàng cùng đếm
Tôi buồn, nàng đau đớn
Nhòng bay lên từng đàn
(Nhòng con bay theo mẹ)
Chim bay thành sức gió
Ánh trăng rằm xẻ đôi...*

Thật thi vị hình ảnh trăng rằm xẻ đôi, lại được nhà thơ Lê Giang khéo chuyển lời chọn âm điệu hạp tình hạp ý.

Lư Nhất Vũ, Lê Giang và các cộng tác viên, mặc dù là thời buổi mạnh cua cua máy mạnh cây cây đào, keo sơn gắn bó với nhau suốt mười năm sưu tầm và nghiên cứu, tập hợp được một khối lượng tư liệu quý báu dân ca miền Nam ².

Nói chung ngôn ngữ không mượt mà óng ả tế nhị như dân ca đồng bằng sông Hồng đã mấy ngàn năm trau chuốt. Nó mộc mạc, hồn nhiên, thừa hưởng cung cách, mô típ văn học dân gian miền Trung, nhưng phong cách con người hiển hiện trong câu hò tiếng hát.

Cũng đồng thời làm ruộng đất gò, người Bình Trị Thiên mượn văn để nhớ lời anh dặn dò :

*Ra đi anh có dặn dò
Ruộng su (sâu) cấy ló (lúa), đất gò trồng khoai*

còn anh chàng trai Sông Bé a thần phù
thúc dục :

*Ruộng gò anh cấy lúa Nàng co
Em thương anh thì thương đại đừng để
anh gò mất công*

Lối tỏ tình cũng độc đáo :

*Tay cầm bó mạ rẽ hai
Miệng hò tay cấy cấy xà lai quèo nàng
Vây mà ít ra còn đúng được thanh luật
bằng trắc, chớ xuống tới Kiên Giang
cũng thời vắn “ ú ” mà ba hồn bảy vía
bay đâu mất, mắt anh chàng thấy sao
miệng buột ra làm vậy, cuối câu chuỗi
thanh trắc nối đuôi nhau đột ngột người
nghe giật mình :*

*Chèo ghe ra ngã ba Vàm Cú
Thấy dạng em chèo... cặp vú nức ních
Khi yêu thì dùng dùng lửa cháy, con
traoi võ ngục :*

*Dao phay kề cổ máu đổ anh không màng
Chết anh chịu chết chớ buông nàng anh
không buông*

lời người con gái cũng xứng với yêng
hùng :

*Phụ mẫu đánh anh quật quạ quật quại
Đem anh treo tại nhánh bần
Rủi đứt dây mà rút xuống
Em cũng lần theo anh*

Cũng tình ý ấy, quyết tâm ấy, âm điệu
lời lẽ người con gái miền Thuận Hóa
dịu nhẹ âm thầm :

*Rượu lư ly chân quỳ tay rót
Cha mẹ đi rồi nhón gót theo anh
Thầy mẹ đánh em trăm roi vô một chỗ,
máu đổ tràn lan
Em đây lẳng lẳng lấy muối bóp tan
Theo nhau cho trọn đạo kéo thế gian
chê cười*

Tính người miền Nam ưa châm chọc,
hài hước chế nhạo, Thủ Dầu Một có vẻ
chứa hoang, Kiên Giang có hò sợ vợ, và
cô vợ ăn hàng, và gái hư :

*Nấu cơm bữa thiếu bữa dư
Bữa sống bữa khét bữa như cháo bồi
(...) Áo quần phơi nắng phơi mưa
Đụng đầu liệng đó thúng nia bung vành
Nồi ơ chẳng biết lũng lảnh
Bắc lên nó chảy lạnh tanh bếp lò
Chống mông thổi lửa pho pho
Đổ thừa ông Táo ống ho om sòm...*

Đùa người, cũng là cợt mình. Cái cười
mình đã hàm trong ý nói chuyện cao
sang không với tới, nào đồng, nào bạc,
nào vàng như bài lý ngựa ô,

*Ngựa ô tôi sắm kiệu đồng, dây cương
bằng bạc,
Luc lạc bằng vàng, tôi đưa nàng về dinh
có thật là ở đâu đâu chớ còn ở miền
Nam người hát người nghe lòng hiểu
cho lòng biết chỉ là ước mơ nói chơi cho
vui. Ngoa ngoắt để nhạo chính mình nói
thánh nói tướng khi thì cho lên tới mây
xanh, khi khác lại chìm xuống tận đất
đen, người Giồng Riềng lý ngựa ô rằng*

*Ngựa ô anh thắng bộ tơ, dây cương
bằng lác,
Lục lạc bằng đất, hình dạng một tấc,
Chân đi lác khấc, đưa nàng về TàKeo*

Trong dân gian còn thịnh hành lối chơi
chữ dí dỏm và chất phác, về các loại
cầu suu tầm ở Tân Uyên, về bốn mươi
bảy chợ ở Thủ Dầu Một, về các loại cá,
về các loài tôm, về chim chóc, về các
loài kiến ở Hậu Giang, về các loài rắn ở
Kiên Giang... Nguồn cảm hứng này vẫn
sinh động, thời sự đem từ lạ, ý mới tới
liền chụp ngay lấy ghép vào về, có
những tiếp thu mới tinh :

*Quanh quán xá nhà
Cá Heo, cá Cóc
Công thần hưởng lộc
Là con cá Nhân
Hồng vô tập đoàn
Còn là cá Thế...(về các loài cá)*
hoặc

*Lại còn một mối
Xuất cảng nước ngoài
Thu về lai rai
Bộn bộn ngoại tệ
Đồ la, đồ la
Đồ la, đồ la...(về các loài rắn)*

Con người mộc mạc mà chẳng thiếu
tâm hồn nghệ sĩ, dân ca miền Nam tìm
ra câu ra chữ diễn tả ý nhị tình yêu
chớm nở, dạt dề :

*Thò tay anh bứt ngọn ngò
Thương em đứt ruột giá đồ ngó lơ
nỗi buồn xa nhau da diết :*

*Trời chuyển mưa ba bốn đám sục sùi
Nhái bầu kêu, trống chùa đánh
Dạ em ngủi ngủi nhớ anh...*

hay để ỡm ờ :
*Cườm tay em trắng lại tròn
Chớ em cho ai gói nó mơn một bên*

Ta không lạ là trước đây thịnh hành các
loại hò, hò môi, hò huê tình, hò chèo
ghe, hò cấy, hò đối đáp, hấp dẫn và lời
cuốn nhất là những cuộc hò thi mà tiếc

thay nay không còn nữa. Có “ hò nhân
đạo ” với người biết điều biết phải,
nhưng cũng có “ hò ngạnh trê ”, “ hò cá
ngác ” không nương tay đâm chọc kẻ
khiêu khích gây hấn phải đau điếng,
run en phát rét.

Khi chàng trai đã quá quắt hò lên câu:

*Thằng nhỏ đương chơi chết đứng sừng sờ
Tử du táng địa mà chôn nhờ miếu xá
của em*

Thì chàng gái cũng chẳng nương tay đáp lễ :

*Bạch hổ sơn lâm đất em có lỗ anh khởi có đào
Chôn cha anh xuống mà dựng hào tử tôn
Dân ca, văn học dân gian gói ghém
phong cách riêng của dân tộc diễn tả
tình cảm của mình, ghi vào trí nhớ tập
thể các sự kiện nhìn qua con mắt người
dân đen. Một kho tư liệu chờ các nhà
chuyên môn về nghệ thuật, văn học, xã
hội học ... giúp cho ta biết rõ hơn về ta.
Nhưng với thường nhân thì những lượm
hoa đồng cỏ nội thu hái về cũng chẳng
hẹp hòi che dấu vẻ đẹp, không*

*Như đóa hoa thơm mà mọc giữa rừng
Thơm cay ai biết, ngát lừng ai hay ?*

N.T.

¹ Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang,
Từ Nguyên Thạch, *Dân Ca Sông Bé*, Nhà
xuất bản tổng hợp Sông Bé, 1991, 612
trang.

² Lư Nhất Vũ, Lê Giang, *Dân ca Bến Tre*,
Sở Văn hóa thông tin Bến Tre 1981.

Lư Nhất Vũ, Lê Giang, *Tìm hiểu dân ca
Nam Bộ*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí
Minh 1983.

Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang,
Thạch An, Minh Luân, *Dân ca Cửu Long*,
Sở Văn hóa thông tin Cửu Long 1985.

Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang,
Thạch An, Minh Luân, *Dân ca Kiên Giang*,
Sở Văn hóa thông tin Kiên Giang, 1985.

Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang,
Thạch An, Minh Luân, *Dân ca Hậu Giang*,
Sở Văn hóa thông tin Hậu Giang, 1986.

Lê Giang, Lê Anh Trung, *Những bài hát ru*,
Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí
Minh, 1991.



Phan Huỳnh Điểu, chú tôi.



Phan Tam-Khê

Chị bảo tôi viết về chú Điểu ư ?

Phải viết gì đây khi tôi xa chú đã hơn 40 năm nay ?

Dĩ vãng thì quá xa, mà hiện tại thì cũng chẳng gần vì hai chú cháu ở hai đầu quả địa cầu xa vời vợi.

Thật vậy tôi và chú xa nhau đã 40 năm nay nghĩa là từ năm 1951. Tháng 7 năm nay khi chú ra đón tôi tại ga Sài Gòn, hai chú cháu không nhận ra nhau. Chú ngần ngại tiến lại gần chiếc valise có mang địa chỉ ở Pháp, nhìn tôi do dự : “ *Cô có phải là cô H. không ?* ”. Trí nhớ tôi sục sạo : “ *Có phải chú Điểu không ?* ”. Khỏi phải diễn tả sự vui mừng ra đây làm chi vì nó sẽ thừa thãi và vô duyên. Tôi cảm thấy thương kính chú thiết tha vì cha tôi vừa mới mất mà chú lại hao hao giống Người.

Trong lần gặp gỡ ở nhà chú, kỷ niệm tràn về và ứ nghẹn. Mọi người tranh nhau kể, nói cười. Cũng trong dịp này tôi nhắc lại chú bài *Màu tím hoa sim*, chú vừa phổ nhạc thì bị cấm (khoảng năm 1951 thì phải). Tôi cất tiếng hát một mạch, vì đó là bài hát mà tôi ưa chuộng nhất, vì nó nhắc tôi nhớ nhiều đến chú tôi. Tôi bỗng thoáng thấy mắt chú tôi ướt ướt... vì chính chú, chú đã quên bằng mất tác phẩm của mình.

Tôi thương chú bằng tình yêu của người cháu, vả lại tôi thích hát mà chú tôi lại là nhạc sĩ. Nhưng thú thật tôi chỉ hát lần quần mấy bài hát ngày xưa của chú, hát đi hát lại bài *Màu tím hoa sim* những khi buồn nhớ nhà và nhớ lại mùi thơm của trái sim chín trong những ngày thơ ấu ở miền rừng núi xa xăm... Đạo ấy, tuy ở chung một nhà nhưng chú cháu cũng ít gặp nhau. Quanh năm suốt tháng chú phải quảy gánh – một đầu gạo, áo quần, đầu kia là nhạc cụ và tài liệu, chú chỉ dùng đàn mandoline thôi – đi công tác từ làng này sang làng khác. Chú đi làm công tác tuyên truyền một thân một mình, vừa sáng tác, vừa đàn, vừa hát, vừa nói chuyện... Ngày ấy, chuyện đó là thường, nhưng bây giờ nghĩ lại thấy thật lạ và ngộ nghĩnh quá chừng.

Chú tôi đã bỏ tất cả để ra đi *theo hồn sông núi* từ tuổi hai mươi. Và trên nửa thế kỷ chú đã trung thành với chọn lựa của mình. Thật vậy, với *Đoàn giải phóng quân* chú đã ra đi, từ Đà Nẵng lên núi, ngang dọc khắp Liên khu V, rồi từ núi ra Bắc rồi từ Bắc vào Nam, lúc nào cũng như lúc nào nhạc của Phan Huỳnh Điểu cũng bằng bạc tình yêu. Tình yêu ngự trị những nốt nhạc. Nhạc và lời quyện vào nhau, người thanh niên ấy đã yêu thơ rất sớm, yêu thơ từ lúc còn tấm bé, cho nên những bài hát của Phan Huỳnh Điểu thường là những bài thơ phổ nhạc. Những nốt nhạc làm cho lời thơ được thăng hoa (1)

Chiến tranh bao giờ cũng khủng khiếp và hậu quả của nó xáo trộn mọi sinh hoạt xã hội. Thế nhưng trong nhạc của Phan Huỳnh Điểu ta chẳng thấy những nét rùng rợn của tang tóc, như “ *Tôi có người yêu chết vội vàng mình không manh áo* ”, hoặc vừa đi vừa “ *hát trên những xác người* ”. Xin thưa, đây

không phải là một chỉ trích vì tôi rất yêu nhạc Trịnh Công Sơn, tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến sắc thái của một tâm hồn, đến chọn lựa của một con người đã lấy tình yêu làm kim chỉ nam, và nhờ thế, mọi nơi mọi lúc tình yêu đã ngự trị tất cả. Tình yêu át cả tiếng “ *đại bác đêm đêm* ”, tình yêu che mất tiếng “ *trục thẳng mang màu tang chế* ”. Tôi cũng không thấy trong nhạc của Phan Huỳnh Điểu những phần trắc lợc lữa vì với Phan Huỳnh Điểu tình yêu còn là Tin yêu, là lạc quan nữa. Dù vật đổi sao dời thì cũng có thể *Nói lại đường tơ xưa đã đứt*.

Cũng trong mục đích cho tình yêu được lên ngôi nhạc sĩ đã khéo chọn những bài thơ đặc sắc như bài *Sợi nhớ sợi thương* của Thúy Bắc. Hình ảnh của một thiếu phụ muốn che chở và gánh vác mưa nắng cho chồng – đặc điểm của các bà vợ và mẹ Việt nam qua truyền thống dân tộc – :

Trường sơn đông, Trường sơn tây

Bên nắng cháy, bên mưa quay

Em dang tay, em xoè tay

Mà chẳng thể nào che anh được

hoặc tình yêu của một sơn nữ, của một bà mẹ miền núi qua bài *Bóng cây Kơ nia* của Ngọc Anh :

Bóng ngả che ngực em, về nhớ anh không ngủ

...

Bóng tròn che hông mẹ, về nhớ anh mẹ khóc

Con giun sống nhờ đất

Chim phí sống nhờ rừng

Em và mẹ nhớ anh.

Hình ảnh hai mẹ con xoắn lấy nhau để chỉ tưởng nhớ đến một người, nghe nó da diết làm sao !

Từ yêu người đến yêu quê hương, lúc nào tình yêu cũng mang một nồng độ mạnh mẽ. Bài Quảng Nam yêu thương bắt đầu bằng những câu ca dao nghe như tiếng mẹ ru văng vẳng đầu dây làm mát cả một vùng trời thơ ấu :

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm

Rượu hồng đào chưa nhắm đã say

Rồi thì

Đất Quảng Nam chưa đi đã nhớ

Em nói ngọt ngào vừa gặp gỡ đã yêu

Có người Quảng Nam nào mà tim không đổi nhịp khi nghe nhắc đến những mùi hương tươi mát, những miếng ngon giản dị, những địa danh quen quen :

Quế Trà Mi thơm hương rừng man mác

Mía Điện Bàn thơm ngát mùi đường non

Làn sóng xô long lanh nước Thu Bồn

Dâu bắp lên xanh rờn

Duy Xuyên tiếng thoi dệt lụa

Nhớ chiều Hoà Vang, nhìn lên Hải Vân, Sơn Trà...

Có một đặc điểm khác trong âm nhạc của Phan Huỳnh Điểu tưởng cũng cần nhắc đến. Sinh ra và lớn lên bên bờ Đại dương nên nhạc của Phan Huỳnh Điểu hoàn toàn bị chi phối bởi biển cả, bởi gió lộng, bởi mây ngàn đuổi bắt những cánh chim vượt trùng dương.

Em có thể là chim, là mây, là gió, là nắng và cũng là mưa
Nếu anh là bầu trời lồng lộng...

hoặc

Mùa thu ra biển cả theo dòng nước mênh mông
Mùa thu vào hoa cúc chỉ còn anh và em và mùa thu cũ

hoặc

Có phải tình yêu là trái tim đập vội
Cho thời gian thêm đôi cánh bay mau
Có phải tình yêu có khi chưa dám nói
Mà lòng như sóng vỗ rạt rào
Và rồi
Em là bến bờ nằm nghe biển hát
Anh là sóng biếc ngày đêm đi khắp Đại dương
Biển rộng, sóng dài như anh với em như thuyền với sóng

Và để kết thúc, bài *Chiều Paris* mà Phan Huỳnh Điểu đã sáng tác ngay tại nhà tôi ngày 20.11.91, chúng tôi là trong con người của Phan Huỳnh Điểu sáng tạo và tình yêu không hề cần cỗi, và vẫn giữ được vẻ tươi mát. Đi bên dòng sông Seine mà vẫn thiết tha tưởng nhớ đến quê nhà (mới xa nhà có bốn tuần) :

Bầu trời bao la làm sao xuyên tim ta
Từng cánh chim bay cành tre lá lung lay

...

Niềm thương nhớ em ơi, Hoàng lan bên đó có còn tỏa mùi hương ?...

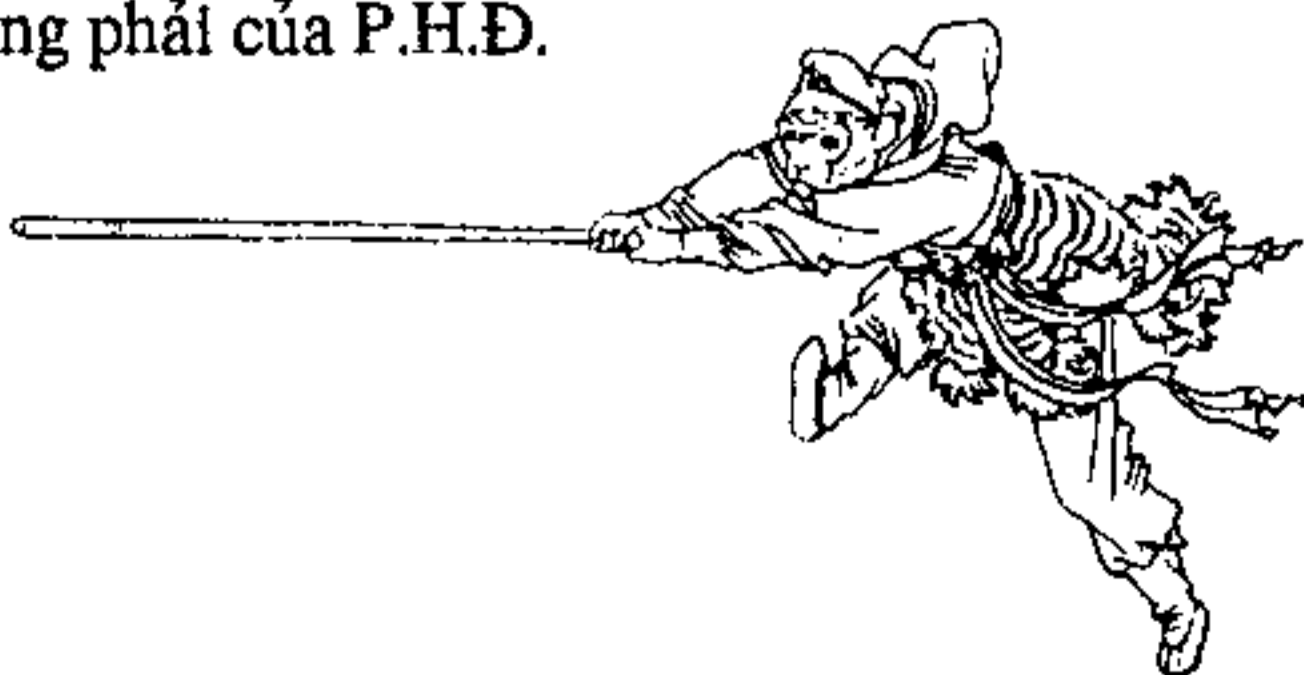
Tôi đã hỏi nhiều người, anh chị có biết nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu không ? Họ lắc đầu trả lời không biết. Thế nhưng khi tôi hỏi anh chị có biết bài *Trầu cau*, bài *Có một đàn chim*, bài *Đoàn giải phóng quân* không, họ “ à ” lên một tiếng khoát trá. Cũng như ở Pháp mấy ai mà không biết bài *Bicyclette*, bài *Un homme et une femme*, *Chabadabada* ? nhưng đã mấy ai biết đến tác giả của chúng ! ? Đó là một đặc ân của các nghệ sĩ tầm cỡ đã nhận được nơi quần chúng. Quần chúng biết đến các tác phẩm của họ mà mù tịt về tác giả.

Qua bao thăng trầm, dưới một chế độ kiểm duyệt khắt khe, nhạc của Phan Huỳnh Điểu vẫn sống và sống mạnh. Có được sự tồn tại đó là nhờ bản chất nghệ sĩ thuần túy, sự xa lánh quyền lực và tình yêu giản dị, cả ba yếu tố đó đã giúp cho nhạc sĩ giữ được cái chân chính của nghệ thuật, giữ cho nghệ thuật chân chính khỏi pha lộn với quyền lực.

Chiều nay Paris thật sự vào thu, trời thấp, lạnh và buồn. Có những bầy chim bỏ xứ ra đi, thì con chim vàng đã *tung cánh chim tìm về tổ ấm*. Phan Huỳnh Điểu đã rời Paris để trở lại quê hương. Ai dám bảo quê hương mình chỉ còn rặt những quạ và điều hâu ?

Paris ngày 14.12.91

(1) Chỉ có các bài *Sợi nhớ sợi thương* và *Bóng cây Kơ nia* là lời không phải của P.H.Đ.



Đầu xuân đọc

HOA XUYÊN TUYẾT

hồi ký của Thành Tín

Văn Ngọc

Hoa xuyên tuyết vươn lên từ những tầng tuyết dày trắng xóa là hình ảnh của mầm sống bất diệt, của khát vọng tự do, ẩn ủ sâu trong lòng đất băng giá...

(Thành Tín, Hoa Xuyên Tuyết, trang 331)

Mặc dầu có nhiều khuyết điểm về mặt biên tập và ấn loát, và mặc dầu được thai nghén trong những điều kiện khó khăn của cá nhân tác giả, cuốn *Hoa xuyên tuyết* cuối cùng đã được nhìn thấy ánh sáng mặt trời ! Đây là một thành công mới của tác giả bản *Kiến nghị của một công dân* (công bố tại Paris ngày 27.11.90, xem *Thành Tín trần tình*, Đoàn Kết xuất bản, Paris 1991, trong đó ngoài bản *kiến nghị* còn có thêm những bài trả lời phỏng vấn đài BBC và báo Đoàn Kết của tác giả). Đây cũng là một điều vui mừng đối với tất cả những ai vẫn theo dõi tình hình Việt Nam và khao khát thông tin, nhất là những thông tin mà chế độ không bao giờ muốn để lọt ra ngoài.

Sự ra đời của cuốn *Hoa xuyên tuyết* là sự tiếp tục và phát triển lô-gích của những hoạt động chính trị của ông Thành Tín ở nước ngoài từ sau bản *Kiến nghị của một công dân* và loạt bài phỏng vấn trên đài BBC đã gây tiếng vang ở trong và ngoài nước.

Qua tác phẩm *Hoa xuyên tuyết*, ông Thành Tín đã kể lại cuộc dẫn thân của mình một cách giản dị, từ lúc 18 tuổi vào bộ đội, trải qua ba cuộc chiến tranh, rồi cuộc đời làm báo quân đội, báo Đảng, 45 năm làm đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam cho tới khi bị khai trừ. Rồi cuộc dẫn thân mới đã đến với ông ở tuổi 63, khi ông quyết định đưa ra bản *Kiến nghị 12 điểm* v.v...

Trên thực tế, đây là một bản cáo trạng lên án chế độ một cách khá toàn diện và tinh tế, đi từ nguồn gốc của những sai lầm là việc rập theo tư tưởng của Staline và của Mao, đến tác phong của từng nhà lãnh đạo Đảng. Tuy nhiên, ông cũng không đi sâu thêm vào tận nguồn gốc của việc rập theo Staline và Mao, cũng như, trong sự đánh giá các nhà lãnh đạo và bộ máy Đảng, ông cũng đã không vạch ra được vai trò quyết định của Ban tổ chức trung ương và nhân vật chủ chốt của nó trong một thời gian dài là ông Lê Đức Thọ. Ở đây cũng cần phân biệt những điều mà tác giả thật sự được mục kích với những điều mà ông chỉ được nghe kể lại, hoặc tự suy luận ra. Dù sao, mỗi nhận định cá nhân về một sự kiện hay về một nhân vật lịch sử nào cũng đều cần có thời gian để kiểm chứng.

Với một lượng thông tin phong phú do kinh nghiệm sống, kinh nghiệm làm báo Đảng và cương vị xã hội khá đặc biệt

của tác giả, với ngôn ngữ bình dân, dễ đọc, dễ hiểu, cuốn **Hoa xuyên tuyết** của Thành Tín có một sức thuyết phục nhất định và chắc chắn sẽ đến được với nhiều tầng lớp người ở trong và ngoài nước.

Tham vọng của tác giả **Hoa xuyên tuyết** là thông tin về nhiều phía và đối thoại với nhiều phía, từ đồng bào ở trong nước, lãnh đạo Đảng tới cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Điều đó dễ hiểu do địa bàn đấu tranh của ông bây giờ. Do đó, ông đã dành một phần xứng đáng trong cuốn sách để nói đến những cái hay, cái dở trong xã hội tư bản phát triển, môi trường sinh sống và làm ăn của phần lớn cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Ông lưu tâm tìm hiểu vấn đề cộng đồng, nêu lên vấn đề hoà giải giữa những người quốc gia và cộng sản. Tất cả những thông tin và suy nghĩ trên vấn đề này đều đáng hoan nghênh và trên thực tế chúng đã làm cho cuốn sách thêm phong phú, có thêm một kích thích mới. Tuy nhiên, do phần này là phần mà ông còn đương tìm hiểu thêm, nên đã không tránh khỏi những nhận xét vội vàng. Như đoạn văn trích dẫn dưới đây, đánh giá tác dụng của những hoạt động của Việt kiều ở nước ngoài, nói lên một cái nhìn không mấy linh hoạt và lạc quan :

“... Ngay cả những lực lượng ở ngoài nước, có tinh thần dân tộc và dân chủ, đề xướng hoặc tán thành hoà giải và hoà hợp, cũng hầu như không có tác dụng gì đối với trong nước. Những tổ chức, những nhân vật của họ hầu như chẳng mấy ai ở trong nước biết đến. Họ không có tiếng nói, không có lực lượng, không có quần chúng. Ý muốn của họ mãi mãi chỉ là ý muốn, dù cho có thiện ý đến đâu...” (trang 17)

Cũng như việc đưa lên bàn cân để so sánh những tội lỗi mà hai bên quốc gia và cộng sản “thường” đổ cho nhau (ở những trang 238-249) là vụng về và không sát thực tế. Đây chắc cũng chỉ là những ý kiến của một vài người quá khích mà tác giả đã tình cờ gặp gỡ trong cộng đồng.

Dấu sao, cuốn **Hoa xuyên tuyết** cũng là một tác phẩm độc đáo, phong phú, súc tích và bổ ích cho sự hiểu biết về hiện tình đất nước. Nó cũng cho phép người đọc nắm bắt một cách cụ thể hơn tư tưởng chính trị của tác giả bản **Kiến nghị của một công dân**.

VietNam's Economic Policy since 1975

của Võ Nhân Trí, nxb Allen & Unwin, Sydney, 1990

Nguyễn Thanh Nhã

Một biên bản căn kẽ ghi nhận sự phá sản của chính sách kinh tế áp dụng ở Việt Nam trong một phần ba thế kỷ (1955-1990) dẫn từ thất bại này sang khủng hoảng khác đến tình trạng băng hoại hiện nay. Chính sách chủ yếu dựa vào mô hình ý thức hệ kiểu Stalin-Mao đặt ưu tiên trên sự thiết lập cưỡng bách quan hệ sản xuất tập thể và trên cơ chế kế hoạch hóa tập trung, đồng thời dồn tối đa lực lượng sản xuất vào công nghiệp nặng, rốt cuộc gây rối loạn trầm trọng cho toàn bộ hoạt động kinh tế và làm hao phí tiềm năng phát triển.

Quá trình sa sút diễn ra trước tiên trên miền Bắc giữa khoảng 1955-1975, rồi sau đó tiếp tục đến năm 1985 trên quy mô cả nước. Liệu khúc quanh “*đổi mới*” khởi điểm từ 1986 có thể đảo ngược chiều hướng diễn tiến? Tác giả có quyền nghi ngờ khi trích báo cáo của những lãnh đạo có trọng trách như Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt thú nhận nhiều khuyết điểm, tuột trượt và hiệu lực còn quá yếu ớt của những biện pháp cải tổ. Chẳng những các lệch lạc, mất cân đối cố hữu (giữa cung và cầu, giữa thu và chi, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa các khu vực, các ngành sản xuất, giữa tích lũy và phúc lợi công cộng, giữa xuất và nhập...) có chiều trở nên thâm căn, mà còn xuất hiện nhiều tệ nạn mới có sức tác hại xói rửa lớn như nạn siêu lạm phát, nạn thất thoát lợi nhuận kinh tế qua các đường dây song hành hay phi pháp, sự bành trướng của tham nhũng và hủ hoá, sự thao túng của cải đất nước bởi các vương quốc địa phương, các thành trì cát cứ trong sinh hoạt kinh tế.

Do vận dụng khá đặc ý lập luận *ad hominem* đối chiếu hành vi người chủ xướng với chính ý đồ dự định của họ, Võ Nhân Trí đã biến bản tường trình thành một cáo trạng khó chống đỡ, mượn lời các văn kiện chính thức lên án các sai trái thiếu sót của chính sách qua mỗi giai đoạn của tiến trình 35 năm, nhất là qua mấy kế hoạch năm năm. Tuy nhiên, độc giả ước mong quyển sách công phu này, trong kỳ tục bản, sẽ được bổ sung bằng một chương chung kết, tổng hợp hơn, có tính cách phân tích cấu trúc, kiểm điểm tất cả các nguyên nhân và khía cạnh của sự phá sản, hầu tăng sức thuyết phục của công trình nghiên cứu.

Bàn thêm... (tiếp theo trang 12)

an toàn (2). Tiếp theo đó là kế hoạch dài hạn. Riêng phần lương giáo viên và tu bổ trường ốc đã được tăng ngay 64 tỉ Franc, ngân sách giáo dục từ 1990 trở đi không còn như năm 1987 nữa. Điều mà số liệu ngân sách không sao nói lên được là tham khảo, bàn bạc giữa bộ giáo dục với các công đoàn giáo giới, các tổ chức học sinh, các hội phụ huynh học sinh, các cuộc thảo luận ở quốc hội, trên báo chí trước khi đi tới một sự đồng thuận nào đó.

Khoảng 5% TSP dành cho ngân sách giáo dục đã là thiếu hụt ở một nước mà ngoài trường công còn có thêm trường tư, và cấu trúc dân số không đồng trẻ như ta – năm 1990 trẻ con dưới 15 tuổi chiếm 20,5% dân số Pháp và 39,3% ở Việt Nam – thử hỏi ngân sách 4% TSP của ta từ hai năm nay là bao so với yêu cầu thực tiễn sau gần hai chục năm đầu tư không đáng kể?

Số liệu ngắn gọn nói lên được quan tâm của nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục. Nhưng cũng xin chớ quên phần bàn bạc thảo luận dân chủ đi đến dự phóng giáo dục cho hôm nay và cho ngày mai. Chính qua thảo luận, thương thuyết mà nhà nước cùng xã hội công dân cụ thể hóa mối liên hệ qua lại giữa phát triển và giáo dục – sản xuất để có sức đầu tư vào giáo dục nhưng giáo dục lại là tiền đề cho sản xuất và phát triển – trong đó tiềm tàng các vấn đề : phát triển cách nào, phát triển để làm gì? Những vấn đề xem như không có gì là bức xúc nhưng thật ra là những yếu tố ngấm ngấm tạc thành bộ mặt của xã hội ngày mai, người công dân có tinh thần trách nhiệm không thể nào coi nhẹ được.

(1) *Statistical Abstract of the United States, 1990, US Department of commerce, Bureau of the Census*, trích dẫn theo Vũ Quang Việt và Ngô Thanh Nhân, xem Diễn Đàn số tới.

(2) *Lycées : lecture d'une crise. Le plan d'urgence du ministère*. Le Monde de l'Education, số 177, tháng 12. 1990 ♦

Đặng Tiến

Độc thơ

Huỳnh Mạnh Tiên

Tình ca quê hương



Trôi dạt ở nước ngoài, người Việt tha hương ưa làm thơ, giai đoạn nào cũng vậy. Báo chí Việt ngữ đăng nhiều thơ thính thoả cũng có bài hay. Ngoài tấm lòng yêu thơ trong người Việt nói chung, Việt kiều còn có nhu cầu riêng. Làm thơ là một cách sống với nội tâm, nâng niu một kỷ niệm, vắn vẽ một hình ảnh, trau chuốt một lời nói, gạn lọc một tình cảm; làm thơ, đọc thơ là một cách vừa đối phó với đời sống phương tây vừa thăm thì với quê hương, bè bạn. Huỳnh Mạnh Tiên, bạn tôi, Việt kiều lâu năm ở Paris, làm thơ và cho xuất bản tác phẩm *Tình ca quê hương*¹ trong tinh thần đó:

*Quê hương không thể mất
Khi tìm mình là thơ
Tiếng mẹ lữ ngụ ngo,
Mình vẫn yêu vẫn nhớ
Vong hiên chỗ lờ ru
Câu ơi à vời vời
Bỗng nghe về à ơi
Àu ơ ru hồi ru hồi
Quê hương khóit khảm, bồi bồi mất chau*

Chỉ có vậy thôi, chỉ vài âm hao xa vắng sao cứ dàu dặt mãi trong lòng ta? Huỳnh Mạnh Tiên kể lại chuyện một người bà con về thăm nhà, lúc sang lại Pháp mang theo một cặp các kè để chúng tắc lưỡi nghe đỡ nhớ nhà. Chỉ tiếng thạch sùng mà đã cần thiết, còn tiếng trẻ con “rầm rì rúc rích”, và tiếng đẽ trong những lá me “*ngiên nhánh vàng ướ oải*”, trong một trưa hè vời vời:

*Choàng giác bướm đong đưa dẫu cánh rã
Vang trong hồn tiếng chú đế ngày xanh*

Rồi thân phận đôi lứa các kè phiêu dạt sẽ ra sao, trên những trần nhà phẳng

lì, thẳng góc:

*Cắc kè tắc lưỡi kêu đau
Chơ vơ ngo ngẩn bò vào bò ra
Mái gì trần trụi lạ xa
Không kẻo, chả cột, la cà sao đây?
Ai đâu mong chú sang đây
Vuột kẻo mất cột, chú mày lao đao*

Huỳnh Mạnh Tiên không dụng công đẽo vắn gọt điệu; thơ anh thường chuyên chở một nhận xét cụ thể, một ý tưởng chính xác, một tình cảm rõ rệt; tuy rằng, tình cảm ấy đôi khi bàng bạc, lửng lơ, như một đoá hoa vàng đong đưa trong kỷ niệm. Thơ Huỳnh Mạnh Tiên là mảnh vườn xưa mong chờ cơn gió cũ.

*Gió đưa cái cứu vàng hoa
Con đi bỏ xứ bỏ nhà bỏ quê.
Đi quanh đi quẩn quen về
Quên luôn mẹ dặn “chớ hề đi xa”.
Mộng du lạc mất lối ra
Cải tần vàng lá vàng hoa lữ làng*

Quê hương không phải chỉ u hoài, tiếc nuối. Có khi nó thúc giục, khích lệ người con xa xứ:

*Xưa kia
Ông và cha
Vai trần chân đất
Lội trắng tranh
Xưa kia
Ông và cha xuyên rừng thiêng nước độc
Không sợ tiếng hổ gầm
Và voi đàn dẫm nát rừng cây
Xưa kia
Ông và cha
Tâm vòng vạt nhọn
...giặc đến nhà
Bỏ tất cả ra đi cầm súng*

Và từ đó Huỳnh Mạnh Tiên ý thức trách nhiệm mình trước hiện tại của đất nước:

*Ngày nay
Giặc đói, giặc nghèo, giặc khổ
Lấp ló rình mò quê hương tôi bé nhỏ
Không lẽ
Tôi ngại vớt thơ luyện văn
Gào to lên các thống khổ não nùng của
đồng bào tôi*

Huỳnh Mạnh Tiên là người tân học nhưng mang nặng tinh thần đạo lý của người xưa, nên có khuynh hướng làm “thơ nói chí” — thì ngôn chí — của cổ nhân. Nhìn vào cộng trà, anh cũng thấy đạo:

*Mắt chèn nhấp nháy lẫn tần
Nhìn ta từ ái nhủ răn chuyện đời*

Và anh không ngại lên giọng Trạng Trình răn dạy chúng ta:
Ngoài trời mưa tuyết phủ phàng rơi

*Tuyết bạo, trúc gãy, dè thủ chơi
Hay đầu cành trĩu cong thân dẻo
Chợt nảy bung lung: tuyết tả tơi*

Thế giới này là của các cụ Úc Trai, Bạch Vân dầm ba thế kỷ về trước. Cuộc đời này, ngày nay, tràn ô nhiễm, đầy thô tục, khiến hồn thơ khép cánh như *Cây mắc cỡ*:

*Lòng trực giác loài hoa trinh nữ,
Trọc khí nào dù nhẹ lướt qua,
Lá xếp lại, phòng ô tục tử,
Chắc xếp hoai: đời loạn bóng ma.*

Xuân Diệu cũng có bốn câu cùng một đề tài:

*Những cành trinh nữ
Trong cỏ e dè lá hổ người
Khép nép ngoài sương hoa mắc cỡ
Run run dây nhỏ thẹn tay người.*

Hai nhà thơ đều tinh. Xuân Diệu tinh tế, Mạnh Tiên tinh quái.

Đạo đức do anh rao giảng không phải là luân lý giáo khoa thư, mà là cái nhìn vô chấp bắt nguồn từ cuộc sống và đặt cuộc sống lên trên những lý thuyết, những hệ thống tư duy:

*Không cúc thì cũng cỏ gà
Hoa nào mà chả là hoa
(...) Cúc không thì cũng cỏ gà, chết đâu.*

Thơ Huỳnh Mạnh Tiên mang dáng khoẻ mạnh và lạnh mạnh, đôi khi hồn nhiên:

*Mũ cao, áo rộng chả màng
Mong tìm vàng trĩ lá vàng, nai tơ.*

Anh làm thơ, là để gìn giữ chất mơ mộng, ngây thơ trước một xã hội đa đoan, khe khắt. Thơ anh còn nhiều chỗ thô vụng, trong hình ảnh và nhạc điệu, nhưng trong sáng, chân chính. Khổ luyện thêm về kỹ thuật, anh có thể đạt tới bài hay và cô đúc như bài *Tự tình*:

*Cây bén rễ, cần một thời chăm bón
Nuôi vô tình, người trách chặm hoa non.
Sợ khói kia còn bay vòng lọng cộng:
Bồi chưa nồng tình lửa ngọn con con.*

Ngọn lửa Đạo, ngọn lửa Thơ, lửa quê hương, lửa mến thương, đều lấy tình người làm dưỡng khí. Giữa chúng ta, giữa bè bạn với nhau, cần giữ cho nhau, cần giữ trong nhau những ngọn lửa. Những ngọn lửa hồng, những ngọn lửa nồng. Ngọn lửa Tình. Sáng và ấm.

Đặng Tiến
1.1.92

¹ *Tình ca quê hương*, thơ Huỳnh Mạnh Tiên, nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1991. Tại Paris, có thể tìm mua tại *Nhà Việt Nam, Sudestaste* (quận 5), *Khai Trí, Thuý Nga* (quận 13).

Nam Chi

KÝ HỮU

1. Gửi vài bạn trong ĐĐ

Lỡ xuân thì đã lỡ thì
Tiết trính không tiếc, tiếc gì ngày xuân ?
Trăm lạy tình lang,
ngàn lạy tình quân
Đắm say ai cũng một lần mà thôi.
Một mai mình có lìa đời,
Vấn : " hai con mắt sáng ngời như châu ".

2. Gửi VD

Bác gửi cho em dúm hạt dền,
Thú rau dền tía ủa màu tím.
Rau vườn bác tự tay gìn giống,
Chút lòng què kiếng, chút lòng tin.
Mấy chữ trong thư, bác dặn dò :
Lười thì nhờ vợ, bả trồng cho.
Trồng dền sẽ được ăn dền mãi
Khởi đọc văn chương nhắm ý mắt giờ.
Mấy lời bác nói, nói chơi chơi,
Rời lúc phong ba, bỗng ngậm ngùi.
Ơi ai ai nhớ chời mai cũ,
Xuân này mưa gió có đơn sai ?

3. Gửi TV, nhân ngày giỗ

Mây ở đâu thu hay cuối thu,
Sóng xưa giờ đã giạt xa bờ.
Ngàn sau vừa chạm ngàn sâu thăm.
Đáy biển còn đau những hạt tro.

4. Gửi bạn xi-rô

Xuân xưa ngây ngất vì men rượu,
Xuân này hạ quyết : độc xi-rô.
Xi-rô lòng vẫn say ngây ngất,
Như cánh bướm xuân căng gió to
Tết 1992

Nguyễn Duy

SÔNG THAO

Sông Thao thêm một lần tôi đến tắm
Thêm một lần tôi đến để rồi đi
Gió cũ thổi trống không ngoài bãi vắng
Tôi nhìn em để không nói năng gì
Tôi giữ lại đây cái buồn vô cơ
Để mang về cái nhớ bằng quơ
Xin chờ hỏi tại sao làm như vậy
Tôi vốn không rành mạch bao giờ !
Em đưa tiễn bước chân gìn giữ lắm
Giọt mưa đừng dâng ngọn cỏ ven để
Yêu mến ạ ! Xin đừng buồn em nhé
Dòng nước xuôi đi, giọt nước lại rơi về.

Thanh Thảo

Rông-dô chợ trời

Chợ Long Hoa mỗi ngày mười lăm giá
với em anh chẳng có giá nào
ước chi anh là bao bột ngọt
tay em cầm mới tr�u mến làm sao

ước chi anh là bao thuốc Tháp
chánh hiệu thuốc K dù sản xuất tại Sài Gòn
để em dẫu anh chạy vòng vo tam quốc
em bảo vệ anh trước thủ thách mắt cờn

Chợ Long Hoa mỗi ngày mười lăm giá
anh chẳng có giá nào em đừng trách nghe em
cứ lặng lẽ như cục xà bông thủ thiết
bàn tay ai xát vào bột trắng sẽ nổi lên.

F O R U M

Phiếu mua dài hạn báo DIỄN ĐÀN

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....
ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây ngân phiếu.....FF đề tên HA DUONG gồm :
..... FF là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; các nước khác :
280 FF ; máy bay : DOM-TOM thuộc Pháp, 300 FF ; các
nước khác 330 FF)

..... FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và chèque về Diễn Đàn, B.P. 50,
92340 BOURG-LA-REINE (France).

Chú ý : bạn đọc ở Đức có thể ký séc 80 DM, đề tên TRAN
(Bank : Stadt- und Kreissparkasse Sulzbach-Rosenberg
Konto-Nr. 21 09 700

BLZ 752 517 80), và gửi về địa chỉ :

TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 Sulzbach-Rosenberg.



Bạn đọc và Diễn Đàn

(tiếp theo trang 2)

2/ Phần tin tức chính trị, lúc sau này thấy báo nghèo tin (thông cảm được). Nên đăng những tin mà chúng tôi không biết được, chỉ những người làm báo hay có điều kiện theo dõi mới biết được, để chúng tôi có thể hiểu nhiều và hiểu thêm về bên nhà. Thí dụ như khi nói đến một nhân vật quan trọng nào ở Việt Nam phải nhớ đăng thêm về tiểu sử, về đời sống hàng ngày của họ, về những chức vụ họ từng làm, thuộc phe nào, lên xuống ra sao, giỏi dở ra sao...

(Hồ V.X.)

Minh chủ

Trong thời phong kiến, khi một triều đại suy thoái, nước ta thường bị Trung Quốc xâm lăng, rồi phải chờ một vị anh hùng xuất hiện tụ tập tinh anh của dân tộc, khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược, tái lập nền độc lập cho xứ sở...

Nước ta đang ở trong tình trạng thoái hóa đó, lần này không phải bị ngoại bang xâm lấn (mà vì một chủ thuyết giáo điều ngoại lai đã lỗi thời)... Bài học lịch sử dạy chúng ta phải tìm minh chủ...

(Trần Mười)

Cám ơn bài nghiên cứu và kêu gọi của anh. Song Diễn Đàn không phải là một tờ báo của một tổ chức chính trị, chúng tôi rất tiếc không đăng được bức chân dung lý tưởng của người minh chủ do anh hình dung và đề nghị cụ thể về người đó của anh.

Hoan nghênh và đề nghị

Hoan nghênh ban biên tập đã ra báo đúng đầu tháng và cũng rất mừng là số bạn đọc ghi mua dài hạn đã đạt con số 600. Về cách trình bày tin này, thiếu những *titre* rõ rệt để quảng cáo cho Diễn Đàn...

Cùng với ý trên, đề nghị ban biên tập trình bày các bài ngắn, với tựa in chữ đậm rõ rệt, người đọc sẽ thích đọc hơn. Kinh nghiệm riêng của tôi là, khi đọc báo thì ngày đầu xem ngay từ trang 1 đến trang 7, rồi lật qua đến trang 17, đọc sang trang 18 rồi trang 20, 21..., những bài dài đọc sau, có khi hai ba ngày sau...

(Đào T.N.)

Cám ơn những ý kiến của anh. Về những nội dung anh đề nghị trong thư, như vấn đề "hoá giá nhà cửa"..., Diễn Đàn sẽ cố gắng sưu tập thêm tài liệu để viết bài cho một số gần đây.

Vì bài vở quá nhiều, chúng tôi phải gác lại số sau những bài biên khảo của Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm, Vũ Quang Việt và Ngô Thanh Nhân.

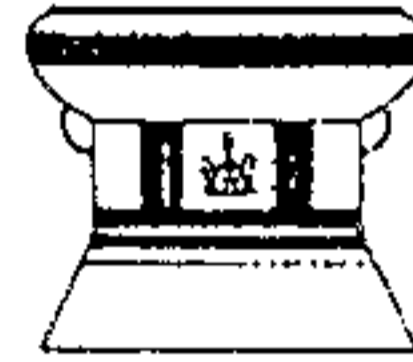
Vì chuẩn bị giải phẫu mắt, học giả Hoàng Xuân Hãn chưa thể hoàn thành phần hai bài hồi ức về Phan Anh. Diễn Đàn xin chúc bác Hãn khoẻ mạnh và xin cáo lỗi cũng bạn đọc.

mục lục

Diễn Đàn và bạn đọc	2
	<i>thời sự</i>
Ngôn từ và thực chất (Hải Vân)	3
Việt Nam...đã qua...sắp tới...	4
Ước một Quốc hội đổi mới (Huy Đức)	6
Vẽ dự án sửa đổi Hiến pháp (Cao Huy Thuần)	8
Tranh luận... (Lê Văn Cường, Bùi Mộng Hùng)	12
Quyền được yên nghỉ (II) (Ng. V.)	12
Limites de la démocratie (Nguyễn Quang)	13
Congo-Vendée (Z. T.)	14
	<i>cộng đồng</i>
Vai trò Đôm Năm (V.Đ)	15
Hai cuộc triển lãm (Hoài Văn)	16
	<i>văn hoá, văn nghệ</i>
Đoá mộng đầu (Đặng Tiến)	17
Vũ điệu của cái bô, truyện ngắn (Nguyễn Quang Thân)	21
Chuyện khỉ — Khỉ và Ta (Nguyễn Thắng)	27
Tính dân tộc trong âm nhạc (II) (Trần Văn Khê)	31
Dân ca miền Nam (Nguyễn Thắng)	33
Phan Huỳnh Điểu, chú tôi (Phan Tam Khê)	35
Đọc sách (Văn Ngọc, Nguyễn Thanh Nhã)	36
Đọc thơ Huỳnh Mạnh Tiên (Đặng Tiến)	38
Thơ (Nam Chi, Nguyễn Duy, Thanh Thảo)	39

BÌA : Kiều và Kim Trọng, tranh bột màu của Nguyễn Tư Nghiêm ; PHỤ BẢN : Vân đại, sơn mài của Lý Sơn (tr. 11) ; tranh bột màu trên giấy dó của Nguyễn Bình Minh (tr. 30).

quảng cáo



VIPHARCO

**CHUYÊN
TIỀN
VỀ
VIỆT NAM**

*hợp pháp
phát nhanh
hối suất cao
miễn thuế
bảo đảm*

(Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh
và các tỉnh lân cận) .

Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*
hoặc *chèque de banque*

Nhân dịp Noël và Tết không lấy cước phí
từ 01. 12. 91 đến 31. 01. 92

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT

XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

☎ (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83